

*Pompidou và di sản cho người kế vị * Người Tây y-sĩ hôm nay nghĩ gì về tư tưởng Lão Trang trong y lý cổ truyền * Nguồn gốc vũ trụ * Vai trò của môn Quốc văn trong chương trình Trung học * Tài liệu về Hồ Xuân Hương * Một Thiền sư thi sĩ: Huyền Quang * Vụ án Nguyễn An Ninh.*

G
 IV O VIII

408

BACH KHOA

G I A I P H Ầ M

BÁCH-KHOA

160 Phan Đình Phùng Saigon

Chủ trương : LÊ NGỘ CHÂU

Bài vở : TÔN THẮT HÀM

Tiền bạc : NGHIÊM NGỌC HUÂN
NGUYỄN HUY NHÂN

GIÁ MUA DÀI HẠN

SÁU THÁNG

1.800đ.

MỘT NĂM

3.500đ.

* Cao Nguyên và Miền Trung : thêm cước phí máy bay một năm : 480đ (mỗi số 20đ.)

* Ngoại quốc đường thủy : thêm cước phí một năm : 720đ

* Ngoại quốc đường hàng không, từ 6-8-73, mỗi số :

Gửi đi Kampuchia : 55đ.

— Ai-lao : 55đ.

— Đông-Nam-Á (Hồng-kông, Đài-loan, Thái-lan v.v...) : 105đ.

— Nhật-bản, Đại-hàn, Ấn-độ, Hồi-quốc : 155đ.

— Âu-châu, Bắc Phi

Trung Đông, Đại-du-ơng-châu

Úc, Tân-Tây-Lan v.v... : 305đ

— Hoa-kỳ, Gia-nã-đại : 380đ

* Chi phiếu, bưu phiếu, xin đề tên ông Lê-Ngộ-Châu 160 Phan đình Phùng Saigon, bưu chi phiếu xin gửi Trương mục 27-46, Bách Khoa Thời Đại Trung Khu Saigon.

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

1 trang giấy mẫu	:	mỗi kỳ	:	10000đ
1/2 trang giấy mẫu	:	mỗi kỳ	:	6000đ
		000		
1 trang trong	:	mỗi kỳ	:	8000đ
1/2 trang trong	:	mỗi kỳ	:	4000đ
1/3 trang trong	:	mỗi kỳ	:	3000đ
1/4 trang trong	:	mỗi kỳ	:	2500đ

Muốn đăng quảng cáo từ 6 tháng trở lên có giá đặc biệt, xin liên lạc với Bách Khoa, 160 Phan-Đình-Phùng Saigon. Đ.T. 25.539.

BÁCH KHOA

G:

TỪ MINH <i>Georger Pompidou</i> và di sản cho những người kể vị	05
LONG ĐIỂN <i>nhân kỷ niệm Phan Châu Trinh nhắc lại: Vụ án Nguyễn An Ninh 48 năm về trước (1926)</i>	17
TRẦN VĂN TÍCH <i>Tư tưởng Lão Trang trong y-thuật Đông phương: phần «ôn tân nhi tri cổ»</i>	23
VÕ QUANG YẾN <i>nguồn gốc vũ trụ</i>	31
HOÀNG VĂN BÌNH <i>thử định lại vai trò của môn Quốc-văn trong chương trình Trung-học</i>	35
VÕ PHIẾN <i>thêm một chút tài liệu về Hồ Xuân Hương</i>	43
NGUYỄN LANG <i>một thiền sư thi sĩ: thiền sư Huyền Quang (Việt nam Phật giáo Sử luận)</i>	49
MINH ĐỨC HOÀI TRINH <i>lá thư nước ngoài</i>	59
LUÂN HOÁN <i>Thăm chủ quán; Gió khơi Qui nhơn (thơ)</i>	64
TẠ TỶ <i>Ca tụng (thơ)</i>	65
MINH ĐỨC HOÀI TRINH <i>Buồn Thái sơn không gieo (thơ)</i>	66
DU LI <i>trong cơn thoát xác (truyện)</i>	67
SINH HOẠT	
TOAN ÁNH <i>tiếp lời ông Nguyễn như Hoàng thêm ý kiến về chợ Mỹ Lợi và xã Vinh Mỹ</i>	73
THIÊN HUY <i>thuyết trình và triển lãm tưởng niệm nhà Cách mạng Phan Chu Trinh tại Trung tâm văn hóa Liễu Quán Huế</i>	74
THU THỦY <i>những phản ứng về kế hoạch gia đình và thuốc ngừa thai</i>	75
ĐA SĨ VĂN THANH <i>trình bày bìa</i>	

Trương: LÊ NGỘ CHÂU

: 160, Phan Đình Phùng Saigon
Điện thoại: 25.539
H.T. 339 Saigon

In tại nhà in TRÍ ĐĂNG
21 Nguyễn Thiện Thuật—Saigon
GIÁ: 150\$ Công sở: 300\$
Cao Nguyên và Miền Trung
cước phí máy bay 25\$ mỗi số

Sách nhận được trước 20-4-74

— Căn bản địa-chất-học của Trần Kim Thạch do Lửa Thiêng xuất bản và gửi tặng. Sách tái bản lần thứ nhất dày 310 trang gồm 2 phần chính Nguyên lý địa chất học ; Tinh khoáng học và Nham Thạch học. Có rất nhiều hình ảnh, hình vẽ và bản đồ chiếu thuật-ngữ địa-chất-học. Giá 900đ.

— Căn bản Địa-tầng-học thế giới và Việt-nam Quyển II : Trung sinh — Cánh tân, của Trần Kim Thạch do Lửa Thiêng xuất bản và gửi tặng. Sách dày trên 200 trang từ chương X đến chương XVI có Phụ lục 14 bản đồ cổ địa lý thế giới và rất nhiều bản đồ cùng hình vẽ, có bản danh-từ địa-tầng-học đối chiếu. Giá 560đ

— Những vấn đề lao-động và xã-hội hiện-đại của Nguyễn Quang Quỳnh do Lửa Thiêng xuất bản và gửi tặng. Sách dày 290 trang gồm nhiều vấn đề lao động và xã hội : tự do nghiệp đoàn, tham gia quản trị xí nghiệp, tranh chấp lao động, thất nghiệp, tiến bộ xã hội v.v... Giá 900đ.

— Nguyên-tắc Kế-toán hiện-đại Nguyên-tác « Basic Principles of Accounting của Gene A. Gohlke, bản dịch Việt văn của Ngô Tử Hùng và phần bài tập của Võ Hồng Xinh do Hiện-Đại thư-xã xuất bản. Sách dày 372 trang gồm 16 chương cung cấp kiến thức về những nguyên tắc kế toán căn bản và trình bày cách áp dụng những nguyên tắc này vào công việc hàng ngày của kế-toán-viên. Giá 600đ.

— Gây hoa cúc tập thơ của Mộng-Tuyệt Thất-tiều muội, do Nhà xuất bản Rừng Trúc ấn hành tại Paris 1974, nhân ngày 8 tháng 2, húy nhật thứ 5

của Cổ Thi-sĩ Đông-Hồ, do tác giả gửi tặng. Sách dày 68 trang gồm 16 bài thơ và 2 văn cáo của Mộng Tuyệt Thất-tiều-muội, Bạt của Thi Vũ, in trên giấy Mai Thúy-Vũ, bìa in trên giấy rêu rất đẹp.

— Kỷ niệm Phan Chu Trinh (48 năm húy nhật nhà cách mạng) do nhóm Tìm hiểu Văn Sử thuộc Trung tâm Liễu Quán xuất bản. Sách dày 100 trang in ronéo, gồm những bài biên khảo của Trần Viết Ngạc, Trần thị Quế Hương, Lê Khắc Cầm, Hoàng Xuân Thái, Nguyễn Bách Huy v.v... và những tài liệu về Phan Châu Trinh.

— Mùa khói ám tập thơ của Lê Thanh Liêm do Nhập Cuộc xuất bản và gửi tặng. Sách dày 60 trang, gồm 44 bài thơ ; Bìa Nguyễn Nam Kim, Thi phẩm 19 của Nhập Cuộc. Bản đặc biệt.

— Thơ Vĩnh Liêm của Vĩnh Liêm Nguyễn văn Tư do tác giả xuất bản và gửi tặng. Sách in ronéo gồm 15 bài thơ.

— Niên-giám Thư viện 1973 do Hội Thư viện xuất bản và gửi tặng. Sách dày 158 trang liệt kê 125 thư viện lớn tại Saigon, các tỉnh và các thư viện học đường, mỗi thư viện đều có địa chỉ, điện thoại, tên của Quản thủ, số sách, báo, hệ thống phân loại, giờ mở cửa v.v... Cuối sách có ghi những thành tích và hoạt động của Hội Thư viện V.N.

— Khoa học phổ thông số 21 (tháng 3/74) và số 22 (tháng 4/74) tập san phổ biến khoa học, kỹ thuật do kỹ sư Lâm văn Vãng làm Chủ nhiệm kiêm Chủ bút, Bác sĩ Mai Lê Hiệp Thơ ký Tòa soạn, Phụ tá Chủ bút kiêm quản lý : Kỹ sư Hoàng Xuân Định. Mỗi số dày 48 trang khổ 16×25, gồm những bài về khoa học và kỹ thuật rất hữu ích cho mọi giới độc giả. Giá 100đ.

Georges Pompidou và di sản cho người kế vị

Vào lúc 9 giờ tối ngày 3-4-1974, một tin từ Paris loan đi đã khiến cho cả thế giới bàng hoàng xúc động: Georges Pompidou, vị Tổng Thống thứ hai của Đệ-nhị Cộng-hòa Pháp đột ngột qua đời.

Không là anh hùng dân tộc như một De Gaulle, không là một vĩ nhân của thế giới như một Roosevelt hay một Churchill, nhưng khi vĩnh viễn ra đi Tổng Thống Georges Pompidou đã để lại trên thế giới một khoảng trống chính trị và tinh thần. Cuộc đời của Georges Pompidou là cuộc đời trầm lặng của một kẻ biết mình biết người. Georges Pompidou là một con người khiêm nhượng kín đáo nhưng đầy ý chí mạnh mẽ. Ông

luôn luôn biết rõ mục tiêu của mình và luôn luôn đạt tới mục tiêu đã vạch sẵn.

Khi lên cầm quyền Tổng Thống, thừa hưởng di sản nặng nề của De Gaulle, Georges Pompidou đã cố gắng đi theo con đường của De Gaulle, nhưng vì không có một uy tín lẫy lừng của De Gaulle, Pompidou phải có một chính sách mềm dẻo hơn và khôn khéo hơn. Ước vọng của ông là tiếp tục công trình kiến quốc của De Gaulle để ổn định chính trị và kinh tế ở bên trong và nâng cao uy tín của Pháp ở bên ngoài. Nhưng ông đã lìa đời quá sớm nên nhiệm vụ còn dang dở.

I. MỘT TRÍ THỨC BAY BướM

Georges Pompidou ra đời vào ngày 5-7-1911 giữa lúc cuộc khủng hoảng trong bang giao Pháp-Đức đang ở trong giai đoạn trầm trọng. Nhưng tại vùng nông thôn Cantal, miền Trung nước Pháp, người ta không mấy chú ý tới các biến chuyển quốc tế. Cậu bé Georges ra chào đời trong một khung cảnh bình dị của một gia đình giáo chức thanh đạm. Ông nội của Georges là một nông dân không đất cấy phải đi làm mướn ruộng. Nhưng nhờ các biện pháp cải-tổ giáo dục mạnh dạn của thời Đệ-tam Cộng-hòa, con của

người dân cày không đất này đã được cấp sách đến trường. Léon Pompidou, cha của Georges được một ông giáo làng săn sóc cho đi học để thành giáo-viên tiểu học. Trong khi còn đi học Trường Sư phạm, Léon Pompidou đã làm quen được với cô Marie-Louise Chavagnac, con của một tiểu thương gia. Cuộc hôn nhân của cậu giáo Léon với cô giáo "con nhà giàu" Marie-Louise đã khiến gia đình Pompidou bước thêm được một bước trên bậc thang xã hội.

Léon và Marie Louise cũng tới Monboudif, một xã ở vùng Cantal

đề dạy học. Và cũng tại nơi này mà Georges ra đời và trưởng thành trong một bầu không khí đậm bạc và chất phác. Đúng với truyền thống dân quê, gia đình Pompidou sống giữa một đại gia đình đông đúc, với ông bà nội, ông bà ngoại, cô dì, chú bác, anh em nội ngoại hai bên luôn luôn đoàn kết nâng đỡ lẫn nhau.

Với chức giáo viên tiểu học, Léon Pompidou đã tự coi là một thành công xã hội, nhưng ông muốn rằng con ông phải thi đậu vào trường Quốc gia Cao đẳng Sư phạm (Ecole Normale Supérieure gọi tắt là Normale Sup), để sau này trở thành Giáo sư Trung học. Do đó mới 7 tuổi mà mỗi khi được hỏi sau này sẽ làm gì Georges đều trả lời là sẽ vào «Normale Sup.», tuy chả biết «Normale Sup.» là cái gì.

Khi lớn lên đi học bậc Tiểu học, cũng như bậc Trung học, Georges hết sức lười biếng, chơi bời lêu lổng. Nhưng được cái thông minh thiên phú nên chơi nhiều mà học vẫn giỏi. Năm nào Georges cũng được phần thưởng. Nhưng tuy được phát phần thưởng mà Georges không bao giờ được các ông thầy khen cho một lời nào. Năm học Đệ-nhị Georges đoạt giải nhất trong kỳ Thi toàn quốc (Concours Général) về môn dịch tiếng Hy-lạp. Người ta cho rằng Georges giỏi tiếng Hy-lạp hơn là giỏi văn chương Pháp, vì Georges chỉ biết chép nhất các tư tưởng của người xưa hơn là có tư tưởng riêng của mình.

Georges đã học hết bậc Trung-học

trong sự đùa dỡn. Ở trong lớp cậu làm trò cho chúng bạn cười Ra ngoài trường cậu tìm cách quyến rũ các cô gái cùng tuổi. Với đôi lông mày đen rậm và cặp mắt xanh biếc Georges được các bạn gái coi là đẹp trai. Năm 17 tuổi đã có lần cậu tính chuyện đem một cô bạn cùng tuổi đi trốn để sống một cuộc tình vụng trộm. Năm Đệ-nhất cậu chỉ đậu Tú tài với hạng thứ vì ngồi trong phòng thi còn mãi ngắm một cô thí sinh mà cậu thầm yêu trộm nhớ từ một năm qua.

Sau khi đậu Tú tài, Georges Pompidou đã lên Paris để theo học lớp Chuẩn-bị Cao-đẳng Sư-phạm tại trường Louis-le-Grand nổi tiếng. Trong khi các bạn bè ngày đêm học tập thì Georges chỉ cả ngày la cà khắp các trà đình, tửu điểm, xem hát, xem tuồng. Ngoài ra vì có những tư tưởng phóng khoáng, Georges lại còn hoạt động chính trị để cải-tiến xã-hội. Cảm thông với các dân tộc bị trị, Georges Pompidou đã tỏ ra hết sức quý mến hai người bạn học từ hải-ngoại tới là Phạm-Duy-Khiêm và Léopold Senghor. Cậu đã tham gia «Phong-trào sinh-viên xã-hội», ủng hộ lãnh-tự xã-hội Paul Boncour và đã rất nhiều lần đánh lộn với nhóm sinh viên hữu phái.

Đậu vào Cao-đẳng Sư-phạm, một trường nổi tiếng chỉ có những phần tử ưu tú mới thi lọt được, Georges Pompidou vẫn tiếp tục nếp sống phong tưng. Theo những thời trang mới nhất, cậu mặc lễ phục để đi nhày, đi găng tay màu vàng nhạt,

đúng điều con nhà quyền thế của Trường Chính-trị (Sciences Po.). Nhưng khi ra trường cậu vẫn vừa đậu Thủ-khoa kỳ thi Thạc-sĩ Văn-chương vừa tốt nghiệp Trường Chính-trị.

Năm 1935 vị Thạc-sĩ trẻ tuổi được cử làm Giáo-sư Văn-chương tại Trường Trung-học Saint-Charles ở Marseilles. Nhân dịp nghỉ hè về Paris cậu gặp cô Claude Cahour, nữ sinh viên Luật-khoa năm thứ nhất và là con của một ông Bác-sĩ. Hai người lấy nhau và gia đình Pompidou lại bước thêm một bước nữa trên nấc thang xã hội.

Cuộc đời giáo sư vốn dĩ túng thiếu, lại sống bên cô vợ trẻ đẹp cần ăn sài sang trọng, giáo sư Pompidou nghèo túng đến nỗi nhiều lần phải trốn trong tủ khí nhân viên nhà đèn để thu tiền điện.

Năm 1938 Giáo sư Pompidou được đổi về trường Trung học Henri IV ở Paris. Tại thủ đô ánh sáng đôi vợ chồng trẻ này đã tìm được một cuộc sống văn nghệ hoàn toàn thích hợp với mộng ước của họ.

Nhưng cuộc đời văn nghệ này chỉ kéo dài được có một năm thì chiến tranh bùng nổ. Georges Pompidou lên đường nhập ngũ. Cho tới khi Pháp đầu hàng Đức, ông phục vụ tại Đại-

đội 141 Bộ-binh chiến đấu trong vùng núi Alpes, với cấp bậc Trung-úy. Ông đã chiến đấu bằng một tinh thần hết sức anh dũng nên được ân thưởng Quân-công bội-tinh. Tháng 6.1940 Pháp đầu hàng. Được giải ngũ, Pompidou lại trở về đời sống dân sự tiếp tục đi dạy học tại trường Trung-học Henri IV.

Trong khi Pompidou dạy ở trường Trung-học trên, tại thành phố Paris vang rền tiếng giày đinh của quân đội chiếm đóng Đức, thì tướng De Gaulle từ Luân-đôn kêu gọi dân chúng Pháp nổi dậy kháng chiến chống Đức. Tuy không trực tiếp tham gia cuộc kháng chiến nhưng Pompidou đã đón tiếp và chứa chấp các phần tử kháng chiến đang bị Đức lùng bắt. Chiều chiều ông mở máy thu thanh bắt đài Luân-đôn để đợi chờ tiếng nói của De Gaulle.

Ngày 25.8.1944, Paris được giải phóng, De Gaulle lâm liệt đi trên đại-lộ Champs Elysées để đặt vòng hoa trước mồ chiến sĩ vô danh. Cùng với 500.000 người dân Paris khác, Pompidou đã úa lệ cảm động trước hình ảnh oai hùng này. Ông không ngờ rằng chỉ vài tháng sau định mệnh đã đưa đẩy ông vào một con đường mới để sau này ông trở thành kẻ kế nghiệp của người hùng De Gaulle ngày trước.

II. MỘT CHÍNH TRỊ GIA BẤT ĐẮC DÌ

Khi tướng De Gaulle nắm chính quyền ở Pháp năm 1944, người ta thấy đời sống chính trị Pháp đang ở

trong một khoảng trống. Các chính-trị-gia của Đệ-tam Cộng-hòa hoặc rút lui vì lỗi thời, hoặc bị thanh trừng,

vì đã cộng tác với quân xâm lăng Đức. Tướng De Gaulle cần những cộng sự viên mới để đặt nền móng cho các cơ-cấu chính-trị mới của nền Đệ-tứ Cộng-hòa. Viên Phó Đồng-ly Văn-phòng của De Gaulle là René Brouillet, trước kia là bạn đồng môn với Pompidou ở trường Cao-đẳng Sur-pham, đã tìm cách đưa Pompidou vào làm Công cán Ủy viên phụ trách về Thông tin và Giáo dục tại Văn phòng của De Gaulle.

Các bản báo cáo tình hình của Pompidou luôn luôn được thảo bằng lối hành văn thanh nhã dạn dĩnh, dễ hiểu với những nhận xét xác đáng nên được De Gaulle ưa thích. Năm 1946, trước sự chia rẽ giữa các đảng phái, De Gaulle giận dữ bỏ chính trường ra đi nhưng vẫn không quên Pompidou. Ông cho vời Pompidou đến để trao nhiệm vụ quản trị tài chánh cho « Hội Anne de Gaulle », một hội thiện do bà De Gaulle tổ chức để giúp đỡ trẻ con đau ốm và xấu số. Nhờ có tài tháo vát, Pompidou đã cứu hội khỏi những khó khăn tài chánh và được bà De Gaulle hết sức tin cậy.

Năm 1948, khi tính chuyện hoạt động trở lại De Gaulle đã nghĩ ngay tới Pompidou và yêu cầu ông này làm Chánh văn phòng cho mình để tiếp tục thảo những « bản tóm lược tình hình » như ngày trước.

Do đó cho tới khi De Gaulle trở lại chính quyền vào năm 1958, Pompidou lúc nào cũng kiêm hai ba chức vụ. Ngoài chức vụ ngoài đời để

kiếm ăn, như Thăm-tra Ủy-viên Tham-chính-viện (Maître des Requetes au Conseil d'Etat) hay Tổng Giám đốc Ngân hàng Rothschild, Pompidou còn giữ thêm chức vụ Thủ quỹ của bà De Gaulle và Chánh văn phòng của tướng De Gaulle.

Mỗi lần tới Colombey les Deux Eglises thăm De Gaulle, ông lại thấy trong phòng khách của De Gaulle thiếu một món đồ. Tướng De Gaulle khi rời chính quyền đã không chịu nhận một chút quyền lợi nào của chính phủ dành cho, nên gia đình ông rất túng thiếu, bà De Gaulle phải bán bớt số đồ để lấy tiền chi tiêu. Muốn giúp gia đình De Gaulle, Pompidou đã bỏ Tham chính viện sang làm việc tại Ngân-hàng Rothschild.

Từ khi ông làm việc tại ngân hàng, gia đình ông đã trở nên sung túc hơn trước. Hai vợ chồng ông phi chí tổ chức tiệc tùng, tiếp đón các văn-nghệ-sĩ, tài tử điện ảnh v.v... Françoise Sagan và Alain Delon là những người hay lui tới nhà ông bà Pompidou nhất. Cuộc đời của ông bà Pompidou lại bay bướm như lúc còn son trẻ. Mùa hè nào ông bà cũng xuống nghỉ tại Saint Tropez, một bờ biển thời trang. Người ta còn thấy những bức hình Pompidou cởi trần thất cà-vạt ôm những cô đào điện ảnh nhảy cuồng loạn trên bãi biển Địa-trung-hải.

Nhưng Pompidou mới chỉ được hưởng cuộc sống sung túc và phóng khoáng này có 4 năm trời thì một cuộc đảo chính quân sự đã đưa

Tướng De Gaulle trở lại chính quyền. Trong khi tạm thời giữ chức vụ Thủ-tướng đề cử của chính-thể Pháp, De Gaulle đã kéo Pompidou ra làm Đồng-ly văn-phòng. Không ưa làm chính trị, Pompidou giao hẹn với De Gaulle là chỉ cộng tác với De Gaulle cho đến khi chính-thể mới được thành lập mà thôi.

Đầu năm 1959, khi Đệ-ngũ Cộng-hòa Pháp được thành lập, tướng De Gaulle đắc cử Tổng-Thống, Pompidou đã nhất quyết rời bỏ chính trường về với Ngân-hàng Rothschild. Giữ không được Pompidou, De Gaulle đã bộc lộ một cử chỉ biệt đãi đối với viên Đồng-ly của mình là cho phép Pompidou được ngồi cùng xe với ông khi ông tới Điện Elysée làm lễ nhậm chức Tổng-Thống.

Đối với ông già Léon Pompidou—ông này còn sống đến tận năm 1969—cậu con của ông đã vượt quá mọi kỳ vọng của gia đình. Trong dịp Georges về Ngân hàng, ông Léon đã viết thư cho một người bạn rằng: "Tướng De Gaulle đã dành cho thằng con tôi một ghế trong nội các. Nhưng tương lai của nó thật ra là ở Ngân-hàng".

Không làm Thủ-tướng hay Tổng-trưởng, Pompidou tưởng đã yên thân. Nào ngờ đâu tướng De Gaulle luôn luôn phải cần đến ông. Năm 1959 ông được Tổng-Thống cử vào Hội-đồng Bảo-Hiến (Conseil Constitutionnel). Năm 1961 ông lại được lệnh của Tổng-Thống đi mật đàm với phe kháng chiến Algérie để chấm dứt chiến tranh.

Năm 1962 De Gaulle cử Pompidou làm Thủ-tướng. Từ chối không được, Pompidou phải ra chấp chánh. Ra làm Thủ-tướng cuộc đời của Georges Pompidou đã gặp nhiều xáo trộn. Từ nay ông không còn cùng với bà vợ hưởng cuộc sống phóng túng, mùa hè đi tắm biển Saint Tropez, mùa đông đi trượt tuyết trên vùng núi Alpes, sáng xem triển lãm hội họa, tối xem diễn kịch hay nghe hòa tấu. Đã thế ông lại còn bị các công thần của De Gaulle chống đối mạnh mẽ. Họ luôn luôn nhắc lại rằng: trong khi Debré, Schumann, Messmer, Frey... đã đi theo De Gaulle sang Luân-đôn hay Alger đề cử chức kháng chiến thì Pompidou chỉ là một Giáo-sư Trung học, chẳng biết De Gaulle là ai. Vậy mà khi thành công, De Gaulle lại dành mọi ưu đãi cho một người đứng ngoài. Họ luôn luôn tố cáo là Pompidou theo De Gaulle " vì lý " chứ không phải vì tình. Họ còn si sào với nhau rằng: "De Gaulle khinh miệt các vị Tổng-trưởng tâm phúc của ông đến nỗi đưa một anh thư-ký-riêng ra chủ-tọa Hội-đồng nội-các".

Nhưng chỉ vài tháng sau, Pompidou đã tỏ ra là một vị Thủ-tướng có khả năng và uy tín. Tuy chưa bao giờ làm dân-biểu hay nghị-sĩ, nhưng khi ra trước Quốc-hội tranh luận ông đã không chịu thua bất cứ một ai về tài biện luận. Tuy không phải là một nhà toán học hay một nhà kinh-tế-học chuyên-nghiệp nhưng ông đã nhiều lần sửa lưng ngay cả Valérie Giscard d'Estaing khi ông này muốn đưa các vấn đề kinh-tế chuyên-môn ra để "hù" Hội-đồng nội-các.

Nội các Pompidou đã kéo dài 6 năm liền từ năm 1962 tới năm 1968 và như vậy phá kỷ-lục về thời-gian của ba nền Cộng-hòa Pháp. Nhưng vào tháng 5-1968 Pháp trải qua một cuộc khủng hoảng cơ-cấu trầm trọng nhất trong lịch-sử. Các sinh viên, học sinh và các giới thanh niên khuynh-tả đã nổi dậy biểu tình chống đối De Gaulle nói riêng và cơ-cấu xã-hội cò-hủ của Pháp nói chung. Là một nhà giáo-dục, Pompidou cảm thông được những nỗi khắc khoải của giới trẻ nên chính ông đã yêu cầu De Gaulle rút lui khỏi chính quyền để tránh an dư luận. Thay vì ra đi, De Gaulle giải tán Quốc-hội và giao cho Pompidou nhiệm vụ tổ chức bầu cử Quốc-hội mới. Trong cuộc bầu cử Quốc-hội năm 1968, Pompidou đã đưa đảng De Gaulle tới thắng lợi đến nỗi đảng này chiếm được một đa số chưa từng

thấy tại Quốc-hội. Riêng Pompidou cũng ra ứng cử lần đầu tiên và đắc cử hết sức vẻ vang. Một người có công như vậy đáng lẽ phải được ngồi lại chức Thủ-tướng. Nhưng Tướng De Gaulle lại quyết định đưa ông Couve de Murville ra thay thế Pompidou trong chức vụ này, vì De Gaulle vẫn còn giận Pompidou đã khuyên ông ta từ chức. Nhưng chưa đầy một năm sau, vì không được dân chúng ủng hộ trong một cuộc trưng cầu dân ý, tướng De Gaulle từ chức. Pompidou liền nhảy vào vòng chiến bằng cách ra ứng cử Tổng-Thống, hy vọng cứu vãn được công trình xây dựng đất nước mà chính ông đã cùng với De Gaulle kiên nhẫn kiến tạo được từ trên 10 năm liên tiếp. Ông nói: «Tướng De Gaulle đã làm xong con đường lớn, đến lượt tôi phải trải đá con đường đó.»

III. MỘT DI SẢN NẶNG NỀ

Pompidou ra ứng cử Tổng-Thống không ngoài mục đích gìn giữ cái di sản nặng nề do De Gaulle để lại. Ông không quên rằng khi ra đi năm 1946 De Gaulle đã để lại một tình trạng hết sức rối loạn với sự chia rẽ trầm trọng giữa các người dân Pháp, với những cuộc tranh chấp giữa các đảng phái. Để tránh cho nước Pháp khỏi phải một lần nữa rơi vào một tình trạng tương tự, Georges Pompidou đã mạnh dạn ra kế vị De Gaulle. Ông biết rằng dân Pháp vẫn ủng hộ chính sách của De Gaulle nhưng với đầu óc phóng khoáng sẵn có, họ không chịu chấp nhận phương pháp độc tài của vị anh hùng dân tộc của họ.

Do đó ngay sau khi đắc cử vẻ vang với 52%22 số phiếu của cử tri, vị Tân Tổng Thống Pompidou đã, một mặt củng cố những thành quả của De Gaulle, nhưng một mặt dùng phương pháp mềm dẻo để tạo cho chính-thể Pháp một bộ mặt Dân-chủ.

Nhưng nếu suốt trong 11 năm của triều-đại De Gaulle nước Pháp đã sống trong một giai đoạn cực thịnh, thì khi Pompidou chấp chánh, nước Pháp lại bắt đầu bước vào giai đoạn suy yếu. Trong 5 năm cầm quyền, Georges Pompidou đã cố gắng lật ngược lại các khuynh hướng chính trị Pháp. Nhưng ông không đủ quyền uy như De Gaulle để đưa nước Pháp

ra khỏi cảnh phân hóa. Các cựu thân của De Gaulle tuy cộng tác với ông, nhưng không thực sự chấp nhận ông. Vì vậy mà Thủ-tướng Chaban Delmas đã cố gắng dựa vào Quốc-hội để chống lại Tổng-Thống. Các bộ hạ cũ của De Gaulle như các cựu Thủ-tướng Michel Debré, Couve de Murville luôn luôn cho rằng Pompidou không đủ cứng rắn để đi theo đường lối của De Gaulle.

Về phương diện kinh-tế và xã-hội, Pompidou cũng gặp nhiều thất bại. Phần lực cơ Concorde mà người Pháp đặt bao nhiêu hy vọng lại bị ế khách vì giá quá cao, các công ty hàng không ngoại quốc chê không mua. Trong những năm vừa qua nạn lạm phát đã làm suy yếu nền kinh tế Pháp. Mức giá cả tăng trung bình mỗi năm từ 10 tới 12%. Thợ thuyền đình công đòi tăng lương. Một cuộc đình công của phu bến tàu đã được dự trừ tổ chức đúng vào ngày 4-4-1974 tức là đúng hôm đám táng của Tổng-Thống Pompidou. Nhưng để tỏ lòng kính trọng vị nguyên-thủ quá cố cuộc đình công này đã được hoãn lại một ngày khác. Hãng đồng hồ Lip danh tiếng phải đóng cửa vì cuộc tranh chấp chủ thợ không tìm được lối thoát.

Trên trường quốc-tế Georges Pompidou đã cố gắng tạo cho nước Pháp một vai trò lãnh-đạo trên thế-giới. Vì vậy mà ông đã đi ngược lại chính-sách của De Gaulle bằng cách mở cửa Thị-trường chung Âu-châu cho Anh-quốc gia nhập. Với sự gia nhập của Anh-quốc và một vài quốc-gia Âu-châu khác, khối Thị trường

chung đã trở thành một lực lượng hùng hậu. Mong của Georges Pompidou là lực lượng này sẽ thành một Liên-bang Tây-Âu và ông sẽ là vị Chủ-tịch Âu-châu đầu tiên. Nhưng trong kế-hoạch này ông vấp phải tham vọng tương tự của Thủ-tướng Đức Willy Brandt.

Ngoài ra trong khi củng cố nền độc lập chính trị của Âu-châu, Pompidou luôn luôn phải đương đầu với sự chống đối của Hoa-kỳ. Sau khi tái lập được hòa-bình ở Việt-Nam Tổng-Thống Nixon đã tính chuyện củng cố địa vị lãnh-tụ của Hoa-kỳ ở Âu-châu. Năm 1973 được Hoa-thịnh-đốn coi là một « năm Âu-châu ». Nhưng trong cuộc hội-kiến với Tổng-Thống Pompidou ở Reykjavik, Tổng-Thống Nixon đã phải chào thua trước sự cương quyết của Pompidou.

Với các cộng-sự-viên của ông, Georges Pompidou cũng gặp nhiều khó khăn đáng kể. Các ông Chaban Delmas, cựu Thủ-tướng và ông Valérie Giscard d'Estaing luôn luôn chờ dịp đề ra ứng cử Tổng-Thống. Các ông Debré, Couve de Murville, Frey chỉ đợi những sơ hở của Pompidou để nhắc cho ông Tổng-Thống «tiếm vị» này là ông đang phản bội tư tưởng của Tướng De Gaulle. Đầu tháng 3/1974 vừa qua, trước sự thất bại của đương kim Thủ-tướng Pierre Messmer, Georges Pompidou buộc Messmer phải từ chức và định cử ông Giscard d'Estaing ra thay để chuẩn bị cuộc bầu cử Quốc-hội sắp tới và để cho chính quyền thêm

uy tín. Nhưng các cựu thần của De Gaulle đã nhao nhao tố cáo ông «xé lẻ» vì ông Giscard d'Estaing thuộc đảng Độc lập liên-kết với đảng De Gaulle chứ không phải là trong nhóm những người tự coi là thừa-kế của De Gaulle. Pompidou đành phải cử lại Messmer lập nội-các mới.

Tuy phương-pháp làm việc của Pompidou hiền hòa và dân chủ hơn De Gaulle nhưng ông vẫn không được dân chúng ủng hộ. Khi mở cửa Thị-trường chung cho Anh-quốc gia nhập năm 1972, Pompidou đã cố gắng đi tìm sự ủng hộ của dân chúng Pháp bằng cách tổ chức một cuộc Trưng-cầu dân-ý đề hỏi quốc dân có ủng hộ đường lối của chính-phủ hay không? Tuy đa số cử-tri đi bỏ phiếu ủng hộ chính phủ, nhưng 42% cử tri đã không tham gia cuộc trưng-cầu dân-ý này.

Với sự ra đi của De Gaulle, tinh-thần kỷ-luật của dân chúng không còn nữa. Suốt 11 năm trời cai-trị, De Gaulle đã bắt người dân Pháp phải sống một cuộc đời đạo đức, khắc khổ. De Gaulle rời chính quyền, rời qua đời, dân chúng như muốn «gỡ lại những ngày đã mất», đua nhau sống một cuộc đời phóng túng. Phim ảnh, kịch nghệ, văn chương của Pháp dưới triều-đại Pompidou thì nhau ca ngợi tình-dục và thân xác. Phong tục Pháp suy đồi đến nỗi khi tài-tử điện ảnh Alain Delon bị dính líu về cái chết mờ ám của người vệ-sĩ, báo chí đã nói tới việc Tòa-án có thể kêu Tổng-Thống Pompidou, bạn thân của Alain, ra hầu tòa với tư-cách

nhân-chứng.

Trước những khó khăn kinh-tế trước sự suy đồi của phong tục trước những chống đối của các lực lượng chính trị quốc tế cũng như quốc nội, Georges Pompidou đã cố tranh đấu để ổn định tình hình trong nước và đưa Pháp lên một địa vị xứng đáng trên trường quốc tế. Cuộc tranh đấu trở nên hết sức bi đát khi đồng thời chính bản thân ông phải vật lộn với một chứng bệnh hiểm nghèo.

Tháng 12-1972, sau khi về quê ở Cajarc ăn lễ Giáng-sinh, Georges Pompidou trở về Paris bị cảm nặng chỉ vì chuyển tàu hỏa ông đi không được sưởi đủ ấm. Vì đau, ông đã phải hủy bỏ cuộc tiếp tân dự trù vào ngày 3-1-1974 khiến nhân viên chính phủ và ngoại giao đoàn không đến chúc Tết ông được. Sau đó người ta thấy ông bỏ hút thuốc lá và bắt đầu phát phì.

Nhưng chỉ một tháng sau người ta lại thấy Georges Pompidou đã sang Nga gặp Tổng Bí-thư Brejnev ở thành phố Minsk. Từ Minsk với cái lạnh 10⁰ dưới 0 độ, Georges Pompidou đã đáp máy bay tới Djibouti, nơi hàn-thử-biêu chỉ 40⁰. Sau hai chuyến công du này ông trở về Paris với một trận cảm cúm mới. Đến tháng 5-1973 ông lại bị cảm lần nữa nhưng cũng cố gượng tới Reykjavik (Islande) để ngăn chặn mưu toan thống trị Âu-châu của Tổng-Thống Nixon. Tại Reykjavik người ta thấy một ông Pompidou già nua, đi không vững, lão đảo từ trên phi cơ
(Xem tiếp trang 79)

Nhân kỷ-niệm Phan-Châu-Trinh nhắc lại :

Vụ án Nguyễn-An-Ninh năm 1926

Tờ La Cloche fêlée số 52 ra ngày 25-3-1926 đã dành trọn trang nhưt loan ba cái tin thật quan trọng : Cụ Phan Châu Trinh từ trần, Nguyễn An Ninh và Dejean de la Bâtie bị bắt và cuộc đón tiếp Bùi Quang Chiêu.

Nhơn Bách Khoa ấn hành số kỷ niệm cụ Phan, chúng tôi muốn công bố một số tài liệu liên hệ đến vụ án Nguyễn An Ninh bị bắt vào lúc toàn quốc thọ tang nhà đại chí sĩ đã từng gửi thơ mật sát vua Khải Định và tố cáo chế độ qua cuốn Trung kỳ dân biến thì mật ký, vụ án Nguyễn An Ninh được xem là một trong những vụ án lịch sử mà tòa án Sài Gòn chứng kiến dưới thời bị trị. Công bố một số tài liệu liên hệ không ngoài mục đích giúp cho các nhà sử học sau này viết một bộ sử đầy đủ về các phong trào kháng Pháp mà tờ La Cloche fêlée do Nguyễn An Ninh chủ trương, đã đóng góp nhiều công lao sắt máu vào công cuộc trường kỳ chống xâm lăng của dân tộc ta.

Năm 1926, nhiều biến cố chánh trị dồn dập ở Đông Dương, làm cho thực dân Pháp toan tính ứng phó với tình thế mới, Cuối năm 1925, chánh phủ Pháp đã tiên liệu được thời cuộc, cho nên đưa Varenne dưới danh nghĩa chiến sĩ xã hội sang án ngữ chức toàn quyền Đông dương. Song song với việc nhậm chức của Varenne, cụ Phan Bội Châu bị bắt đưa về nước và bị đưa đi an trí ở Huế.

Trong năm 1926 có ba biến cố trọng đại xảy ra tại Nam-kỳ :

— Ông Bùi Quang Chiêu, lãnh tụ đảng Lập hiến, từ Pháp về. Dân chúng Sài Gòn tự động biểu tình đón rước để cho thực dân thấy tinh đoàn kết và một lòng yêu chuộng tự do.

— Cụ Phan Châu Trinh về nước chẳng bao lâu thì mất ngày 25-3-

1926. Đám tang của cụ thêm một lần nữa khơi dậy ý thức tự do và ý chí đoàn kết của người dân ba miền.

— Biến cố thứ ba là vụ án Nguyễn An Ninh với một số dữ kiện cho tới nay chưa thấy sách báo nào trình bày trung thực.

Tờ La Cloche fêlée, cơ quan tuyên truyền tư tưởng nước Pháp

Ngày 10-12-1923, tờ *La Cloche fêlée* ra đời với vị giám đốc trẻ tuổi là Nguyễn văn Ninh tức Nguyễn An Ninh. Lúc ấy, ông Ninh mới 24 tuổi, với văn bằng Cử-nhơn Luật, từ Pháp về, ông từ khước mọi chức tước và phẩm hàm do thực dân trao tặng. Đêm 15-10-1923, tại hội trường Hội Khuyến-học Nam-kỳ, ông đã gây một tiếng vang không nhỏ trong giới trí thức Sài Gòn lúc bấy giờ với bài diễn thuyết " Cao

vọng thanh niên», ông diễn thuyết bằng tiếng Pháp, nguyên văn toàn bài đăng lại trên tờ « La Cloche fêlée » số 5 và 6, ông có dịch ra tiếng Việt, in thành sách nhỏ, thuộc loại bỏ túi để dễ phổ biến sâu rộng trong quần chúng.

Trước đây, khi viết về Nguyễn An Ninh, nhiều người đã dịch « La Cloche fêlée » ra là « chuông nứt » hoặc « chuông rè ». Chúng tôi lại muốn giữ nguyên văn bằng tiếng Pháp để nói lên đúng ý nghĩa mà Nguyễn An Ninh muốn gợi gắm qua tờ báo 4 trang do ông tự đứng ra quán xuyến.

Tại sao có cái tên « La Cloche fêlée » (chuông nứt) ?

Trong « La Cloche fêlée » số 6 ra ngày 7-1-1924, ông Ninh trong bài « Cao vọng thanh niên », có tường thuật cuộc hội kiến giữa ông và Bác sĩ Cognacq, Thống-đốc Nam-kỳ. Sau buổi diễn thuyết của ông Ninh, Thống-đốc Nam-kỳ cho mời diễn giả đến hội kiến, tỏ ý không bằng lòng về những ý kiến của ông Ninh đối với chế độ thực dân.

Đề trả lời tờ L'Impartial (La Cloche fêlée, số 16 ra ngày 26-5-1924), ông Ninh có nhắc lại cuộc gặp gỡ trên. Trong lần hội kiến này, Thống-đốc Nam-kỳ có hỏi ông Ninh với bằng Cử-nhơn Luật, ông mong muốn gì, chánh-phủ Pháp đều thuận ý hết cả, ông Ninh từ khước ngay là du học về, ông không muốn làm chỉ hơn là đóng vai cái chuông để gióng lên những tiếng ngân cảnh tỉnh

đồng bào. Thống-đốc Nam-kỳ mỉm cười :

— Nhưng tiếng chuông của anh là thứ chuông nứt (la Cloche fêlée).

Với câu trả lời cộc lốc của Thống-đốc Nam-kỳ mà ông Ninh chọn cho tên tờ báo của ông để cho thực dân biết dù bị áp bức tới đâu, ngòi bút của người trí thức chân chánh cũng không thể bị bẻ cong.

Tôn chỉ của tờ báo được thu gọn trong tiêu đề ghi dưới tên tờ báo : Cơ quan tuyên truyền cho tư tưởng nước Pháp Theo ông Ninh, tư tưởng của nước Pháp là tự-do, bình-đẳng và bác-ái. Nhưng người Pháp khi đến Đông-Dương, không thực hiện đúng lý tưởng đó (La Cloche fêlée, số 1). Ông Ninh xác định rõ vai trò của tờ « La Cloche fêlée ».

— Trước nứt, La Cloche fêlée là một tờ báo đả kích các tư tưởng hoặc một chế độ gông cùm (trích nguyên tác phần dẫn nhập bài « cao vọng thanh niên », La Cloche fêlée số 5).

Đề xác định rõ tôn-chỉ và vai trò của tờ báo, trong số 3, ông Ninh cho đăng bài « Thêm một lời kêu gọi với đồng bào ». Tác giả viết :

« Đồng bào muốn sống và biết rằng sống tức hành động. Đồng bào muốn xã hội mà đồng bào là thành viên, phải là một xã-hội sống động như những xã hội khác để có hạnh phúc mà những xã-hội này hưởng thụ. Hơn thế nữa, đồng bào mong muốn tự do. Nứt là đồng bào mong muốn công lý ».

Ở phần cuối bài báo ghi trên, tác giả đánh thức lòng yêu nước của người dân bị trị :

«Đồng bào đề cập tới tổ quốc, tới lòng yêu nước, đồng bào có biết phải hiểu thế nào là lòng yêu nước, đồng bào có biết yêu tổ quốc là gì không? Đồng bào nói đến sự hợp quần, đồng bào biết phải tương trợ lẫn nhau để làm những việc lớn lao. Đồng bào biết sự hợp quần chơn chính không phải là sự hợp quần tạo nên bởi những lời hứa hẹn mà phải tạo nên bởi sự đoàn kết, sự phối hợp của mọi cố gắng, chính sự hợp quần này mà hôm nay tôi đòi hỏi ở đồng bào. Đồng bào phải đóng góp vào đó sao cho cân xứng với sức lực của đồng bào.»

Tác giả kết luận bài báo nói trên :

— «Tờ La Cloche fêlée là một cơ quan tuyên truyền tức chuẩn bị cho tương lai.»

Tóm lại, với tờ La Cloche fêlée. Nguyễn An Ninh, Phan văn Trường Dejean de la Bâtie, chia thẳng mũi dùi vào chế độ thực dân. Sống trong lòng địch, hấp thụ tư tưởng tiến bộ của thực dân nhưng muốn giải thoát đại đa số quần chúng khỏi cảnh nô lệ, biết bao trở lực và gian nguy đang chờ đón trên con đường đối kháng ấy!

Từ vụ trục xuất Trương-Cao-Động đến vụ biểu tình tại vườn bà Đốc-phủ Tài.

Chắc hẳn thực dân Pháp không để cho nhóm «La Cloche fêlée» dùng ngòi bút tố cáo chế độ. Họ đặc biệt

theo dõi hành tung của người chủ trương tờ báo.

Đầu năm 1926 xảy ra hai vụ mà nhà cầm quyền thực dân dựa vào đó để bắt Nguyễn-An-Ninh. Vụ thứ nhất là dân chúng tập hợp tại rạp Casino ở Đa-cao lúc 10 giờ sáng chủ nhật 31-1-1926 để phản đối nhà cầm quyền Pháp trục xuất Trương-Cao-Động ra khỏi Nam-kỳ. Vụ thứ hai là vụ biểu tình trong vườn bà Đốc - phủ Tài đường Lanzarotte (nay là đường Đoàn-Công-Bửu).

Hai vụ này đều được tờ «La Cloche fêlée» tường thuật nhiều chi tiết khá lý thú, nói lên lòng can đảm vô song của những chiến sĩ cách-mạng chỉ dùng lời nói và ngòi bút để chống lại đạo quân ma-trắc, mã-tà, lính kín do thực dân bủa vây.

Theo Hòa-ước Giáp-Tuất (1874), Nam-kỳ hoàn toàn thuộc thực dân Pháp. Những người miền Trung hoặc miền Bắc vào Nam sinh sống như người ngoại quốc! Thực dân có quyền trục xuất khỏi Nam kỳ những người Trung và Bắc kỳ xét ra có hại cho chế độ thực dân. Trương-Cao-Động ở trong trường hợp này.

Tờ «La Cloche fêlée» số 39 ra ngày 1-2-1926 dành phân nửa trang nhứt thuật lại cuộc biểu tình chống lệnh trục xuất Trương-Cao-Động ra khỏi Nam kỳ. Để có đủ dữ-kiện, chúng tôi trích dịch những nét chánh của bài báo nói trên.

«Cuộc biểu tình chống lại lệnh trục xuất, tự ý bắt bỏ giam cầm không lý do

cháng đáng mà nạn nhân là ông Trương-Cao-Động, đã tập hợp hơn 800 người An-nam vào lúc 10 giờ sáng hôm qua (tức Chủ nhật 31-1-1926) tại rạp Casino Đakao.

«Thật sự, trường hợp của Trương-Cao-Động chỉ là một cái cớ để người ta bàn đến tự do của người An-nam nói chung và tự do của người Bắc-kỳ và Trung-kỳ trú ngụ ở Nam-kỳ. Bởi vì Trương-Cao-Động không phải là trường hợp đầu tiên hứng chịu những biện pháp khắc nghiệt.

«Với duyên cớ vụn vặt hoặc ngay như không có duyên cớ, nhà cầm quyền sở tại luôn luôn trục xuất khỏi Nam-kỳ những người Bắc và Trung-kỳ không làm vừa lòng nhà cầm quyền. Do đó, ông Lê-Đức, ký giả nổi tiếng, một ngày nọ thấy bị bắt buộc phải rời khỏi Nam-kỳ mà không hiểu bị tội chi. Người ta có thể kể trăm thí dụ khác ít nổi tiếng nhưng cũng đáng kể lắm.

«Những lạm dụng quyền thế như vậy luôn luôn làm cho người An-nam căm phẫn. Nếu cho tới nay họ không biểu lộ lòng bất mãn là vì họ sợ sệt quá đáng.

«Tóm lại, trường hợp Trương-Cao-Động chỉ là một giọt làm tràn nước trong ly. Và sự nổi bùng lòng giận dữ tập thể càng ồn ào khi nó đến chậm.

«Tuy nhiên, phải nhìn nhận cuộc biểu tình ngày hôm qua diễn ra trong trật tự hoàn hảo nhất và trong yên lặng tốt đẹp nhất. Từ đầu cho đến kết cuộc, tất cả những người tham

dự đều sinh hoạt với một sự chững chạc đáng kể. Vững mạnh với những quyền của họ, tin tưởng vào công lý của chính nghĩa mà họ đang bảo vệ, những người tập hợp tránh mọi sự ồn ào vô ích nhưng nhiệt liệt vỗ tay tán thưởng những nhà hùng biện lên diễn đàn. Sự tương phản rõ rệt với những cuộc hội họp bầu cử của Pháp thuộc loại cuộc họp hồi tháng 5 năm 1924 tại nhà hát Tây Sài Gòn (1). Trong suốt cuộc họp này, người ta phải dùng bao nhiêu khó nhọc để bắt cử tọa phải yên lặng và nhiều lần Ủy-viên chánh phủ phải áp dụng lệnh trục xuất.

« Không có chi giống vào sáng hôm qua mặc dầu một vài cố gắng của các nhân viên mật thám khiêu khích, nhằm tạo sự rối trật tự để có cơ đàn áp.

« Bàn chủ tọa được thành hình trong vòng 5 giây trước sự vỗ tay của các tham dự viên : ông Ngọc, thương gia, Chủ tịch ; ông Hi, giáo sư trường Nguyễn-Phan-Long và ông Hữu, thợ kỹ kho bạc.

« Với tư cách người đứng ra tổ chức, Dejean de la Bâtie nói đầu tiên. Ông vẫn tắt mục đích phiên họp và cảm ơn quần chúng đến khá đông để chống lại một vụ bất công.

« Tiếp đến luật sư Monin trình bày bằng tiếng Pháp. Phần đông những người đi nghe — ông coi là đồng bào của ông — công chức, thương gia, làm công, hiểu ông, vỗ tay tán thành những chỗ thật cảm động

(1) Nay là trụ sở Quốc-hội.

trong bài diễn văn ứng khẩu của luật sư. Ông Nguyễn Pho dịch ra tiếng Việt theo lời yêu cầu của một số người chưa thông suốt tiếng Pháp.

Với tài hùng biện thường thấy ở ông, vị luật-sư nổi tiếng vẽ lại tai họa của vụ án Trương Cao Động rồi đi đến những nghịch cảnh mà luật sư không ngần ngại xem như kết quả của một cuộc rình rập do các nhân vật cao cấp nhất ở đây can thiệp tổ chức. Các nhân vật đó là thống đốc, biện lý, giám đốc sở mật thám mà sứ mạng thiêng liêng, theo lời luật sư Monin, phải là bảo đảm quyền tự do cá nhân cho người dân sống dưới quyền của các quan lớn ấy.

«Luật sư Monin khuyến cáo «đồng bào của ông» phải tỏ ra xứng đáng bằng hành động và thái độ đối với quyền tự do trong tầm tay của họ.

«Ông Tô đứng lên hỏi trước tình thế này, theo Luật-sư Monin, người An-nam phải hành động ra sao. Nhà hùng biện tài danh trả lời : «Đề xứng đáng với quyền tự do, quý vị phải biết chinh phục quyền ấy. Bằng phương-tiện nào ? Tôi đưa anh trở lại lịch-sử của nước anh. Anh hãy bắt chước tổ-tiên anh !»

«Tiếp theo, ông Pho lên diễn đàn và giải thích dài dòng những quyền của nhân dân đối với chánh phủ và những quyền của chánh phủ đối với nhân dân. Ông nói : «Nhân dân có quyền đòi hỏi tiền bạc ở chánh phủ vì chánh phủ được dân trả lương, do đó chánh phủ phải là những công

bộ của dân.» Khi đề cập tới tình liên đới phải đoàn kết tất cả những thành phần trong xã hội, ông Pho tuyên bố : «Mọi vụ phương hại đến quyền tự do tập thể đều va chạm đến mỗi thành viên trong xã hội cũng như mọi vụ phương hại đến quyền tự do cá nhân của một công dân đều va chạm đến xã hội mà công dân đó phụ thuộc.»

«Mọi người trong phòng đều lộ vẻ phấn khởi.

«Nói lên tình cảm sâu kín của tất cả mọi người, một tham dự viên đứng lên đồng ý : «Nếu Chánh phủ trục xuất Trương-Cao-Động khỏi Nam kỳ, chúng ta sẽ đưa ông trở lại bằng phương tiện của chính chúng ta. Mọi người An-nam ở đây là ở trong nhà của họ. Chúng ta sẽ không tha thứ người ta đuổi kẻ sở hữu ra khỏi nhà của hẳn.»

«Ông Hòa lên diễn đàn giải thích nước Pháp không chịu trách nhiệm về những hành động của các ông quan cai trị xem như được đại diện của nước Pháp. Ông nói : «Vì sống lâu ở Pháp, nhờ kinh nghiệm, tôi biết người Pháp là một dân tộc hào hiệp và yêu chuộng tự do, chẳng những tự do của chính họ mà ngay tự do của các dân tộc khác. Luật pháp nước Pháp đặt cho chúng ta sử dụng những phương tiện ôn hòa để chế ngự và giữ gìn tự do. Chúng ta phải biết sử dụng những phương tiện này.»

«Ông Lâm Hiệp Châu nói cuối cùng với lòng nhiệt thành say sưa

của tuổi trẻ. Ông tuyên bố: «Các bài diễn văn chỉ là những lời chống đối khô khan. Chúng ta phải làm hơn. Chúng ta hãy cùng nhau đi đến dinh Thống-đốc, yêu cầu ông cho biết lý do trục xuất Trương-Cao-Động và nếu cần, chúng ta đòi trả tự do cho Trương-Cao-Động.»

«Mọi người đều bị kích động trước những lời nói của ông Châu và sau khi đọc bản kiến-nghị sau đây và được hội trường tán đồng. Đoàn người tiến về đường Lagrandière (1), ban tổ chức đi đầu, mang theo bản kiến-nghị bằng Pháp văn có nội dung:

«800 người An-nam hội họp tại rạp Casino Đakao (Sàigòn) vào lúc 10 giờ sáng Chủ nhật 31-1-1926

«Sau khi nghe các ông Dejean de la Bâtie, Paul Monin, Nguyễn Pho Nguyễn Văn Hòa, Lâm Hiệp Châu,

«Nhân danh nhân quyền và tự do, với sức lực cuối cùng, phản đối lại lệnh trục xuất, những trò vu cáo của cảnh sát, bắt bớ chuyên chế và giam cầm mà ông Trương Cao Động là nạn nhân.

«Cực lực tuyên bố tôn trọng quyền tự do cá nhân và tôn trọng các bảo đảm khác hợp pháp mà người An-nam có quyền và người An-nam quyết định bảo vệ bằng tất cả phương tiện.»

«Đoàn người biểu tình đi chậm, luôn luôn trong trật tự và yên lặng, được hộ tống bởi một đoàn cảnh sát đi xe đạp do giới hữu trách điều động tới ngay.

«Giới hữu trách cũng điều động tất cả nhân sự đặt thuộc quyền sử dụng: cảnh sát nội, cảnh sát chìm, các ông cò mang lá cờ tam sắc ngang ngực. Ông Rouelle (Đô trưởng Sàigòn) và ông Arnoux (Giám đốc Sở Mật thám) cũng có mặt.

«Lính khố đỏ súng ống đang hoành-bao quanh dinh Thống đốc, các ngã vào đều đóng cửa cẩn thận.

«Đến ngã tư Mac-Mahon-La grandière (2), đoàn biểu tình thấy đường bị cảnh sát đồng phục chặn, những người cảnh sát này cặp sát với nhau.

«Đô-trưởng mang phù hiệu chức sắc, tiến tới trước đám biểu tình, theo sau là ông cò của 3 quận trong Sàigòn.

— Các ông đi đâu?

— Chúng tôi muốn gặp ông Thống đốc.

— Có trách nhiệm về trật tự công cộng, tôi lấy làm tiếc yêu cầu các ông ngưng ngay cuộc biểu tình này. Các ông biết điều một chút để tôi khỏi nói nhiều. Thưa Luật-sư Monin, ông có thể cho các ông này biết là cần giải tán trong yên lặng.

«Luật sư Monin trả lời với nụ cười duyên dáng:

— Thưa ông Đô trưởng, tôi mời tất cả những người này dùng cơm ở nhà tôi. Nếu ông Đô-trưởng thấy không có chi trở ngại, chúng tôi rất vui

(1) Nay là đường Gia-long

(2) Nay là ngã tư Công-Lý-Gia-long.

Tư tưởng Lão Trang trong Y-thuật Đông-phương

PHẦN V. — PHẦN « ÔN TÂN NHI TRI CỐ »

« Le passé m'a révélé la construction de l'avenir »
P. TEILHARD DE CHARDIN

Tư-tưởng Lão Trang là kết-quả của một quá-trình tiến-hóa lâu dài trong tư duy triết-học và sinh-học ở thời cổ-đại, lúc con người thượng-cô dần dà nhận thấy sự hư-ảo giả dối của mê-tin nguyên-thủy. Để phản-ứng lại, họ nâng tác-dụng con người trong giới tự-nhiên và xã-hội lên địa-vị chủ-yếu, hạ quý thần xuống địa-vị thứ-yếu, phủ-nhận uy quyền của quỷ thần :

«*Dĩ Đạo lý thiên-hạ,
Kỳ quý bất thần*» (1)

(Đạo Đức Kinh, Chương 60)

Lão-Tử, như vậy, cho rằng quý thần không hại nổi người, nếu quốc-gia được một đấng thánh-nhân trị nước Bậc lương-y cũng thế, có thể chiến thắng được quý thần bệnh-tật nếu biết «*dĩ Đạo lý .. bệnh-nhân*».

Bắt nguồn từ tư-tưởng ấy, y-lý cổ-truyền chuyển mình theo một hướng mới, một hướng quyết-định, và chỉ một lần quyết-định, nhưng là quyết-định cho mãi mãi: *y-học bắt đầu giải-thích sự biến-hóa của hiện-tượng tự-nhiên từ các quy luật chi-phối những hiện-tượng mà bản thân giới tự-nhiên*

vốn có đề rồi giới triết-gia — và riêng bàn đến hôm nay — giới y-sĩ mạnh-dạn chấp-nhận một thái-độ đối-lập với tư-tưởng thần-bí.

Cho nên thuở bấy giờ và trong địa-hạt khoa-học, có tác-giả dùng sự phối-hợp của ngũ hành để giải-thích nguồn gốc và yếu-tố các sự vật (*Quốc-ngữ, Trịnh-ngữ*), cũng có người khác căn-cứ vào những tri-thức thiên-văn-học, hấp-thụ quan-niệm âm dương, lấy âm dương làm hai thế-lực vật-chất của giới tự-nhiên đối-lập và bồi-bổ lẫn nhau để giải-thích nguồn gốc biến-hóa của mọi hiện-tượng tự-nhiên.

Cho nên thuở bấy giờ và trong địa hạt văn-tự, sử sách mới ghi «... họ Bào Hy cai-trị thiên-hạ, ngừng xem hình-tượng trên trời, cúi xem phép tắc dưới đất, *trông dáng vẻ loài cầm thú cùng trạng-thái đất đai*» đề «*bắt đầu sáng-tác ra Dịch bát quái...*» ; trong khi «*sử-quan của Hoàng-Đế là Thương-Hiệt nhìn vết chân chim muông chạy nhảy mà biết rằng văn-lý có thể*

(1) Lấy Đạo chi-huy thiên-hạ thì quý cũng không hành được thần quyền.

phân-biệt nhau, mới sáng tạo ra chữ viết . . . ».

Vậy thì Lão-tử chẳng qua cũng chỉ là một đại-biểu lỗi lạc của tư-trào luận lý chung nhất ấy : từ sự quan-sát quy luật vận-chuyển của các thiên-thê, tác-giả Đạo-Đức-Kinh rút ra quy-luật về sự biến-hóa của vũ-trụ, để ra học-thuyết «Đạo» để giải-thích nguồn gốc hình-thành vạn vật. Dĩ nhiên đây là một trong những biểu-hiệu sớm nhất về nhận-thức khoa-học tiến-bộ nhất của thời bấy giờ, do nơi năng-lực quan-sát tinh-vi của nhà triết-học Trung-Quốc cổ-đại đối với sự vật. Nhưng có lẽ còn có những yếu-tố khách-quan, chẳng hạn tính-chất mâu thuẫn đối-đãi bàng-bạc ở khắp mọi hình-thức lý-luận trong Đạo-Đức-Kinh có thể là hậu-quả sự phản-ánh lên chất xám bộ não con người của những cuộc đấu-tranh hỗn-mang và những biến-đổi xã-hội lớn lao thuộc thời-kỳ Chiến-Quốc.

Chính bởi vì những viên đá tảng xây nền đặt móng cho hệ-thống lý-luận y-lý phương Đông là kết-tinh của các công trình chiêm-nghiệm tự-nhiên-giới cho nên, từ căn-bản và trên căn-bản, hệ-thống lý-luận ấy đúng mãi, hay nói cho đúng hơn, hệ-thống lý-luận ấy không thể sai. Trừ phi nhân-loại đồng lòng rủ nhau di-cư vào một môi trường khác hẳn môi trường chúng ta đã và đang sống, ở đây mặt trời tắt, ở đây gió ngưng thổi, thì Đông-Y mới phải xét lại căn-bản lý-luận của mình.

oOo

Dĩ nhiên chúng ta không thể khẳng-định rằng lý-thuyết âm dương (chẳng hạn) là Sự Thật (với chữ S, chữ T hoa) tuyệt đối và rằng lý-thuyết ấy sẽ vĩnh-viễn chi-phối, như một toàn khối, bất-chấp thời-gian — *monolithic* và *intemporal* — nghệ-thuật thang phương châm thích phương Đông. Chúng ta không thể lập-luận như vậy vì một lẽ rất giản-dị : chúng ta sẽ mâu-thuẫn với chính tư-tưởng Lão Trang mà kim chỉ nam là tính-cách tương-đối, là khả-năng biến dịch của mọi sự mọi vật. Thực vậy, tri-thức khoa-học cũng chỉ là do những sự thật tương-đối — trong lịch-sử — tạo thành. Không thể có sự thật khoa-học tuyệt-đối và vĩnh viển, nhưng đối với mỗi sự thật tương-đối thì vẫn có một hạch nhân sự thật tuyệt-đối, tương-tự như âm trung chi dương, dương trung chi âm.

Ai chẳng chịu rằng học-thuyết của Newton là đúng. Nhưng nếu chúng ta ở vào những vận-tốc gần với vận-tốc ánh-sáng thì hiển-nhiên ta không thể áp-dụng học-thuyết ấy nữa, mà phải cầu-viện đến học-thuyết Einstein. Lịch-sử khoa-học cũng chỉ là một cuộc đuổi bắt triền-miên, truy kích liên-tục để tìm hiểu những đặc-tính của vạn vật, và sự thật tuyệt-đối cũng chỉ là tổng-số những sự thật tương-đối, trong một giới-hạn thời-gian và không-gian nhất-định.

Trước Lavoisier, lý-thuyết nhiệt-tố đã từng có khả-năng biện minh theo cách của mình về sự cháy và về nhiều phản-ứng hóa-học. Lý-thuyết ấy, thuở bấy giờ, đã tỏ ra thích-nghĩ

đầy-đủ đối với tri-thức đương thời khi được áp-dụng vào công-trình chế-đúc những khẩu thần công bằng đồng, chẳng hạn. Nhưng đương nhiên là đối với người chuyên-viên sinh-lý bệnh-lý-học hiện-đại, ngập mình trong những dữ-kiện sinh-học tiến-bộ vượt bậc, thì lý-thuyết nhiệt-độ chẳng thể nào lý-giải được bài toán điều-chế các hợp-kim của những chiếc Concorde hay Tupolev !

Thành ra ngày nay, có lẽ chúng ta phải chấp-nhận những luận-thuyết căn bản của Đông-Y trên tinh-thần vừa mô-tả. Chờ cho đến ngày một lý-thuyết-gia tân-thời tìm được một khuôn mẫu tư duy khác, ngang tầm với khoa-học hiện-đại, có thể giải-thích y-lý phương Đông, trong giả-thiết là sẽ có được một lý-thuyết-gia đủ tài-ba siêu-việt làm việc ấy.

Trong khi chờ-đợi thì thái-độ của chúng ta chỉ có thể là cố-gắng xử sự như Lão-học khuyên-nhủ. Đây có vẻ như là thái-độ khoa-học nhất: đối trước một dữ-kiện, một hiện tượng, thiết tưởng chúng ta cần suy-nghĩ, cần tìm tòi, cần học hỏi, cần vận-dụng mọi phương-tiện của khoa-học hiện-đại để tìm hiểu, giải-thích, kiểm-tra trước khi phủ-định hay thừa-nhận. Phải, bằng mọi giá, tự-hủy những mô-tế-bào thần-kinh đã làm bệnh chủ-quan, phải tự chữa trị chúng quá mẫn đối với những luận-cứ có vẻ ra ngoài khuôn phép chính-thống. Bởi vì ta không nên quên rằng các luận-cứ ấy chắc chắn là những đỉnh núi cao còn lại sau

những trận hồng-thủy của thời-gian và xã-hội. Đây chính là một cá-tính đặc-biệt của Đông-Y : y-học phương Đông có mặt rất tốt nhưng đồng thời cũng có nhược-điểm lớn. Mặt tốt là nền y-học ấy luôn luôn được chọn lọc, sửa đổi, thêm bớt, cái gì còn lại thường là có giá-trị cao và không ngừng được hoàn-thiện thêm. Nhưng nhược-điểm của Đông-Y là cái hay cái đẹp thường dễ bị tiêu-diệt, mất mát, rơi vãi.

Tuy nhiên nói cho đúng ra thì cũng chẳng phải chỉ có y-lý cổ-truyền mới gặp cảnh-ngộ đáng buồn này. Biết bao tri-thức của những thế-hệ cũ đã không được truyền lại cho chúng ta, và cho đến ngày hôm nay, mặc dầu con người đã lên đến mặt trăng, khoa-học của chúng ta vẫn không giải thích nổi tại sao nền văn-minh cổ Ai-cập lại có thể lưu bút trên những di-chỉ vĩ-đại là các kim-tự-tháp về những vấn-đề gần như huyền-bí: trị-số của π , đường kính địa-cầu, cá h tính các ngày trong năm, tỷ-trọng và trọng-lượng trái đất, khoảng cách địa-cầu với mặt trời v.v... tất cả những dữ-kiện ấy, nhờ đâu con cháu các Pharaons biết được, thì vẫn còn là một phương-trình vô-nghiệm đối với chúng ta !

Có vẻ như trong các kim-tự-tháp còn khắc ghi tất-cả lịch-sử nhân-loại qua từng giai-đoạn, và cả hai trận thế-giới chiến-tranh cũng được đề-cập đến nữa là khác ! Mà kim-tự-tháp không chỉ vươn cao trên bờ sông Nil, chúng còn hiện-diện cả nơi vùng đất mênh-danh là

Châu Mỹ la-tinh nữa. Rồi còn những công-trình vĩ-đại là những tháp ba-khối-đá ở Stonehenge miền Nam Anh-quốc... J. A. Lavier (1), suy-tư về tất-cả những công-biến ấy của nhân-loại ở thời-đại mà chúng ta ngày nay gọi là tiền-sử, đã đưa ra quan-niệm về một khả-năng, một tài-trí phi-thường của con người thuở bấy giờ, mà Lavier gọi là Truyền-thống lớn nguyên-thủy, hay là Đạo thì cũng thế. Người xưa, khi đã có khả-năng giải-phẫu thi-hài thành-thạo đến nỗi làm được những xác ướp còn nguyên vẹn đến ngày hôm nay, người xưa, khi đã am hiểu bí-quyết hàn gấn các bình đựng kín khít đến nỗi chúng giữ được cả những loại hạt mà nay ta lấy ra đem ương vẫn nảy mầm, thì, khi đã đạt đến trình-độ kỹ-năng (của khoa-học) và uy-lực thế-năng (của phương-tiện) ấy, nếu cồ-nhân có tinh-thông những nguyên-tắc và định-lý sinh-học mà ngày nay ta chưa hiểu được, thực đâu có gì đáng lạ! Cho nên, đường hướng tư duy của Trang Lão cần được chúng ta noi theo, và không phải khi ta chưa chứng-minh được rõ-rệt sự hện-hữu của hệ kinh lạc chẳng hạn thì ta có quyền khẳng định rằng châm-thuật chỉ là giả-được và châm-khoa gây tê chỉ là huyền-thoại, để chỉ nêu một ví-dụ thời-sự mà thôi!

oOo

Mới đây John Roberts, trong một bài khảo-luận đăng trên một tạp-chí chuyên về Viễn-Đông, đã góp một ý-kiến đáng cho chúng ta suy-ngẫm, đại ý ghi nhận rằng người y sĩ

phương Đông ngày nay có lẽ cần học hỏi ở quá khứ của mình nhiều hơn là ở hiện tại của phương Tây (2).

Khai-triển ý-kiến ấy, chúng tôi sẽ không nói đến những gì y-học khoa-học đã thừa-hưởng của y-lý phương Đông, nhất là trong lĩnh-vực trị-liệu. Phương Đông, từ lâu lắm rồi, đã đóng một vai trò ban-phát rất hào-phóng, mặc dầu kẻ thừa-hưởng nhiều khi không hề biết rằng mình đã thừa-hưởng, giống hệt trường-hợp bậc thánh xưa « công thành sự toại, bách tính giai vị ngã tự nhiên » (Đạo Đức Kinh) làm công việc cho dân mà dân cứ ngỡ tự nhiên tự mình làm. Chúng tôi chỉ muốn nói đến một vài điểm đáng cho người Tây y-sĩ của phương Đông suy-tư.

Điểm một. Đối với nền y-học hiện-đại, đang có những tiếng kêu thống-trách, báo-động mà Ivan Illich (3)

(1) J. A. Lavier. — Médecine chinoise, médecine totale. Bernard Grasset Editeur. Paris 1973.

(2) J. Roberts. — A reptile a day., Far Eastern Economic Review. February 4, 1974 p. 25-26. Nguyên-văn câu này như sau: « Thus, the Asian medical profession today has perhaps more to learn from its own past than from the Western present ».

(3) Nguyễn-Văn-Trung, - Học không cần trường? Bách Khoa số 404, tr. 17-21 Riêng dành cho y giới, người viết tường cần ghi thêm vài tư-liệu khác:

1.- C. Koupernik. — L'avis d'Ivan Illich. Concours Médical, n° 20, P. 3819, 13 Mai 1972.

2.- J. Hamburger. P. Milliez. H. Laborit. Vers une anti-médecine ou le médecin, le malade et la société. La NEF, Nov. 1972.

3. — J. Powles. — On the limitations of modern medicine. Science, Medicine and Man I, P. 1-30, 1973.

chẳng hạn chỉ là một, tuy có âm-hưởng lớn nhưng chưa hẳn đã là chính-xác hoàn-toàn. Thực vậy, do những tiến-bộ to lớn đạt được trong vài thập-niên gần đây, y-học khoa-học đang giống như một gã thiếu-niên đầy cuồng vọng, không còn biết tự-chế nữa. Y-học ngày nay không còn biết sợ là gì, không còn biết đến đâu là nên ngừng lại, mà điển hình là những thử-nghiệm sinh-học và những thám-sát trực-tiếp trên cơ-thể người bệnh, cứ mỗi ngày mỗi nhiều, và không phải là lúc nào cũng cần thiết, đích đáng và nhất là không nguy hiểm. Tuyên bố rằng một số tác vụ y-khoa "chỉ" (sic) gây từ một đến hai phần nghìn tử vong cho bệnh nhân có vẻ như chỉ là một lời phủ ủy hạng bét, đối với người ốm và thân nhân. Chúng ta thực sự đang diện đối diện với một tình trạng phi-nhân-hóa y-học, vì người y sĩ cứ bị đẩy vào cái thế mỗi ngày mỗi dễ xem người bệnh như là một súc vật phòng thí nghiệm hay tệ hơn, như một cái ống nghiệm. Hậu quả là các tai nạn do trị liệu càng ngày càng nhiều, nhiều một cách đáng quan-ngại: ở Mỹ, cứ năm bệnh-nhân nhập-viện thì có một bệnh nhân bị bệnh do... thầy thuốc gây nên (1). Vậy thì có lẽ ở đây, như những danh-tướng xưa, như Chu-An, "công thành thân thoái", y-học khoa-học cũng nên rút ở Lão-Trang một bài học về tự chế, về tri túc: "tri túc bất nhục, tri chỉ bất đãi" (2). Trong cuộc chiến-tranh chống lại bệnh-tật, với vòng hoa chiến-thắng mang trên mái tóc, y-lý hiện đại hơn lúc nào hết cần kịp thời xét lại thái-

độ của mình để tự thắng.

Điều hai. Y-học ngày nay dường như quên mất rằng con người là một toàn thể bất khả phân. Mặc dầu và có lẽ do nơi lòng ham muốn chứng thực tính chất khoa học của mình, y khoa khoa học đã dễ vượt mất nhân quan và tác dụng tổng hợp trên con người đau ốm và nói gọn hơn, trên con người. Người ta gọi y học hiện đại là y học từng mảnh, là médecine "en miettes". (3) Balint, một khuôn mặt cực lớn của y khoa Tây phương hiện đại, kêu gọi gần đến khản cổ về một chiều hướng định bệnh toàn diện, overall diagnosis. Nhưng mặc dầu vậy, y học toàn thể vẫn chỉ là một tấm phông, một bức tranh vân cầu, càng ngày càng xa xôi và càng mờ nhạt, một thứ canevas, một giấc mơ, một dư âm, một kỷ niệm, gần như không là gì hết... Y-khoa toàn-thể, nền y khoa nuôi hoài bão chăm sóc tất cả con người, vừa an ủi thân thể ốm đau vừa phủ ủy tâm hồn khắc khoải, nền y học ấy chỉ còn là một nền y học bất khả thi, một thứ mission impossible. Tưởng không cần mô tả tất cả những hệ quả của một nền y khoa được xây dựng trên một nền móng triết lý lấy Taylor làm sư tổ như thế. Dĩ nhiên là cũng giống như trong lẽ

(1) M.Perrault et J Dry.— La thérapeutique en 1973; *Revue du Praticien*. Tome XXIII, n° 59, p. 5221—5247, 21 Décembre 1973.

(2) Biết đủ thì không nhục, biết ngừng thì không nguy.

(3) P.Fréour.— Médecine globale et médecine en "miettes". *Revue du Praticien*. N° 50, p.4461, 5 Novembre 1973.

lỗi làm việc theo kiểu dây chuyền, nền y học từng mảnh hiện đại cũng có những lợi điểm rất thiết thực: thi-hành trọn vẹn, thực-hiện nhanh chóng, «hiệu-năng» tối-đa. Tất-cả chỉ còn là một động-tác, nhưng là một động-tác hữu-hiệu. Trước kia người ta chỉ có một bộ môn nhi-khoa. Ngày nay người ta chặt vụn thêm nhiều: có kẻ chỉ chuyên về huyết-học nhi-khoa, có kẻ chỉ biết về bệnh đường tiêu trẻ em, có kẻ xả thân để chỉ học có môn tâm-bệnh nhi-đồng... Ta sẽ không ngạc nhiên nếu mai đây có kẻ chỉ «chuyên-khoa» về một loại tế-bào máu của trẻ em con trai trong lứa tuổi từ lúc sơ sinh đến lúc lên mười ngày (chẳng hạn)! Ánh đuốc do tư-tưởng Lão Trang thắp lên trong trường-hợp này là một ánh đuốc dẫn đường: y-học Âu Tây không thể tìm ra ở bất cứ đâu khác một triết-thuyết y-khoa toàn diện, tổng-hợp như trong những kinh điển của Lý-Nhi Trang-Châu, có lẽ ngoại trừ Hippocrate.

Điểm ba. Khoa chẩn đoán trong y học hiện đại dựa chủ yếu vào phòng thí nghiệm. Nhưng phòng thí nghiệm, trong đa số các trường hợp và nhất là đối với phạm vi bộ môn sinh-hóa-học lại chỉ căn cứ vào những phương pháp định lượng *tĩnh*, nhằm trắc-định lượng số những yếu tố đại tạ, những métabolites, mà những yếu tố này thì chỉ tương đương với chung cục của những chuỗi biến hóa rất phức tạp, của những cơ năng chủ yếu là *động*. Văn đề ở đây quá chuyên môn để có thể đi sâu vào chi

tiết, nhưng chắc thế nào cũng đã có những y sĩ, khi đặt bút ký tên cho bệnh nhân đi làm một thử nghiệm nào đấy, hẳn đã phải tự hỏi về tầm mức giá trị của những nghiệm pháp mà đối tượng chỉ là những mắt xích tận cùng trong một sợi xích dài dằng dặc. Định lượng (một cách rất *tĩnh*) các 17-cétostéroïdes nơi nước tiểu chẳng hạn trong hoài bão khảo sát cả cái trục nội tiết lớn (*vốn rất động*) là trục hạ-thị-khâu-não-thùy-thượng-thận (với giả thuyết là trục đó được tách rời khỏi các chức năng khác của cơ thể!) có thể nào được xem là xác đáng, hợp lý? Sao ở đây, thấy cần một ý tưởng chỉ đạo sinh động về chất sống và sự sống của Lão Trang quá đi mất.

Điểm bốn. Công lý loài người đòi hỏi rằng công của ai thì phải ghi tên người ấy. Đây là một điều đương-nhiên, nhưng y học hiện đại lại đang không thêm đếm xia gì đến điều đương-nhiên, đến điểm công lý tối thiểu ấy. Và đây thực sự là một sự kiện đành phải mô tả là quái gở trong y khoa ngày nay. Còn gì phi lý, bất công cho bằng khi người ta viết những cuốn sách với tựa đề là «Lịch sử y học» mà người ta lại chỉ đề cập đến những sự kiện, những tác giả ở Âu, ở Mỹ? Nói cho đúng hơn, khi kể những chuyện «cổ tích y khoa» ấy cho đám con cháu nghe, những «bà ngoại» mắt xanh mũi lõ cũng có nói đến các đóng góp của dân Ai cập, dân Ba-tư, dân Ả-rập, dân Côcado, nhưng họ cứ vô tình hay cố ý quên rằng các

thành quả ấy, người thầy thuốc phương Đông đã đạt đến hăng thế kỷ hay hăng thiên-niên-kỷ trước rồi! Những dẫn chứng loại này đầy dẫy, và ở phần III, người viết đã có dịp đan cử phốt qua trường hợp Cát Hồng khi mô tả bệnh đậu mùa trước Rhazès hằng năm thế kỷ. Câu chuyện Ambroise Paré dùng tù nhân để thử nghiệm độc tính của dược liệu vào thế kỷ + 16 được trình trọng giảng dạy cho sinh viên y khoa, dĩ nhiên kể cả sinh viên y khoa Việt Nam, trong khi trong số vài nghìn y sĩ Việt Nam — chứ đừng nói sinh viên y khoa Việt Nam — chắc nhiều lắm chỉ có nổi vài người biết rằng ở ngay đất nước này, từ thời Thái Hòa (+ 1443 đến + 1453) Bùi-Cầm-Hồ đã dùng tử tù để chẩn đoán bệnh nguyên một trường hợp ngộ độc đưa đến tử vong vì lươn khoang cò. Có cần kể thêm những ví dụ khác nữa liên hệ đến khoa gây tê, đến trị liệu nội-tiết-học, đến sử dụng sinh tố, đến chủng ngừa đậu mùa, đến pháp-y v.v... ?

oOo

Tiếng Việt là một thứ tiếng hài hòa về mặt âm hưởng, thanh điệu mà cũng rất tế nhị, uyển chuyển trong cách dùng chữ, đặt câu. Trong tiếng nước mẹ của chúng ta, kể theo đuôi nghiệp y được gọi là *thầy thuốc*. Không phải tự nhiên mà dân tộc ta dành cho người lương y địa vị làm thầy (thiên hạ). Y sĩ được tôn vinh như vậy là do tác phong, đạo đức và nhất là nhờ vốn liếng tri thức. Ngày xưa, kể sĩ một khi chán quan trường

thì quay về dạy học hay làm thuốc. Thoạt tiên thường là chữa cho chính mình và bà con, bè bạn, rồi lần hồi chữa cho người đồng hương, đồng xứ. Cứ thế mà tinh luyện nghiệp y. Tuệ Tĩnh thiền sư đã từng đỗ tiến sĩ, Chu An là một danh sĩ mô phạm, Nguyễn Nho đã được ân tứ vinh quy với cờ biên trạng nguyên... Cho nên cái học của người lương y là cái học uyên bác, như loạt bài này đã có dịp trình bày. Họ không hề có cái nhìn thiên lệch, hạn hẹp. Và nếu chúng ta thêm vào đấy quan điểm toàn diện, tổng hợp của y lý Đông phương thì ta thấy họ thực xứng danh *thầy thuốc*, nếu hiểu thầy là hướng dẫn, chỉ đường.

Trở lại với triết-học Trang Lão, ta thấy nền triết-học ấy đã đóng trọn vai trò bảo cung của nó trong vĩ nghiệp nuôi dưỡng cái trướng y thuật Đông phương. Nó đóng trọn vai trò dưỡng dục ấy đến nổi trong Hán văn, thành ngữ "*huyền hồ*" (1) trở thành đồng-nghĩa với theo đuổi nghiệp y, khiến Lãn Ông đã có thể phóng bút những câu hàm súc :

*Thực hạnh khởi kham đồ hậu báo
Huyền hồ ngẫu hữu cổ cùng lưu. (2)*

Đọc lại Đạo Đức Kinh, Nam Hoa Kinh rồi cố gắng từ đấy diễn dịch ra

(1) Huyền hồ : treo bầu, treo hồ (lô). Tương cần nhắc lại rằng hồ lô là vật bất ly thân của giới đạo sĩ.

(2) Tạm dịch :

*Trông hạnh há mong người báo đáp,
Treo bầu may gặp khách tương tri.*

tầm mức chi phối của triết học họ Lý, họ Trang trong y lý cổ truyền và thử đề lòng mình lắng xuống một phút, suy tư về y lý hiện thời qua lăng kính Trang Lão, chúng ta, thực ra, có thể còn đi xa hơn nữa. Nhưng thiết tưởng bấy nhiêu cũng đủ cho

phép chúng ta mời *Hippocrate, Claude Bernard* đồng sàng với *Lão tử, Trang tử* mà không đến nỗi sợ những bậc tiền liệt này dị mộng, ít nhất thì cũng là trong giấc mộng hóa bướm.

TRẦN VĂN TÍCH

Thủ đô, ngày giỗ Tò Giáp Dần

Tài liệu Tham khảo

(ngoài những tài liệu đã ghi chú phía dưới các trang trong bài viết)

— Đạo Đức Kinh, Nam Hoa Kinh, Lão tử Tinh hoa và Trang tử Tinh hoa của Thu Giang Nguyễn duy Căn, Khai Trí xuất bản, Sài Gòn.

— Clerks and Craftsmen in China and the West. J. Needham. Cambridge University Press, 1970.

— Chinesische Medizin, P. Huard, M. Wong. Kindlers Universitäts Bibliothek. München. 1968.

— XVI. Internationaler Kongress für Akupunktur. Maisonneuve S. A. 1972.

— Trung Quốc Y học sử. Trần tồn Nhân. Trung Y Học Viện Hương Cảng. 1968.

— Lịch sử Triết học Trung Quốc. Hồng Tiềm, Nhiệm Hoa, Ưông tử Tung, Trương thế Ánh, Trần tu Trai, Chu bá Côn. Bắc Kinh, 1958.

Đón đọc :

VẤN HỌC SỬ THỜI KHÁNG PHÁP

của Lê Văn Siêu

Công trình biên khảo từ đầu cuộc xâm lăng đến ngày Pháp mất quyền ở Việt-nam.

Phải đọc để thấy người Việt lúc nào cũng chiến đấu, chống trả, đánh đuổi quân xâm lăng...

TRÍ ĐĂNG xuất bản phát hành

Nguồn gốc vũ trụ

Cứ một chuyện nguồn gốc dân tộc Việt-nam mà đã phải tốn bao nhiêu công của. Cuốn sách của ông Bình-nguyên-Lộc góp thêm một phần lớn trong cuộc tìm kiếm tổ tiên ta nhưng sau đây cuộc bàn cãi rồi mới hăng say. Qua chuyện nguồn gốc loài người, từ thuở Darwin đã chày biết bao mực, tốn biết bao giấy mà sự thật biết ngày nào mới thấy rõ.

Vậy mà bây giờ đây, người ta dám bàn đến nguồn gốc vũ trụ, xa xăm đến khoảng 12 tỷ năm! Hơn nữa, các nhà bác học còn đề nghị một mẫu năng lượng sơ khai, nguyên thủy của vũ trụ ngày nay, không phải tùy theo trí tưởng tượng mơ hồ mà dựa lên những tính toán chính xác. Nhiều phòng thí đang mò mẫm trên đường xác nghiệm nghiệm cũng lý thuyết đã đưa ra.

Vũ trụ dừng đứng

Thật ra vấn đề nguồn gốc vũ trụ lưu tâm các nhà khảo cứu từ lâu. Đến nay, hai thuyết chính nhưng chống đối nhau đã được nêu ra mỗi khi người ta nhắc đến vấn đề. Một bên, Hoyle, Gold và Bondi tin tưởng ở một vũ trụ dừng đứng, bất di, bất dịch từ thuở xa xăm. Bên kia, Gamow đề nghị một vũ trụ luôn bành trướng, bắt đầu từ một điểm nguyên thủy vô cùng nóng bức với một tỷ trọng vô cùng to lớn.

Thuyết của Hoyle khó tương hợp với nhận xét các ngân hà (galaxie) ngày càng cách nhau ra, tốc độ càng

lớn khi chúng càng xa cách. Theo Hoyle thì cuộc bành trướng này không làm thay đổi tính chất vũ trụ vì một cuộc chế tạo vật chất thường trực đã bù đắp vào khoảng không mới được tạo ra. Điểm yếu của thuyết này là người ta chưa tìm ra một chứng cứ gì về cuộc chế tạo vật chất thường trực.

Thuyết của Gamow không phải là một quan niệm mới. Ông lấy lại ý tưởng của Lemaître ra đời từ trước thế chiến nhưng khai triển rõ ràng với những căn bản vật lý học xác định theo những khám phá mới lạ nhất trong mọi ngành khoa học. Theo Gamow, điểm nguyên thủy vũ trụ nóng đến hằng ngàn tỷ độ. Ở nhiệt độ ấy vật chất khác hẳn vật chất mà ta biết ngày nay. Chẳng có nguyên tử, chẳng có plasma. [Người ta biết ở nhiệt độ lớn, electron (điện tử) rời hẳn proton (dương tử) trong nhân nguyên tử để làm thành một thứ «khí» vật chất gọi là plasma]. Vũ trụ lúc ấy chỉ là năng lượng, một nhiệt xạ (rayonnement thermique) vô cùng lớn có thể thực thể hóa thành hạt tử (particule) và phản tử (anti-particule) lúc nào cũng đi đôi với nhau.

Hạt tử, phản tử

Nhưng người ta lại biết hạt tử và phản tử không thể sống chung đụng với nhau, vì hề gặp nhau thì tức khắc tiêu ma. Vậy thì trong nhiệt xạ sơ khai, hạt tử và phản tử được chế tạo

ra bao nhiêu thì lại bị tiêu hủy bấy nhiêu, làm sao vũ trụ có thể thành hình được? Để giải quyết khó khăn này, Gamow đặt ra một tiên đề (postulat): trong số hạt tử và phản tử ở điểm nguyên thủy, hạt tử có phần lớn hơn một chút, một chút thôi, khoảng một phần tỷ toàn thể số lượng. Chính số thừa hạt tử này sẽ là vật chất ngày nay trong mọi ngân hà. Nhiệt xạ còn lại rải rác khắp vũ trụ đang bành trướng, dần dần sụt xuống tần số thấp, làm thành một bức xạ vô tuyến điện, tương tự bức xạ của một "vật đen" ở -267 độ (nghĩa là 3 độ trên số không tuyệt đối).

Tiên đề của Gamow chưa được xác nghiệm nhưng bên phía bức xạ vô tuyến điện thì vừa được chứng minh một cách rõ ràng tuy cuộc khám phá chỉ do tình cờ đem lại. Hai kỹ sư Penzias và Wilson ở hãng Bell Telephone, nhân kiểm cách bắt nhận những tin truyền trong không gian, cứ bị một loại bức xạ phá rối hoài. Dem phân tích, họ biết được bức xạ là do vũ trụ mà lại: đây là những bức xạ điện từ giống hệt những bức xạ từ một "vật đen" ở -270 độ phóng ra. Đích thị đây là những bức xạ mà Gamow đã tiên đoán 17 năm trước!

Phân ly ngẫu nhiên

Khám phá của 2 kỹ sư Penzias và Wilson đã đánh một đòn tối hậu cho thuyết Hoyle nhưng tiên đề của Gamow vẫn chưa được chứng minh. Người ta vẫn còn đặt câu hỏi tại sao lại có chút thừa hạt tử kia ở điểm nguyên thủy đề ngày nay làm thành vũ trụ? Mà ai dám chắc vũ trụ toàn

là hạt tử? Biết đâu ngoài ngân hà ta còn có những ngân hà phản tử, những ngân hà giống hần ngân hà ta có điều hễ gặp một ngân hà hạt tử thì tất cả đều tiêu hủy. Đến nay ta biết được sự hiện hữu của những ngân hà trong vũ trụ nhờ những bức xạ điện từ chúng phát ra nhưng những bức xạ ấy không chỉ định nguồn của chúng là hạt tử hay phản tử. Đây là vì những bức xạ điện từ của vật chất (matière) hay phản chất (anti-matière) đều là những photon (quang tử) giống nhau.

Nếu không tin vũ trụ là hoàn toàn làm bằng hạt tử, ta có thể theo giả thuyết vũ trụ gồm có những ngân hà hạt tử và những ngân hà phản tử lẫn lộn nhau nhưng sắp đặt làm sao để chúng không cọ sát, gấn gũ nhau. Theo giả thuyết này thì khỏi tìm cách chứng minh tiên đề của Gamow nhưng phải kiếm cho ra một cách giải thích hợp lý làm sao hạt tử và phản tử trong điểm nguyên thủy vũ trụ lại xa nhau được mà không bị tiêu hủy. Có thể đề nghị một tiên đề khác: sự phân ly ngẫu nhiên của hạt tử và phản tử, nhưng bỏ một tiên đề không giải thích được đề xông vào một tiên đề khác cũng không dễ giải thích thì chẳng có gì hay ho.

Giai đoạn bột nhào

Ngang đây, một nhà bác học khác, Omnes nhảy vào sân khấu, đề nghị một cách phân ly hợp lý hạt tử và phản tử. Trong cuốn sách *L'Univers et ses métamorphoses* (Nhà xuất bản Hermann), ông đã giải thích tường tận thuyết của ông.

Ở điểm nguyên thủy, nhiệt độ và tỷ trọng vô cùng cực nên những định luật vật lý học mà ta biết ngày nay không thể áp dụng được. Ở trạng thái bất thường này, tiến triển diễn biến một cách mau lẹ, vô cùng mau lẹ. Giai đoạn đầu tiên có thể diễn tả được là khi điểm nguyên thủy biến thành một thứ bột nhão lẫn lộn hạt tử và phản tử. Einstein đã từng chứng minh sự tương đương giữa năng lượng và vật chất. Đáng khác Dirac cũng đã tính toán nhiều về tương quan giữa vật chất và phản chất. Trong ngành vật lý năng lượng lớn người ta đã thấy được một bức xạ điện từ năng lượng lớn, bức xạ gamma, vật chất hóa thành một đôi electron và positron. Trong điểm nguyên thủy, năng lượng còn lớn hơn thì những hạt thành hình còn nặng hơn như proton hay hyperon: người ta gọi chúng là những hadron. Chúng tác dụng với nhau qua những hạch lực chứ không phải với những điện từ lực như ở các electron.

Vậy thì giai đoạn bột nhão này là một khối hạt tử và phản tử vô cùng nặng. Người ta tính ra tỷ trọng của nó vào khoảng một triệu tỷ tấn mỗi centimet khối! Trong khối này hạt tử và phản tử tác dụng lên nhau, tiêu hủy nhau theo nhịp độ $1/10^{23}$ giây. Dần dần khối lửa dần ra, nguội lại đồng thời tỷ trọng cũng giảm hạ. Vì năng lượng thu giảm, những hadron không còn được sản xuất nữa. Trái lại, ở nhiệt độ một trăm tỷ độ, chỉ còn có những hạt như electron, neutrino,... (gọi chung là lepton)

được chế tạo ra.

Ngang đây, theo Gamow thì mọi vật đều bị tiêu hủy nếu không cho chút hạt tử dư thừa. Omnes thì trái lại đề nghị một biến tướng mới đã từng thấy trong môn hóa học.

Nhũ tương dầu dấm

Hiện tượng kết tủa chẳng hạn là một thí dụ điển hình: trong một môi trường thuần nhất gồm có hai phần tử, bỗng chốc một phần tử kết tủa và phân ly phần tử kia. Hiện tượng cũng tương tự trong khối vũ trụ đầu tiên. Một phần triệu giây sau lúc khởi nguyên, vào lúc nhiệt độ sụt xuống mười tỷ độ, hạt tử và phản tử bắt đầu tụ họp lại thành nhóm riêng biệt. Người ta không khỏi đặt câu hỏi làm sao lại có hiện tượng này, vì sao hạt tử và phản tử lại phân ly nhau? Một tiên đề khác lại được nêu ra: đấy là nhờ sức đẩy nhau giữa các proton và antiproton. Nhưng cũng



Theo Omnes, một phần triệu giây sau lúc khởi nguyên, vào lúc nhiệt độ sụt xuống mười tỷ độ, hạt tử và phản tử bắt đầu tụ họp lại vùng riêng biệt: giai đoạn này có thể ví như nhũ tương dầu dấm.

xin nói ngay : tiên đề này có thể chứng minh được. Người ta hiện đang kiếm cách chế tạo một chiếc "protorion" đặc biệt : nhân của nó là một hạt proton, xung quanh chạy quanh không phải một electron như trong nguyên tử hydro mà là một antiproton. Theo dõi thái độ của một hệ thống kiểu này tức nhiên biết được cách thức xô đẩy nhau giữa các hạt tử và phản tử đồng thời cách thức tiêu hủy nhau mỗi khi hai phần tử đụng chạm nhau. Nhưng cũng vì quá dễ tiêu hủy nhau nên ta hiểu ngay thí nghiệm rất là khó khăn.

Theo những phép tính cặn kẽ thì thời gian phân ly này chỉ lâu trong khoảng khắc $1/10^6 - 1/10^5$ giây, trong lúc này nhiệt độ từ 10^{13} sụt xuống 4.10^{12} độ. Nhưng cũng trong thời gian ấy điểm vũ trụ phồng lớn hơn một kilomet. Với kích thước này, hiện tượng kết tủa nói trên không còn đủ nữa để giải thích. Đây ta phải tưởng tượng những vùng tập trung loại "da beo" hay được nghe nói sau vụ ký kết Hiệp-định Paris. Những hạt tử và phản tử chưa bị tiêu hủy tụ tập lại ở những vùng chỉ định. Có thể ví giai đoạn này như nhũ tương dầu dấm : tuy lẫn lộn nhau, những giọt dầu và dấm không tan hòa trong nhau mà tụ tập thành vùng riêng biệt.

Bức xạ gamma

Hiện tượng này bắt đầu mười lăm phút sau điểm nguyên thủy vũ trụ, lúc nhiệt độ còn ở khoảng một tỷ độ và kéo dài một triệu năm : những vùng tập trung lúc ban đầu rộng một phần triệu milimet lớn dần đến mười

ngàn năm ánh sáng, nhiệt độ cũng sụt dần xuống 3000 độ. Nếu lúc ban đầu cuộc tiêu hủy lẫn nhau còn xảy ra ở biên thùy các vùng tập trung, dần dần các vùng này rời xa nhau thì hạt tử và phản tử hết còn tác dụng. Nếu lúc ban đầu vật chất và năng lượng hòa hợp khấn khít nhau thì dần dần vật chất biến thành ngân hà còn năng lượng chỉ sống sót dưới hình thức quang tử làm thành một nguồn bức xạ thường trực trong vũ trụ ngày nay.

Lý thuyết thật hay ho, bây giờ chỉ còn phải chứng minh cho bằng được. Trước hết phải tìm cho ra các ngân hà phản tử. Stecker, một nhà thiên văn học làm việc cho hãng NASA, đã từng đề nghị một mẫu vũ trụ trong ấy những ngân hà hạt tử và những ngân hà phản tử tụ tập thành vùng. Ở biên thùy các vùng ấy, vật chất và phản chất vẫn tiếp tục tiêu hủy nhau, cho phát ra bức xạ gamma. Thí nghiệm đã dùng vệ tinh nhân tạo đo lường các bức xạ kia. Chiếc SAS 11 hôm tháng 11-1972 đã đem về một thành tích : trong khoảng 1-100 Mev người ta đã nhận thấy một số lượng bức xạ gamma đủ lớn để có thể cho là do cuộc tiêu hủy hạt tử-phản tử mà ra. Lẽ tất nhiên thí nghiệm còn phải được lặp lại và thành tích xác nhận rõ ràng. Nhưng ta phải nhìn nhận không lúc nào bằng lúc này ta tiến đến gần nhất nguồn gốc vũ trụ.

VŨ QUANG YẾN

Thử định lại vai trò của môn **QUỐC VĂN** trong chương trình Trung Học

Bất cứ một quốc gia nào một khi đã thu hồi được độc lập là trong chương trình học sẽ có một môn dành cho văn chương nước ấy. Nước ta cũng vậy, sau năm 1954, các em học sinh Trung học đến trường được học một môn gọi là Việt văn hay Quốc văn. Từ khi ra đời đến nay, môn Quốc văn đã gặp nhiều trở ngại không được "hay ăn chóng lớn" như đám bạn bè của nó như Toán, Lý, Hóa, Sử, Địa chẳng hạn. Tại sao có tình trạng đó? Người ta đã phàn nàn nhiều về thái độ lơ là của học sinh đối với môn này — một thái độ có phụ huynh đồng lõa — nhưng thân phận hẩm hiu của môn Quốc văn cũng chẳng có gì sáng sủa hơn. Thời gian chờ đợi đã quá lâu, bây giờ đã đến lúc phải sửa đổi lại cách dạy cũng như cách học cái môn căn bản này. Muốn vậy, trước hết ta hãy xét đến vài điều cần thiết...

Mục đích môn Quốc văn

Người ta học Toán để biết đo lường, làm các phép tính; học Sử để biết các chuyện đã qua, học Địa để biết vị trí, dân số, chính trị các nước; học Công dân để biết quyền lợi và bổn phận của người dân trong xã hội... Còn học Quốc văn để làm gì? Đó là một câu hỏi quan trọng cần được trả lời thỏa đáng vì một người không thể đi xa được nếu y không biết chỗ nào mình phải đến.

Về điều này, chương trình Trung học do Bộ Văn hóa Giáo dục soạn cho biết như sau:

« Mục đích của môn Giảng văn là làm cho học sinh thấu hiểu giá trị về hình thức và nội dung của một tác phẩm hay một đoạn văn để nhờ đó hun đúc tính khí và tâm hồn, mở mang kiến thức về văn học và thấu thái những điều bổ ích cho việc luyện văn. »

Ta có thể diễn câu nói dài dòng trên thành những ý rõ ràng hơn :

— Môn Giảng văn giúp cho người học thấy được cái hay (trong ý tưởng) và cái đẹp (trong văn từ) của một tác phẩm hay một đoạn văn.

— Nhờ đó mà :

a.- Người học sẽ hiểu rõ văn học và những điều liên quan đến nó đồng thời biết cách diễn tả ý tưởng của mình ra bằng ngòi bút (luyện văn).

b.- Sau đó tính khí và tâm hồn người học sẽ được phong phú ra nhờ hiểu được tình cảm và tư tưởng của tác giả trong tác phẩm.

Như vậy ta thấy môn Quốc văn có hai mục đích chính : một gần và một xa.

Về mục đích gần, ngoài việc giúp người học hiểu biết về văn học, nó còn có công dụng giúp học sinh trau dồi nghệ thuật viết và nói. Việt,

Theo Phan Kế Bính, «chỉ cần diễn được ý mình thì thôi». Nhưng điều đó không phải dễ. Ta đã từng thấy nhiều vị có khoa bảng thật to mà không trình bày được rõ ràng những điều thông thường nhất. Gặp lúc bí quá, các vị khả kính ấy bèn chêm vào một vài tiếng Anh hay tiếng Pháp và coi đó là điều rất tự nhiên! Với công dụng là rèn luyện cho người học cách viết, môn Quốc Văn trở thành quan trọng vì nó làm căn bản cho mọi môn khác. Thật vậy, ta sẽ nghĩ sao khi người dạy lẫn người học các môn Công dân, Sử, Địa viết sai chính tả, chấm câu không được, hoặc dùng chữ không đúng? Với các môn khoa học thực nghiệm: Lý Hóa, Vạn Vật và cả Toán nữa, môn Quốc văn cũng không phải là vô ích: Ngoài những hình vẽ, những con số, những ký hiệu hóa học, người ta còn phải trình bày, giải thích, nghĩa là còn cần đến chữ viết nghĩa là vẫn phải tôn trọng các qui tắc hành văn. Từ đó ta không lấy làm lạ rằng một học sinh đã khá môn Quốc văn sẽ làm những bài khác dễ dàng hơn các bạn nhiều.

Sau lãnh vực viết, môn Quốc văn còn giúp người học cải thiện lãnh vực nói nữa. Sau tuổi thôi nôi, trừ những kẻ tật nguyền, ai cũng biết nói cả. Nhưng có phải ai cũng nói đúng đâu? Nói vừa đúng vừa hay lại càng ít nữa. Trong khi đó, hầu hết các vị Giáo sư Quốc văn nổi tiếng đều được học trò khen là ăn nói « hoạt bát », « có duyên », « thao thao bất tuyệt ». Điều đó chắc chắn không phải là một sự ngẫu nhiên.

Chính sự chọn lọc khéo léo trong kho từ ngữ phong phú, sự sử dụng vững vàng những đặc tính tế nhị của lời nói đã giúp những người dạy môn Quốc văn đạt đến trình độ như vậy.

Viết là diễn ý bằng chữ còn nói là diễn ý bằng lời. Nói quan trọng hơn viết nhiều vì thường người ta dùng đến lời nói hơn là chữ viết. Một người viết hay chưa chắc đã nói giỏi nhưng thường thường — nếu đã có một căn bản học vấn khá — những ai nói giỏi đều viết hay cả. Mà nói và viết trong cuộc đời có bao giờ ta không dùng tới đâu? Các môn học khác có thể, sau khi rời ghế nhà trường, đâu được mảnh bằng là ta quên đi nhưng còn môn Quốc văn thì không. Khi vui ta viết thư cho bạn, khi buồn ta đọc sách giải trí, lúc cùng bạn bè chuyện trò thân mật hay lúc phải xuất hiện ở chỗ đông người, bao giờ ta cũng có thể dùng đến kiến thức về môn này cả. Chính vì thế, ai coi thường Quốc văn chỉ là những kẻ thiên cận, dốt nát.

Mục đích xa của môn Quốc văn lại còn quan trọng hơn: « hun đúc tính khí và tâm hồn người đọc. » Ta đã biết văn chương là phương tiện để con người diễn tả tư tưởng và tình cảm. Những tác phẩm hay là những tác phẩm mà tình cảm và tư tưởng của tác giả đã vượt thời gian, không gian mà soi sáng được chiều sâu của lòng người muôn thuở. Đó chính là tinh hoa của nhân loại, là di sản quý báu chứa đựng bao nhiêu tim óc của tiền nhân bây giờ để lại cho con cháu. Học

Quốc văn là cơ hội để gặp gỡ những tâm hồn vĩ đại, những khuôn mặt khả kính đã sống trải qua bao nhiêu đời đề cùng cảm thông với những nỗi lo, buồn, mừng, giận của họ, mong ước như họ mong ước, xót xa như họ xót xa. Được rèn luyện lâu dài như thế, người học sẽ chịu ảnh hưởng các tác giả tác phẩm đó mà tinh khí càng ngày càng tốt đẹp, tình cảm càng ngày càng phong phú là điều dĩ nhiên vậy. Và, một khi đã được như thế thì người làm công việc giáo dục còn mong gì hơn nữa? Ta có thể nói: *các môn học khác chỉ giúp người ta hiểu, còn môn Quốc văn này mới giúp người ta sống.*

Các tác phẩm hay nhất của một nước lại chứa đựng cái hồn chung của nước ấy. Chính vì thế đề khơi dậy lòng yêu nước, nó có giá trị hơn bất cứ một bài diễn văn nào, một bài công dân giáo dục nào. Đọc Sử ta biết Lê Lợi phải kháng chiến 10 năm ròng rã để chống quân Minh nhưng chỉ đến khi đọc Bình Ngô đại cáo của Nguyễn Trãi ta mới cảm được cái đau đớn cùng cực của dân tộc, cái tàn ác ghê gớm của quân Minh cái khổ sở dai dẳng của nhà vua đề rồi từ đó ta càng kính và phục vị anh hùng này hơn. Văn chương mang một sức mạnh không có gì lay chuyển nổi. Nếu không thì làm sao ta cắt nghĩa được hiện tượng chỉ với một bài thơ 28 chữ, Lý Thường Kiệt đã làm cho toàn quân phần khởi mà đầy lui được giặc nhà Tống? Gần ta hơn, bài Văn tế trận vong tướng sĩ của Nguyễn văn Thành

mà "lời lời châu ngọc hàng hàng gấm thêu" đã vẽ ra trước mắt ta kiếp sống gian truân của kẻ phải xông pha nơi hòn tên mũi đạn và giúp ta hiểu tại sao vua Gia Long nhất thống được sơn hà còn vua tôi nhà Tây Sơn thì đầu tiên chiến thắng mà cuối cùng đại bại.

Các tác phẩm văn chương chứa đựng hồn nước nên nó có tác dụng đào tạo tâm hồn nhân bản. Đó là điều mà người dạy môn Quốc văn có nhiệm vụ phải phát huy, nhất là khi nước ta đang ở trong giai đoạn khó khăn hiện tại này. Từ đó, ta có thể xác định rằng: *ai khinh tiếng Việt, ai coi thường môn Quốc văn, kẻ đó chính là một người vong bản, bội bạc, không còn xứng đáng sống trên mảnh đất này nữa.*

Những thành kiến về môn Quốc văn

Môn Quốc văn đã có một mục đích cao xa như vậy tại sao người ta lại coi thường nó? Chữ "người ta" chúng tôi dùng đây phải hiểu là chỉ chung cả kẻ trí thức lẫn người bình dân, kẻ còn đi học lẫn người đã ra khỏi trường. Những thành kiến về môn Quốc văn, dù chưa có ai tuyên bố rõ ràng hay kê khai ra trên giấy trắng mực đen, nhưng dường như người ta ngầm đồng ý với nhau rằng: "Môn Quốc văn dễ lắm; tiếng Việt viết ra sao cũng được; tiếng Việt có gì đâu mà học; sách vở quanh đi quẩn lại chỉ có bấy nhiêu..."

Không cần biện luận dài dòng ai cũng thấy những điều nhận xét nông

cạn trên chẳng có chút giá trị nào. Chỉ xin đưa một bằng chứng: Các ngôn ngữ khác: Anh ngữ, Pháp ngữ... đã có những qui tắc văn phạm chắc chắn từ lâu. Riêng với Việt ngữ, nhiều học giả đã có những công trình biên khảo công phu nhưng đến nay, từ Trần trọng Kim đến Lê văn Lý, Trương văn Chính, Bùi đức Tịnh... người ta vẫn chưa hài lòng với một tác phẩm nào cả. Điều đó phải chăng vì nước ta chưa có một Viện Hàn lâm hay là vì ngôn ngữ của ta quá tế nhị, những lệ ngoại thì nhiều hơn qui tắc chính (ý kiến của giáo sư Nguyễn sỹ Tế) mà người ta chưa nắm vững được hết? Như vậy tiếng Việt khó hay dễ?

Những thành kiến sai lầm trên đưa đến một hậu quả là học sinh và đôi khi cả sinh viên nữa, rất dở về môn này. Họ sai những lỗi lầm sơ đẳng nhất về chính tả, về cách hành văn và họ cũng không hề biết nhận xét phê bình là gì. Tôi không dám đoán chút nào đến những vị chức sắc mà bằng cấp của họ làm ta ngộp và địa vị của họ làm ta phải e dè. Những từ ngữ: "chung cư", "lành mạnh hóa"... chỉ là những "món ăn chơi" của họ thôi. Và độc giả có ai tức cười không khi đi trên con đường Trần Hưng Đạo? Trong sử sách của ta chỉ có một người tên là Trần Quốc Tuấn; người đó sau khi viết bài "Hịch tướng sĩ văn" bắt hủ đề kích thích tinh thần quân sĩ, đã ba lần chiến thắng quân Mông cổ và được vua nhà Trần phong cho tước Hưng Đạo đại vương. Ngoài ra không có ai mang

tên là Trần Hưng Đạo cả!

Nhưng nghĩ lại, ta làm sao trách học sinh được khi mà những người có trách nhiệm nhất còn lơ là với bổn phận của mình. Kiểm điểm lại ta thấy:

1.— Về chương trình:

Chương trình không hợp lý từ việc chọn lựa các tác giả tác phẩm đến việc sắp xếp theo trình độ học sinh. Rồi lên đến lớp 12, dùng một cái, môn Quốc văn bị đứt ngang. Học sinh được học một môn mới, đó là Triết. Triết không phải là giai đoạn chót của môn Quốc văn. Văn chương tất nhiên phải có liên lạc với học thuật nhưng đó là hai thành phần khác hẳn nhau. Văn chương là một nghệ thuật còn Triết là một khoa học. Văn chương chú trọng nhiều đến tình cảm nhằm rèn luyện tâm hồn trong khi đó Triết thiên về lý trí có mục đích giúp con người đi tìm sự thật. Người ta đã nói đến việc đưa môn Quốc văn lên lớp 12, đã hội họp, đã lập chương trình, đã có dự án, đã... nhưng sự thực hiện bây giờ thì chưa. Mọi người hãy luyện tập đức tính kiên nhẫn hơn một chút nữa.

2.— Về kỳ thi:

Thi cử bây giờ được coi là vấn đề sinh tử của học sinh. Vì vậy, điều tâm niệm thứ nhất của người đi học là phải làm thế nào để thi cho đậu. Thi đậu con trai khỏi đi lính, con gái để kiếm việc làm (hoặc lại đi dạy học, nếu không dạy được môn nào khác thì dạy môn Quốc văn!) Ấy thế

mà cái thứ Quốc văn này khó nuốt quá: hệ số đã nhỏ mà Giám khảo chấm lại nghiệt nữa nên thí sinh thường thường không bao giờ đủ điểm trung bình cả «Đã thế thì học làm cái gì! Ngồi làm Toán còn sướng hơn!» Không hiểu từ trước đến nay có bao nhiêu cô Tú cậu Tú đã cảm khái mà thốt ra những lời chí lý như vậy nhỉ?

Trên đây là chuyện quá khứ. Không hiểu « nếu một mai khi hòa bình » môn Quốc văn lớp ngóp bò lên được lớp 12 thì tình trạng trên có còn xảy ra nữa không? Nên tin rằng: « máy thi vô tư hơn người » hay « thi trắc nghiệm cứ quạch đại thế nào cũng đúng »?

3. — Về sinh kế :

Lý do này không còn thuộc về học trò nữa mà thuộc về người lớn rồi: Những người trong nghề phải chịu trách nhiệm (hay chịu đựng thì cũng thế). Môn Quốc văn hạ giá vì không đem lại nhiều lợi lộc cho người dạy nó. Cách đây ít lâu, trên báo Chính Luận, ông Vũ Tiến Phúc có phần nản rằng: « Trong mùa thi người ta thấy đủ thứ « cua » xuất hiện. Nào cua Toán, cua Lý Hóa, cua Anh, cua Pháp... nhưng không bao giờ có cua Quốc văn cả. » Hàng bán ế, không ai mua, có bày ra cũng vô ích nên thầy giáo môn Quốc văn nghèo là phải. Từ chỗ nghèo đến chỗ chán nghề, làm việc tắc trách đâu có xa bao nhiêu!

Với những môn khác nếu không dạy tư người ta cũng còn nhiều cơ

hội để kiếm tiền: in sách giáo khoa, đi làm sở Mỹ, đi học kỹ sư để làm trong các xưởng kỹ nghệ, các viện bảo chế... Và người ta cũng có nhiều cơ hội đề xuất ngoại, du học, tu nghiệp hoặc đổi ngành làm tùy viên tòa đại sứ... Còn với cái môn Quốc văn này người ta chỉ có thể lâu lâu viết lách lăng nhăng... Nhưng viết rồi cũng chưa chắc đã in được vì trong khi mà « Văn chương hạ giới rẻ như bèo » thì giấy má lại đắt đỏ, nhà nước đang hô hào tiết kiệm còn các tòa soạn, các nhà xuất bản thì đang trung thành với chính sách kinh tế khắc khổ (và khóa khổ!). Riêng về cái khoản du học thì người dạy môn Quốc văn dễ dàng lắm vì có thể du học bất cứ chỗ nào trên đất nước mình miễn là có tiền!

Vài đề nghị

Trình bày những điều trên không phải để than thở mà là để xây dựng. Với hoài bão môn Quốc văn phải đạt được những mục đích mà Bộ V.H. G.D. đã đề xướng ra, người viết xin có vài đề nghị như sau :

a.- Sửa đổi chương trình cho hợp lý.

b.- Lập thư viện đề học sinh có sách đọc.

c.- Cải tổ lại việc dạy dỗ.

— Về vấn đề thứ nhất xin dành cho những vị chuyên môn

— Vấn đề thứ hai: Thư viện phải được thành lập ở tất cả các trường Trung học. Nhiều trường đã có thư viện, nhưng sổ sách không được bao

nhieu. Nếu có thì lại là những hàng «Mỹ quốc viện trợ», học sinh không dùng được. Chúng tôi ước mong ngân sách quốc gia mỗi năm dành ra một ngân khoản để tăng cường và tu bổ cho các thư viện thì ích lợi biết bao nhiêu. Muốn học sinh giỏi Quốc văn mà không khuyến khích chúng đọc sách thì thật là chuyện lạ. Thư viện lại càng cần hơn khi sách báo trở thành một xa xỉ phẩm như bây giờ.

— Vấn đề thứ ba: Đây chính là điều quan trọng hơn cả. Học sinh dốt Quốc văn một phần lớn do lỗi tại ông thầy. Chúng ta phải thành thật mà nhận điều đó. Xin quý vị đồng nghiệp đừng bao giờ quan niệm rằng «Môn Quốc văn dạy thế nào cũng được». Nói thế chẳng khác gì học trò cho rằng: «Môn Quốc văn học thế nào cũng được». Thật ra, những ai có kinh nghiệm đều thấy môn Quốc văn khó dạy vô cùng. Nó khó vì nó dễ quá, ai cũng hiểu được nhưng hiểu hết cái hay của nó và làm cho người khác cũng hiểu được như mình thì phải rất nhiều công phu. Đó là chưa kể đến tính chất trừu tượng và bao quát của nó nữa. Cùng một bài thơ, một đoạn văn, người ta có thể đem dạy ở Tiểu học, ở Trung học và ở Đại học đều được. Nhưng đâu có phải chỗ nào cũng giảng như chỗ nào đâu!

Văn chương là một nghệ thuật dùng diễn tả tình cảm và tư tưởng của con người. Do đó, người dạy phải có một trái tim nhạy cảm, biết xúc động để có thể hòa đồng mà cảm thông với tác giả. Chưa hết, người

dạy lại còn phải có óc quan sát tinh tế để hiểu cho thấu đáo, có trí phê bình bén nhạy để phán đoán cho chính xác những điều tác giả muốn nói trong tác phẩm. Sau đó lại phải biết sử dụng khéo léo cả hai phương pháp phân tích và tổng hợp để diễn tả những điều đó ra cho người khác hiểu. Mà tình cảm thì có nhiều thứ và luôn luôn đổi thay nên diễn tả bằng lời nói suông, không đủ, mà còn cần tới điệu bộ nữa. Nói tóm lại, muốn dạy môn Quốc văn cho thành công, người dạy cần có nhiều năng khiếu lắm. *Người đó phải vừa là một thi sĩ, một văn sĩ, một nhạc sĩ và là một kịch sĩ nữa!* Giảng một bài toán chỉ cần gọi và chính xác, dù có khô khan cũng không có gì đáng phàn nàn. Nhưng giảng một bài thơ, một đoạn văn mà rời rạc, buồn tẻ, tác giả vui mà học trò không thấy phấn khởi, tác giả buồn mà học trò không phải cau mày; thầy chỉ biết đọc, trò chỉ biết viết cho hết giờ thì không còn gì chán bằng. Giáo sư lúc đó chỉ còn cách nói nhảm, kể chuyện tiểu lâm để mỵ học trò cho chúng ngồi yên mà thôi.

Người dạy môn Quốc văn còn có một bổn phận quan trọng nữa là phải đọc sách cho thật nhiều. Dạy những môn khác, tài liệu giáo khoa chỉ cần một, hai chục cuốn là đủ, với môn Quốc văn thì bao nhiêu cũng chưa vừa. Lý do là vì mỗi ngày lại có những tác phẩm mới ra đời, những danh tác mới xuất hiện, những nhân sinh quan, những trào lưu mới được đề xướng, ta không thể không

biết đến. Khờ hơn nữa, học trò lại cứ tưởng ông thầy Quốc văn là cuốn Bách khoa tự điển. Hễ cái gì không biết là chúng đem ra hỏi vì thấy cái gì cũng có vẻ dính dáng đến môn Quốc văn hết. Như vậy nếu thầy không đọc nhiều, không nghiên cứu nhiều, làm sao trả lời được? Và chẳng, đã khuyên học trò đọc sách ta không thể lười biếng trong phạm vi này được.

Trên đây tôi muốn nói đến những vị thực tình yêu quý tiếng Việt và nhất quyết sống chết với n_g_hề. Còn những vị coi việc dạy môn Quốc văn là một cái quán trọ bên đường để chờ thời, những vị mà vào lớp giải nghĩa: «chung là chén, thủy là nước; chung thủy là hai người ăn ở với nhau như chén nước đây» cho học trò nghe thì xin miễn bàn đến. Họ không phải là người xây dựng Quốc văn mà chính là kẻ phá hoại môn Quốc văn nhiều nhất vì đã đầu độc không biết bao nhiêu tâm hồn non nớt — tương lai của dân tộc —

bằng sự tắc trách và sai lầm của họ
oOo

Những ý tưởng tôi vừa trình bày, từ nãy đến giờ không có gì là mới lạ. Những vị hữu tâm với nền Quốc văn như các ông Nguyễn Hiến Lê, Thanh Lãng, Huỳnh Phan... đã từng lên tiếng nhiều rồi. Nhưng «bất bình tắc minh» thấy việc chẳng đặng đừng nên đành phải nói ra vậy. Mong rằng lần này tiếng kêu thera của tôi đến được tai người nghe thì cũng không đến nỗi uổng phí.

Chọn nghề giáo đã là một việc hy sinh; đã là nghề giáo mà còn dạy môn Quốc văn là hy sinh nhiều hơn nữa. Tôi xin những bạn trẻ muốn bước chân vào ngành mô phạm hãy thận trọng đề sau này khỏi hối tiếc. Riêng tôi, mỗi lần gặp điều gì bất như ý cái còn biết ngâm hai câu Kiều:

Đã mang lấy nghiệp vào thân,

Cũng đừng trách lẫn trời gần trời xa.

để tự an ủi mình vậy!

HOÀNG VĂN BÌNH

Cao-nguyên 17-2-74

BÁCH KHOA ĐÔNG TẬP

Xin trả lời chung quý bạn viết thư hỏi về Bách-Khoa từ 1957 đến 1973. Một bộ Bách Khoa 17 năm nói trên gồm 44 tập, đóng bìa carton, bọc simili cuir, chữ vàng (thiếu chừng 20 số) vì giấy, bìa và công đóng đều tăng, nên hiện nay giá là 45.000đ.

Mỗi tập 6 số giá 800đ và 12 số 1400đ và chỉ bán lẻ các tập này từ năm 1966 trở đi.

Sách do An Tiêm xuất bản

Juan Ramon Jimenez
Giải Nobel Văn chương 1956

Con lừa và tôi



CON LỪA VÀ TÔI : chuyện của một con lừa tên là La Rô và chủ nhân thi sĩ, mà người ta quen sánh với cuốn *Hoàng Tử Bé* của Antoine de Saint-Exupéry, vì hình thức văn chương và nội dung thơ mộng của nó.

Nụ Cười Dưới Chân Thang

của Henry Miller

«Trong tất cả những truyện tôi đã viết từ trước đến nay có lẽ đây là truyện kỳ dị nhất...»

Henry Miller

Nhật ký Anne Frank

sách tái bản lần thứ hai 74

Câu Chuyện Dòng Sông

của Hermann Hesse

sách tái bản lần thứ sáu/74

Hoàng Tử Bé

Le Petit Prince

của Saint-Exupéry

Bùi Giáng dịch, sách tái bản, 1974

Thêm một chút tài liệu về HỒ XUÂN HƯƠNG

Trong tất cả các đảng tiền nhân tài hoa khả kính từng làm rạng rỡ nền văn học nước nhà, nếu có vị nào mà thể hệ tổng ngồng (streaking) hôm nay khoái nhất, đó có lẽ là Hồ Xuân Hương. Nói vậy không hề ngụ một ý bất kính nào.

Tổng ngồng thực ra không phải là... khoe của, cũng không phải là một lối nghịch ngợm mất dạy, vô có. Hành vi ngồng ngáo ấy hình như cũng có cái nghĩa phản kháng như bao nhiêu hình thức biểu lộ khác của các phong trào hippy, provo, beatnik, hooligan v.v... Xã hội nghiêm chỉnh tôn trọng một số qui tắc, ước lệ, dựa trên một số quan niệm đạo đức: lớp trẻ này đem cái sự tổng ngồng ra giễu cợt các qui tắc nọ, phủ nhận các quan niệm nọ, đòi hỏi một sự duyệt xét lại các giá trị đạo lý v.v... Nói ra thì bà Giang-Thanh không khỏi phật lòng, nhưng đây mới là "cách mạng văn hóa".

Trong cuốn sách nổi tiếng về cuộc cách mạng toàn cầu đang bắt đầu tại Hoa-kỳ (*Ni Marx, ni Jésus*), Jean-François Revel đã nói rất nhiều về vai trò của hippy, về những chuyện nhục dục, ma túy, tóc dài v.v... Hồi đó (năm 1970) chưa có phong trào tổng ngồng. Nếu nó xuất hiện sớm một chút, chắc chắn triết gia của chúng ta không ngại ngừng gì mà không dành cho nó một chỗ trong

sách cách-mạng-luận của ông.

Điều bất ngờ là các chiến sĩ cách mạng hôm nay sử dụng một thứ..... vũ khí hơi kỳ cục. Vấn đề là cái vũ khí cách mạng, không phải là ý nghĩa cách mạng.

Trước kia, Hồ Xuân Hương chỉ dùng văn thơ mà thôi. Tuy nhiên thuở ấy hành vi của bà cũng cùng một ý nghĩa phản kháng, chống đối, giễu cợt một trật tự xã hội, một quan niệm đạo đức. Và cũng phản kháng giễu cợt bằng sự tổng ngồng: sự nghiệp trước tác của bà chung qui không phải là sự tổng ngồng trong nghệ thuật đó sao? Giữa cái thế giới những thơ văn nghiêm chỉnh có nhiệm vụ "tải đạo", bỗng nhiên bắt gặp các bài thơ "Đánh đu", "Đánh cò người" v.v... ai không có cảm tưởng là bắt gặp một cảnh tổng ngồng?

Cho nên trong thái độ hăm mộ đối với đảng tiền nhân lỗi lạc không thể có ý bất kính nào. Chẳng qua là sự gặp nhau trong tinh thần cách mạng.

oOo

Tiếc rằng người nữ sĩ tài hoa nọ, thân thể mơ hồ như sương như khói. Thậm chí có một độ người ta đã ngờ rằng bà không có thực: ông Lữ Hồ lên tiếng hỏi: "Có chăng một bà Hồ Xuân Hương" ? (1)

(1) Sáng tạo, số 34, tháng 9-1958.

Sau đó mười năm, ông Nguyễn Văn Trung kiểm điểm lại các công cuộc tìm tòi về Hồ Xuân Hương trong *Lược khảo Văn học*, tập 3 (1) nhận thấy rằng tác phẩm đầu tiên nói về bà là cuốn *Giai nhân dị mặc* của Nguyễn Hữu Tiến xuất bản năm 1907, và những thiên khảo cứu sau cùng về bà là của các ông Trần Thanh Mại (trong tạp chí *Nghiên cứu Văn học*, Hà nội, số 3-1963, tạp chí *Văn học* số 5-1964, số 10-1964, số 11-1964) và Nam Trân (tạp chí *Văn học* tháng 3-1965).

Theo ông Nguyễn, bấy nhiêu công trình nghiên cứu đưa đến kết quả là có thể quả quyết :

— «Có một thi sĩ tên là Hồ Xuân Hương trong văn học sử Việt Nam (...)

— Nhưng về tên thật của Hồ Xuân Hương là gì, con cái nhà ai, quê quán ở đâu, đời sống gia đình, tình cảm ra sao (bao nhiêu đời chồng, bao nhiêu bạn tình...), là tác giả thực sự bài thơ nào, thì vẫn chưa có sử liệu đích thực để kiểm chứng». (2)

oOo

Nay, mấy giờng sau đây trong cuốn *Quốc sử di biên* của Phan Thúc Trục tưởng có thể tiết lộ chút ít về «đời sống gia đình» của Hồ Xuân Hương :

«Chức quan Tham-hiệp trấn Yên-quảng, vì tội hống hách lấy của dân, nên bị khép vào án tử hình.

Nguyên ruộng châu Vạn-ninh phần nhiều bị bỏ hoang, thế mà quan Tham-hiệp lại ức hiếp nhân dân phải khai

là ruộng thực-trung, đề yêu sách lấy bạc và tiền kẻ có mấy nghìn nên nhân dân trong châu ấy kêu kiện lên cấp trên. Viên Án-lại trong trấn ấy là Thủ-dung cấu tạo thành tội trạng để hạ ngục bị cáo. Quan Tham-hiệp bị kiên giam đến một năm.

Người tiều thiếp của quan Tham-hiệp trấn Yên-quảng lúc ấy tên là Xuân-Hương vốn hay văn-chương và chánh sự, nên được người đương-thời khen ngợi là kẻ «Nữ tài-tử».

Quan Tham-hiệp thường sai Xuân-Hương can dự vào những việc bên ngoài, nên Thủ-dung vốn ghét ». (trang 280-281)

oOo

Phan Thúc Trục (1808-1852) đậu Thám-hoa năm 1847, được bổ vào làm việc tại tòa Nội các năm 1848. Cuốn *Quốc sử di biên* được viết vào khoảng 1851—1852.

Đoạn sách trích dẫn trên đây là từ bản dịch của Hồng liên Lê Xuân Giáo, tập thượng, do Ủy ban dịch thuật Phủ Quốc vụ khanh Văn hóa xuất bản tại Sài-gòn vào tháng 10 — 1973, căn cứ theo bản Hán văn do sở nghiên cứu Tân Á thuộc trường đại học Trung Văn ở Hương-cảng ấn hành vào tháng 10 năm 1965.

Về giá trị của tài liệu, xin trích dẫn nhận xét của giáo sư Trần Kinh Hòa in ở phần mở đầu tác phẩm.

«Nay chúng tôi hãy nói đến một phạm

(1) Nam Sơn xuất bản, 1968.

(2) Sđd, trang 47.

Vì nghiên cứu nhỏ hẹp, chỉ lưu tâm đến những sử sách không phải của nhà nước mà phê bình nghị luận, thì trong những quyển sách có tính chất trọng yếu rất lớn lao, thiết tưởng không có quyển sách nào hơn được quyển «Quốc sử di biên» do ông Phan Dưỡng Hạo (tức Phan Thúc Trực) biên tập» (trang 30).

«Nhờ có chức trách được gần gũi nhà vua, nên đối với các hạng sự tình trong nội bộ của triều đình nhà Nguyễn cùng với chiều hướng hoạt động của nhà vua, Phan Thúc Trực tiên sinh chắc chắn đã hiểu biết một cách tường tận và đầy đủ hơn ai hết. Tiên sinh lại còn nắm giữ cả nguồn gốc các tin tức từ đâu tới một cách chính xác nữa.» (...)

«Các người trong nhà nghiên cứu sử này (tức nhà nghiên cứu Đông Nam Á tại sở Tân Á nghiên cứu) là

các ông : Triệu hiệu Tuyên, Lưu gia Cầu, Bản thôn Tông Cát và Đoàn Khoách đều công nhận quyển «Quốc sử di biên» đã chiếm một địa vị trọng yếu nhất trong các quyển sách sử ký dưới triều đình nhà Nguyễn, và học giới, đối với bộ sách sử ký ấy, rất mực coi trọng» (trang 46-47)

oOo

Bây giờ, hãy căn cứ vào mấy giòng sử đề tìm hiểu chút ít về Hồ Xuân Hương :

1— Trước hết, Phan tiên sinh chỉ nói đến một người đàn bà tên là Xuân Hương: có phải là nữ thi sĩ của chúng ta đó chăng ?

(Trong chú thích ở cuối trang 281, dịch giả tuyên bố đích thị là nữ thi sĩ ấy, lại còn kể ra vanh vách bao nhiêu chuyện chồng con của bà nữa. Tuy nhiên dịch giả không cho biết

VIỆT NAM PHẬT GIÁO SỬ LUẬN

Của NGUYỄN LANG

Giáo-sư Sử-học và Bác-Ngữ-học Paris

Đây là một công trình tổng hợp được tính cách vững chãi của phương pháp biên khảo và kiến thức sâu sắc về giáo lý đạo Phật. Ông Nguyễn Lang đã trình bày những dữ kiện lịch sử, phân tích và bình luận những tư tưởng và những hệ thống tư tưởng trong quá trình diễn biến của lịch sử Phật giáo Việt Nam một cách rành rẽ và khoa học. Sách VIỆT NAM PHẬT GIÁO SỬ LUẬN không những sẽ hữu ích cho giới Phật học mà cũng sẽ rất hữu ích cho khoa Văn-học-sử Việt-Nam.

Sách đang in để kịp phát hành vào lễ Phật Đản

Vì giấy đắt quá chỉ in giới hạn : 1.500 cuốn.

LÁ BỐI xuất bản và phát hành.

các quyết đoán ấy căn cứ vào đâu, nên xin được bỏ qua).

Về phần chúng ta có thể căn cứ vào mấy điểm sau đây :

— Phan tiên sinh cho biết người đàn bà tên Xuân Hương này vốn hay văn chương, được người đương thời khen là nữ tài tử. Đó là một chỗ giống nhau với nhà thi sĩ của chúng ta.

— Câu chuyện trong «Quốc sử di biên» được chép là xảy ra vào năm Kỷ Mão, tức 1819 (trang 278). Trong các tài liệu do Trần Thanh Mại công bố thì Nham Giác Phu Tồn Phong Thị từng gặp nữ thi sĩ Hồ Xuân Hương vào các năm Đinh Mão (1807) và Giáp Tuất (1814). Đó lại là một chỗ giống nhau nữa : Hồ Xuân Hương này với Xuân Hương kia cùng sống một thời.

Lẽ nào cùng một thời, cùng tại đất Bắc, cùng có hai cô gái tên là Xuân Hương, lại cùng hay văn chương, cùng được người đời tôn xưng làm nữ tài tử, mà hiện tượng ấy không được nêu ra trong lịch sử văn chương ?

— Hơn nữa, trong các giai thoại được truyền tụng về nữ sĩ Hồ Xuân Hương cũng có câu chuyện bà phê vào đơn xin ly dị của một thiếu phụ mấy câu thơ :

*«...Phán cho con Nguyễn thị Đào
Nước trong leo lẻo cầm sào chờ ai?
Chữ rằng Xuân bất tái lai» v.v...*

Nếu giai thoại ấy có thể dùng làm một chút căn cứ mong manh để giúp

chúng ta nhận diện ra nhà nữ thi sĩ nơi nàng tiêu thiếp trấn Yên-quảng, thì mặt khác câu chuyện tại trấn Yên-quảng cũng xác nhận rằng giai thoại nọ không nảy sinh vô cớ, điều khiến chúng ta nên xét đến các giai thoại khác về nữ thi sĩ một cách nghiêm chỉnh chứ không được coi thường.

2— Chúng tôi không có trong tay các tài liệu của ông Trần Thanh Mại, chỉ được xem những đoạn trích dẫn của ông Nguyễn Văn Trung trong «Lược khảo văn học», tập 3. Theo đó thì trong tập «Lưu hương ký», nữ sĩ Hồ Xuân Hương có đề cập đến một nhân vật gọi là Hiệp-trấn họ Trần.

Ông Tham-hiệp trấn Yên-quảng trong «Quốc sử di biên» thì không có tên họ, ông Hiệp-trấn họ Trần trong «Lưu hương ký» thì không có nhiệm sở ; hai ông là một chăng ? Nếu được vậy thì hai nguồn tài liệu bổ túc cho nhau một cách may mắn.

Về ông Hiệp-trấn họ Trần, có thơ «Lưu hương ký» cho biết về quan hệ tình cảm đối với nữ sĩ, về ông Tham-hiệp trấn Yên-quảng, có câu chuyện «sai Xuân Hương can dự vào những việc bên ngoài» cho biết một khía cạnh trong đời sống vợ chồng của nữ sĩ. Giả sử hai ông nọ mà là một thì chúng ta được biết một chút về cả đời sống gia đình lẫn tình cảm thuộc về một đời chồng của nữ sĩ.

3— Ông Tham-hiệp trấn Yên-quảng có phải là đời chồng đầu tiên của nữ sĩ chăng ?

Trong lần gặp nhau năm Đinh-Mão (1807), Nham Giác Phu nói về nữ sĩ Xuân Hương như một cô gái chưa chồng : nói là em gái ông lớn họ Hồ mà không nói là vợ ai ; xưng là « cô ta » mà không là bà ; nói là nuôi mẹ già mà không nói ở nhà chồng ; lại nói đến những chuyện đôi bên uống rượu ngâm thơ với nhau, trở thành ra đôi bạn thân thiết với nhau (chuyện khó xảy ra nếu Xuân Hương đã có chồng).

Trong lần gặp nhau bảy năm sau, Giáp tuất (1814), Nham Giác Phu vẫn nói về Xuân Hương với chữ « cô » ; lại nói cô vẫn ở chỗ cũ (tức là với mẹ già, chứ không phải ở nhà chồng) ; lại còn nói chuyện « hai bên vừa mừng vừa tủi » (chuyện cũng khó xảy ra nếu Xuân Hương có chồng).

Thế rồi năm năm sau, năm Kỷ-mão (1819), xảy ra vụ qua Tham-hiệp Yên-quảng. Nếu bảo rằng chỉ trong vòng năm năm ấy mà nữ sĩ đã có chồng, rồi mất chồng, rồi lại có chồng làm Tham-hiệp, rồi lại mất luôn ông chồng Tham-hiệp nữa, thì chuyện chồng con có vẻ dồn dập quá. Nếu lại bảo rằng ông Tham-hiệp Yên-quảng là người chồng đầu tiên thì chuyện gia thất của nữ sĩ quá muộn màng.

Thật vậy, mười hai năm trước (1807), nữ sĩ đã nổi danh ở Thăng long, có lẽ ít ra tuổi cũng trên đôi mươi. Thế rồi xấp xỉ ba mươi mới đi làm tiểu thiếp người ta !

Dấu trong thực tại ông Tham hiệp Yên-quảng có được cái may mắn làm

người chồng đầu tiên của nữ sĩ hay không, thì trên tài liệu sử sách ông ta cũng vẫn là người chồng đầu tiên và là người chồng duy nhất được phát giác, cho đến nay (các ông Tống Cốc, ông phủ Vinh tường v.v... đều chỉ xuất hiện trong các giai thoại và văn thơ truyền khẩu, vô bằng).

4— Chuyện cô tiểu thiếp quan Tham-hiệp « can dự vào những việc bên ngoài » bấy giờ là hành vi trái mắt thiên hạ ; viên Án lại địa phương đã lấy làm thù ghét, mà cho đến ông quan làm việc tại tòa nội các nhà vua ở tận triều đình Huế (là Phan Thúc Trực) cũng hay biết và ghi chi tiết này vào sử !

Nét đặc biệt ấy hẳn là có ý nghĩa quan trọng trong cá tính và đời tư của nữ sĩ.

oOo

Văn thơ tông ngồng, có chồng tham những (đến tội tử hình !) : nhà thơ lớn của thế kỷ trước hội nhiều yếu tố « hiện đại » quá.

VÕ PHIẾN

3-1974

Một Bộ Bách - Khoa
từ 1957 đến 1973

không thiếu số nào.

Một độc giả muốn nhường lại
với giá 50.000\$. Xin liên lạc tại
160 Phan-Đình-Phùng Sài Gòn.

Nhà xuất bản LỬA THIÊN

120 Đinh Tiên Hoàng – Saigon 1

Đ. T. 94.494

Phát hành năm 1974

- 1- VĂN HỌC và NGŨ HỌC của Bùi Đức Tịnh
- 2- NHỮNG VẤN ĐỀ LAO ĐỘNG VÀ XÃ HỘI HIỆN ĐẠI của Nguyễn Quang Quynh
- 3- KẾ TOÁN KỸ NGHỆ của Hoàng Ngọc Khiêm
- 4- CĂN BẢN ĐỊA TẢNG HỌC Quyền II :
Trung sinh-Cánh tân của Trần Kim Thạch
- 5- ĐỊA CHẤT HẢI DƯƠNG
của Nguyễn Ngọc Thạch
- 6- HÀN PHI TỬ (Bản dịch) của Nguyễn Ngọc Huy
- 7- CHÂN DUNG HỒ - BIỂU - CHÁNH
của Nguyễn Khuê
- 8- VỆ TINH NHÂN TẠO của Nguyễn Kim Môn
- 9- CƠ CẤU VIỆT NGŨ II của Trần-Ngọc-Ninh
- 10- VAI TRÒ CỦA VIỆT-NAM QUỐC-DÂN-ĐẢNG TRONG LỊCH-SỬ VIỆT-NAM của Trương Ngọc Phú
- 11- KIẾP NGƯỜI của S. Maugham
(Bản dịch của Nguyễn Hiến Lê)
- 12- THỦY HỌC SÔNG NGÒI CĂN BẢN (II)
của Liêu Kim Sanh

Việt-nam Phật-giáo Sử-luận

Một thiên sư thi sĩ :

Thiên-sư Huyền-Quang

(1254-1334)

L.T.S. Nhân dịp lễ Phật đản năm nay, Nhà xuất bản Lá Bối — đã ngưng hoạt động từ trên nửa năm nay — lại cho ra mắt bạn đọc một tác phẩm về Phật giáo dày trên dưới 500 trang với nhan đề: Việt - nam Phật-giáo Sử-luận của Giáo sư Nguyễn Lang. Tuy tên tác giả không quen thuộc với bạn đọc nhưng nhà xuất bản giới thiệu tác phẩm trên là một công trình tổng hợp được tính cách vững chãi của phương pháp biên khảo và kiến thức sâu sắc về giáo lý đạo Phật. Tác giả đã trình bày những dữ kiện lịch sử, phân tích và bình luận những tư tưởng và những hệ thống tư tưởng trong quá trình diễn biến của Lịch sử Phật giáo V.N. một cách rành rẽ và khoa học. Cuốn sách sắp xuất bản mới chỉ là tập I gồm 16 chương từ Phật giáo ở hai thế kỷ đầu Tây-lịch đến khởi nguyên của Thiên-học V.N. và các thiên phái Tỳ-ni-đa-lưu-chi, Vô-ngôn thông, Thảo-dương, Trúc Lâm v.v... từ Lý đến Trần.

Phần sau đây trích từ một chương trong cuốn « Việt-nam Phật-giáo Sử-luận » để giới thiệu trước với bạn đọc Bách-Khoa công trình sưu khảo, phân tích và bình luận của Giáo sư Nguyễn Lang.

Về sách Tồ-gia Thực-lục

Phần ghi chép về thiên sư Huyền-Quang vị tổ thứ ba của Giáo-hội Trúc Lâm, không mang tên tác giả và người hiệu khảo. Phần này mang nhan-đề là « Tồ gia Thực lục ».

Theo lời dẫn in ở cuối thì vào khoảng những năm Tuyên-Đức nhà Minh (tức là vào cuối đời Hồ), một bản Tồ-gia Thực-lục đã được Thượng thư Hoàng-Phúc người Minh lượm lấy đem về Trung-Hoa. (Hồi Minh thuộc, tướng Trương-Phụ thu góp hết tất cả sách vở tại Đại-Việt chở về Kim-Lăng, ít sách đã còn có thể được giữ lại). Hoàng-Phúc thường

năm mộng thấy Huyền-Quang bảo phải gửi trả tập sách này về Đại-Việt, nhưng chưa có dịp làm như thế. Thấy Huyền-Quang linh ứng, ông mới lập chùa đề thờ, đặt tên chùa là : « An-nam Thiên-sư Huyền-Quang tự ». Đến khoảng năm Gia-Tĩnh nhà Minh, Tô-Xuyên-Hầu nhà Hậu-Lê đi sứ sang Trung-Hoa gặp được cháu bốn đời của Hoàng-Phúc là Hoàng-Thừa, mới nhận được tập sách để đem về nước. (Tô-Xuyên-Hầu tức là Lê-Quang-Bí, làm quan đến chức Binh-bộ Thị-lang, đậu Hoàng-giáp năm 1526). Khi về nước, ông đã đưa tập truyện Huyền-Quang cho ông Nguyễn-Bình-Khiêm xem, từ

đó sách lại được phổ biến. Lời dẫn nói rằng Hoàng-Thừa, cháu của Hoàng-Phúc, cũng năm mộng thấy Huyền-Quang nhiều lần nhân gửi tập sách về Đại-Việt, cho nên khi Tô-Xuyên-Hầu qua, ông ta đã gặp gửi sách.

Trong sách Vũ-trung Tùy-bút, tác giả Phạm-Đình-Hồ cũng có nói về chuyện Thiên-sư Huyền-Quang có ghi rằng ông có thấy chuyện này trong sách *Trúc - Lâm Truyền - Đăng - Lục*. Ta chưa từng thấy mặt mũi sách *Trúc-Lâm Truyền-Đăng-Lục* này. Có thể đó là một bản in gồm có chuyện của Trúc-Lâm, Pháp-Loa và Huyền-Quang, nội dung tương tự hay đồng nhất với nội dung sách Tam-Tồ Thực-lục. Ta chỉ có thể nói rằng phần Tô-gia Thực-lục đã được tìm ra và ghép vào với hai phần trước (nói về Trúc Lâm và Pháp Loa) để thành ra sách Tam-Tồ Thực-lục và lưu hành rộng rãi vào khoảng giữa thế-kỷ thứ 16.

Ai đã chép truyện Huyền-Quang? Theo tài liệu của Phúc-Đường Hòa-Thượng trong sách Đại-Nam Thiên uyển Đăng-tập-lục (quyển hạ) thì người truyền đăng của Huyền-Quang là An-Tâm Quốc-sư. Có thể An-Tâm đã chép truyện Huyền-Quang chăng? Tại sao trong Tô-gia Thực-lục không có thấy có ghi chép những thiên ngữ và những bài kệ tụng của Huyền-Quang? Cả đến bài kệ thị tịch của Huyền-Quang cũng không thấy ghi lại. Đúng về phương diện biên chép ngữ lục, đây là một khuyết điểm lớn: người kế thế của Huyền-Quang không thể

có khuyết điểm như vậy được. Tô-gia Thực-lục, cũng như lời dẫn nằm ở cuối sách, nói nhiều tới tính cách linh ứng của Huyền-Quang. Đời của thiên-sư bị phủ trong một bức màn thần dị linh thiêng, người thờ phụng đã chỉ chú ý tới mặt này mà không đề ý tới mặt tư tưởng và giáo lý của thiên-sư: phải chăng điều này phản chiếu trạng thái suy đồi của Phật-giáo cuối thế kỷ thứ 14 và trong suốt thế kỷ thứ 15 vào thời Hậu Lê? Lịch-sử Phật-giáo Trúc-Lâm sau Huyền-Quang đã không còn lại những ghi chép nào đáng kể có lẽ cũng vì lý do đó: quần chúng Phật-tử chỉ biết thờ cúng cầu nguyện mà không chịu học hỏi về lịch sử và giáo lý đạo Phật. Ông đã để lại tập thơ *Ngọc Tiên*. Hai mươi ba bài thơ trong *Ngọc-Tiên Tập* còn được giữ lại trong các thi tập như Việt-âm thi tập, Toàn-Việt thi-lục và Hoàng-Việt thi-tuyển, có lẽ nhờ tính cách nhẹ về danh từ Phật-giáo của chúng. Ngoài 23 bài thơ bằng chữ Hán ấy, ta còn tìm lại được một bài phú bằng chữ Nôm vịnh chùa Hoa-Yên, gọi là « Vịnh Hoa-Yên tự phú » cùng một bài kệ cũng bằng chữ Nôm theo sau bài phú nói trên.

Cuộc đời của Huyền-Quang

Tô-gia Thực-lục có ghi nhiều chi tiết về những sự kiện liên hệ tới Huyền-Quang, ví dụ như tên họ của tổ tiên ông từ đời Lý-Thần-Tông, khiến ta có thể tin rằng sách đã viết trên những căn cứ xác thực. Tuy nhiên vì tác giả dựa trên những điều thuật lại mà không căn cứ vào

thư tịch có trước, cho nên sách cũng có một số chi tiết không phù hợp hoàn toàn với sự thật. So với hai phần trước trong sách Tam-Tồ Thực-Lục, giá trị lịch sử của phần này hẳn là kém hơn một bậc. Quê của Huyền-Quang là ở làng Vạn-Tải, lộ Bắc-Giang (đời Lê đổi lại là làng Vạn-Tư, huyện Gia-Định). Nhà ông ở phía đông nam chùa Ngọc-Hoàng. Ông sinh năm 1254, lớn hơn Pháp-Loa tới 30 tuổi. « Ông thề mạo kỹ dị, mà có chí khí của bậc vĩ nhân. Cha mẹ ông rất yêu quý, dạy cho học văn chương. Ông nghe một biết mười, có tài của Nhan-Hồi Á-Thánh, do đó ông được cha mẹ đặt tên là Tải-Đạo. Năm 20 tuổi ông thi Hương đậu, năm sau đậu luôn thủ-khoa kỳ thi Hội ».

Cha mẹ định cưới vợ cho ông nhưng ông chưa chịu đám nào. Vua định gả công chúa Liễu-Nữ, cháu của An-Sinh-Vương cho ông, ông từ chối. Làm quan trong triều, ông đã từng phụng mệnh tiếp sứ giả phương Bắc, bởi vì ông thông thạo thư tịch, trích dẫn kinh nghĩa và ứng đối mau lẹ như nước chảy. Ông làm quan vào khoảng 20 năm. Đến năm 51 tuổi (1305) ông xuất-gia theo học với thiền-sư Bảo-Phác. Tồ-gia Tả-tực-lục nói ông từng tháp tùng vua Anh-Tông đến chùa Vĩnh-Nghiêm nghe Pháp-Loa thuyết pháp, nhân đó có ý muốn xuất gia. Sau đó ông dâng biểu ba lần xin từ chức và xuất gia, thọ giáo với quốc sư Pháp-Loa. Chi tiết này không đúng, bởi người chép truyện nghĩ rằng Huyền Quang, người kế vị Pháp-

Loa, phải được xuất-gia theo học với Pháp-Loa. Thực ra, năm ông xuất gia với thiền-sư Bảo-Phác thì Pháp-Loa mới xuất gia được một năm, làm gì đã được «thuyết-pháp» ở chùa Vĩnh-Nghiêm, làm gì đã được danh hiệu Quốc-sư. Mãi đến năm sau, 1306, Pháp-Loa mới được lập làm giảng sư ở chùa Siêu-Loại. Huyền-Quang xuất gia sau Pháp-Loa chỉ có một năm. Thiền-sư Bảo-Phác hồi đó ở núi Vũ-Ninh, chưa được suy tôn Quốc-sư. Có lẽ Huyền-Quang đã thọ giới sa-di tại chùa Vũ-Ninh do Bảo-Phác trú trì. Năm 1306, khi Pháp-Loa được lập làm giảng-sư chùa Siêu-Loại, Bảo-Phác có đem Huyền-Quang về dự lễ này. Trúc-Lâm gặp lại Huyền-Quang trong hình thái tăng sĩ, rất mừng, biết Huyền-Quang là một văn tài, liền đề nghị Bảo-Phác đề Huyền-Quang lại phụ-tá với mình. Từ đó Huyền-Quang tùy tùng Trúc-Lâm trong cuộc sống hành đạo. Huyền-Quang được đi theo học đạo với Trúc-Lâm và phụ-tá cho Trúc-Lâm trong hai năm, bởi vì cuối năm 1308 thì Trúc-Lâm tịch. Trong hai năm đó, Trúc-Lâm đã nhờ Huyền-Quang soạn những sách thực dụng sau đây để lưu hành trong giáo-hội Trúc-Lâm :

- 1/— *Chư phẩm kinh* : tuyển tập của những phẩm kinh thiết yếu và thực dụng.
- 2/— *Công văn tập* : tuyển tập những bài văn sớ điệp dùng trong các nghi lễ Phật-giáo.
- 3/— *Thích khoa giáo* : tập sách giáo khoa về đạo Phật.

Tổ gia Thực lục chép rằng Trúc-Lâm rất bằng lòng với công việc sáng tác của Huyền-Quang; khi đọc xong bản thảo *Thích khoa giáo*, vua ngự bút phê như sau: «Phàm sách đã qua tay Huyền-Quang biên-soạn, hiệu thảo rồi thì không thể thêm hay bớt một chữ nào nữa». Trúc-Lâm liền bảo thợ cho khắc in những sách ấy. Các sách này hẳn cũng đã được đưa vào Đại-Tạng đời Trần. Huyền-Quang cũng đã được Trúc-Lâm cho vân du khắp nước thăm các danh lam và thỉnh thoảng giảng đàn thuyết pháp. Có lần Huyền-Quang được Trúc-Lâm cho ngồi trên pháp toà làm bằng trầm hương của mình để giảng kinh. Sau đó ông được lập làm trú trì chùa Vân-Yên núi Yên-Tử. Mến phục sức học quảng bác của ông, tăng ni theo về học đạo có đến khoảng 1.000 người. Chính trong thời gian này Huyền-Quang sáng tác bài phú Vịnh Vân-Yên tự.

Năm 1313 (Quý Sửu. Tổ gia Thực lục chép lầm là Quý Mão — Quý Mão là năm 1303, hồi Huyền-Quang chưa xuất gia), ngày rằm tháng giêng âm-lịch, ông về quê làng Vạn-Tải thăm cha mẹ. Hồi đó ông đã 60 tuổi, cha mẹ đã già yếu. Muốn gần gũi hai vị trong một thời gian, ông liền lập một ngôi chùa ngay trong làng, sát mé tây của nhà cha mẹ, đặt tên là chùa Đại-Bi. Nghe ông lập chùa, nhiều người ở kinh đô về ủng hộ. Ngày khánh thành chùa, ông mở pháp hội lớn, mời chư tăng bốn phương về tham dự. Hàng vạn người

tham dự đại hội tổ chức trong bảy đêm bảy ngày. Những phẩm vật và tiền bạc dâng cúng, ông đem ra cúng dường chư tăng và tặng phát cho người nghèo khổ. Có lẽ pháp hội này được tổ chức trong dịp Vu-Lan rằm tháng bảy, mùa báo hiếu cha mẹ. Sau khi đại hội chấm dứt, ông có tổ chức một bữa tiệc nhỏ mời họ hàng thân thích và láng giềng trong làng Vạn-Tải đến dự để gây thêm tình thân mật. Chiều ngày hôm đó ông khởi hành về chùa Vân-Yên núi Yên-Tử, nơi ông chịu trách nhiệm trú trì. Như vậy là ông rời nhiệm sở chưa đầy một năm.

Câu chuyện Thị Bách

Sách Tổ-gia Thực-lục dành rất nhiều trang để kể chuyện hàm oan của Huyền-Quang dính líu tới một người cung nữ tên là Bách. Sự việc này xảy ra hồi ông trú trì chùa Vân-Yên, có lẽ dưới triều Minh-Tông. Một hôm vua Minh-Tông tỏ vẻ chán phục cuộc đời đạo đức trong sạch của thiền sư Huyền-Quang với các quan trong triều. Nho thần Mạc-Đĩnh-Chi nói: «Vẽ cọp thì vẽ làm sao vẽ tới xương được, biết người thì chỉ biết bề ngoài làm sao biết được trong tâm. Xin bệ hạ cho thí nghiệm». Vua Minh-Tông liền sai cung nhân Điềm-Bách hiệu là Tam-Nương đi chinh phục Huyền-Quang. Người cung nữ này nhan sắc chim sa cá lặn, lại thông bác kinh sử. Vua nói: «Vị tăng kia vốn giới hạnh cao nghiêm, chưa từng có ý sắc dục. Nhà người có nhan sắc, biết kinh sử, hãy đến tìm hiểu cho trẫm. Nếu quả vị ấy còn có quyền luyện tình dục thì người hãy dụ

mà xin cho được kim-tử bằng vàng đem về cho ta. Nếu man trá thì bị tội». Kim-tử này là một vật báu vua tặng cho thiền-sư ngày xưa. Thị-Bích liền đem theo một tiểu tỳ. Đến chùa Vân-Yên, gặp một ni sư già. Bích nói là muốn xuất gia học đạo. Vị ni sư chấp nhận cho ở lại tập sự, và sai bảo trà nước sớm khuya. Một hôm thiền-sư thấy dung mạo Thị-Bích, biết không phải là người có chủ tâm đi học đạo bèn gọi vị ni sư lên quờ. Thị-Bích thấy thiền-sư giới hạnh nghiêm mật, khó dùng sắc đẹp để chinh phục, liền nảy sinh một kế. Đêm ấy Bích khóc lóc với ni sư, nói rằng mình là con nhà thi lễ khoa bảng, vì cha thâu thuế xong bị kẻ cướp lấy mất không có đủ tiền để đền nên sẽ bị triều đình làm tội. Nếu đến kỳ hạn mà không chạy ra đủ số tiền thì không những ông ta bị tội mà cả vợ con cũng sẽ liên lụy và diền sản tịch thâu. Ni sư già đem câu chuyện nói lại trong đại chúng, ai cũng thương tình. Huyền-Quang hứa sẽ về kinh sư điều trần xin tội cho cha Thị-Bích, nhưng có một chú tiểu nói: « Pháp luật là pháp luật, để mất của công thì chịu tội, ta không nên vì tình riêng mà can thiệp, như vậy pháp luật còn có nghĩa gì. Tốt hơn là nên quyên tiền giúp họ ». Huyền-Quang cho là phải, liền lấy kim-tử vua ban cho Thị-Bích. Trong đại chúng, ai có tiền thì cũng đều đem cho. Được kim-tử, Bích trở về cung kể chuyện như sau cho vua nghe: « Thiếp đến Vân-Yên tự, giả làm người xin xuất gia, vì ni sư già cho thiếp bưng trà thang

hầu thiền sư. Một tháng trôi qua mà sư chưa từng nhìn hỏi tới thiếp. Một đêm kia, sư lên chính điện tụng kinh. Đến canh ba, sư và đại chúng mỗi người trở về tầng phòng của mình để nghỉ ngơi, thiếp mới tìm tới bên cạnh tầng phòng của sư để nghe động tĩnh, thì nghe sư ngâm bài thơ Nôm như sau :

*Văng vặc trăng mai ánh nước
Hiu hiu gió trúc ngâm senh
Người hòa tươi tốt cảnh hòa xinh
Mâu Thích Ca nào thử hữu tình !*

Sư ngâm bài này tới ba lần. Thiếp mới vào tầng phòng của sư mà tạ từ xin về nhà thăm cha mẹ, nói rằng năm tới sẽ xin lên học đạo. Sư lưu thiếp lại một đêm, tặng thiếp kim-tử». Vua nghe nói mặt rờn không vui, than rằng: «Việc này quả thực có tội chính ta là người thả lưới bắt chim, còn nếu không thì cũng không khỏi gieo sự nghi hoặc». Vua liền mở đại hội Vô già, thỉnh Huyền - Quang đến chủ lễ. Trên bàn cũng bày biện đủ loại, lục phẩm, ngũ cúng, cà sa, pháp y và cả những tạp vật như vàng bạc châu ngọc... Huyền-Quang đã biết mình bị hàm oan, liền « ngửa mặt lên trời thối một hơi, lên đàn ba lượt, xuống đàn ba lượt, vọng bái thánh hiền mười phương, tay trái cầm bình bạch ngọc, tay phải cầm nhánh dương xanh, mặt niệm thần chú rưới khắp trên dưới pháp điện. Bỗng thấy một đám mây đen hiện lên, bụi bay đầy trời mù mịt. Một lát trời sáng thì mọi thứ tạp vật trên pháp điện đều bị cuốn bay mất hết chỉ còn lại hương đăng và lục

cúng. Ai ai cũng thất sắc kinh hoàng. Vua thấy hạnh pháp của sư thấu cả thiên địa, liền rời chỗ ngồi, lạy xuống đê tạ lỗi... từ đó càng thêm tôn kính, xưng ngài là «tự pháp».

Những năm cuối của Huyền-Quang

Tổ-gia Thực-lục chép sau đó Huyền-Quang về ở Thanh-Mai trong sáu năm, rồi về trú trì chùa Tư-Phúc ở Côn-Sơn, soạn in lại Chư phẩm kinh để lưu lại hậu thế. Ông mất ngày 23 tháng giêng năm Giáp-Tuất (1334) thọ 81 tuổi. Câu chuyện về Thị Bích có thể không có thật, nhưng nhờ đó mà ta biết rằng tín ngưỡng về ẩn quyết và trì chú trong thời này rất quan trọng. Chi tiết phù hợp với những điều ta biết về ảnh hưởng Mật giáo trong thiên đạo vào các triều đại Anh-Tông và Minh-Tông.

Người nối tiếp Huyền-Quang trú trì chùa Vân-Yên là An-Tâm Quốc-sư. Huyền-Quang sau khi giao phận sự cho An-Tâm đã về núi ở Thanh-Mai và Côn-Sơn. Tại các núi này năm 1329 (cũng trong vùng Hải-Dương) Pháp-Loa đã lập những cơ sở hoằng-đạo cho Giáo-hội Trúc-Lâm. Ở Thanh-Mai sáu năm, ông dời sang Côn-Sơn, ở chùa Tư-Phúc. Chùa này tục gọi là chùa Hun, được lập ra từ đời Lý, và đã được Pháp-Loa mở mang. Huyền-Quang đến đây tiếp tục mở mang cơ sở. Ông có xây một tòa tháp có thể xoay được, gọi là Cửu-phẩm Liên-hoa.

Huyền-Quang mất ở Côn-Sơn năm 1334, nhưng ta không biết ông đã lưu trú bao nhiêu năm tại đây.

Vì vậy ta không biết ông rời chùa Vân-Yên năm nào, và câu chuyện Thị Bích đã xảy ra năm nào. Ông mất ngày 23 tháng giêng năm Giáp-Tuất, nhưng tin ông mất về tới làng Vạn-Tả ngày 24. Vì vậy dân làng Vạn-Tả còn lấy ngày 24 tháng giêng làm ngày kỵ tồ. Vua Minh-Tông ban hiệu cho Huyền-Quang là «Trúc-Lâm Đệ Tam Đại Tự Pháp Huyền-Quang Tôn Giả». Sách *Bắc-Ninh Phong thổ tạp ký* nói rằng Huyền-Quang đã đi thăm nhiều chùa, trong đó có chùa Ninh-Phúc ở Bút-Tháp; tại đây ông cũng đã dựng một đài «Cửu-phẩm Liên-hoa» và cho khắc in nhiều kinh điển. «Tòa Cửu-phẩm» ở Ninh-Phúc là một cái tháp có thể xoay tròn được. Trong những ngày lễ lớn, tín đồ tới chùa tay xoay đài, miệng trì chú hay niệm Phật. Tháp xoay có chín tầng và tám mặt. Mỗi mặt của tầng dưới hết có chạm nổi hình ảnh sự tích Phật, trong đó có hình Cực-lạc Thế-giới và Đức Phật A-Di-Đà. Tòa Cửu-phẩm tại chùa Côn-Sơn chắc cũng tương tự như vậy. Hình ảnh chiếc tháp xoay này cho ta thấy, một lần nữa, ảnh hưởng của Mật-giáo — Mật-giáo từ Tây-Tạng truyền đến.

Vua Minh-Tông cúng dường mười lạng vàng để xây tháp cho Huyền-Quang phía sau chùa Côn-Sơn. Vua cũng ban ruộng cho chùa để lo tồ chức kỵ giỗ hàng năm cho ông, kể cả ruộng các nơi cúng dường là 150 mẫu năm sào.

Huyền-Quang và Pháp-Loa

Năm 1309, Pháp-Loa tồ chức đàn chay Vu-Lan cầu nguyện cho Trúc-

Lâm vào ngày rằm tháng bảy. Huyền-Quang có mặt tại đó, Pháp-Loa gọi Huyền-Quang lại nói: « Những điều mà Trúc-Lâm điều ngự nói, nhà ngươi quên hết cả rồi sao? ». Huyền-Quang nghe nói thế từ đó theo sát bên mình Pháp-Loa để tham học. Trúc-Lâm đã nói gì với Huyền-Quang? Có lẽ vua đã dặn dò Huyền-Quang phải lo tu học thêm để phụ lực với Pháp-Loa mà hoàng dương Phật Pháp, xây dựng Giáo-hội Trúc-Lâm. Nhưng Huyền-Quang đi với Pháp-Loa cũng không lâu vì phải về Vân-Yên để duy trì cơ sở tu học trên ấy. Huyền-Quang mở trường tăng học trên chùa Vân-Yên, có đến chừng 1000 tăng sĩ đã lên thụ huấn. Năm Pháp-Loa mất tại An-Lạc Tàng-Viện, Huyền-Quang đến săn sóc một bên. Đó là năm 1330, Pháp-Loa 47 tuổi mà Huyền-Quang tuổi đã 77. Huyền-Quang bấy giờ đã qua 25 năm tu học, và với vốn liếng trí thức sẵn có trước khi xuất gia, đã trở nên một vị hòa thượng đạo cao đức trọng, so với Pháp-Loa không những hơn về tuổi tác mà còn có thể hơn về sự chứng nhập đạo pháp nữa. Ta hãy nghe cuộc đàm đạo giữa hai người sau đây thì biết:

Ngày mồng ba tháng hai năm Canh-Ngọ (1330), Pháp-Loa trở lại An-Lạc Tàng-Viện, thỉnh Bích-Phong, rường-lão thay mình giảng kinh Hoa-Nghiêm. Ngày mồng 5 sư lâm bệnh. Hai ngày kế tiếp, bệnh nặng. Nửa đêm ngày 11, Huyền-Quang đến thăm bệnh. Pháp-Loa đang trong giấc ngủ, rên hừ hừ một tiếng. Huyền-

Quang hỏi:

— Thức với ngủ đã là một chưa?

Pháp-Loa đáp:

— Thức với ngủ là một, cũng như khi không có bệnh.

Huyền-Quang hỏi:

— Vậy thì bệnh với không bệnh đã là một chưa?

Pháp-Loa nói:

— Bệnh cũng chẳng can gì đến kẻ khác, không bệnh cũng không can gì đến kẻ khác.

Huyền-Quang hỏi:

— Vậy thì tiếng nói nhằm vào cái gì?

Pháp-Loa nói:

— Thì gió thổi trong cây mặc nó chứ.

Huyền-Quang nói:

— Tiếng gió thổi trong cây không làm cho người ta mê hoặc, nhưng lời nói mê trong giấc ngủ lại có thể làm mê hoặc người.

Pháp-Loa nói:

— Kẻ si mê cũng có thể bị tiếng gió trong cây làm mê hoặc lắm chứ.

Huyền-Quang nói:

— Chỉ có một cái tật đó mà đến chết cũng không chữa.

Pháp-Loa liền lấy chân đạp Huyền-Quang một cái. Huyền-Quang bỏ ra. Từ đó, bệnh thuyên giảm dần. Đến ngày 13, người ta rời Pháp-Loa về Quỳnh - Lâm Viện để nằm trong phương trượng... Mồng 3 tháng 3,

lúc nửa đêm, Huyền-Quang vào thăm thì bệnh đã nguy kịch. Huyền-Quang nói :

— Xưa nay các bậc đạt ngộ khi giờ phút đến, muốn ở lại thì ở, muốn đi thì đi.

Pháp-Loa nói :

— Đi hay ở cũng đều không can hệ chi tới ai.

Huyền-Quang hỏi :

— Vậy thì sao ?

Pháp-Loa trả lời :

— Thì tùy xứ tát bà ha

Tiếp đến môn đệ xin bài kệ thị tịch. Pháp-Loa viết xong bài kệ bốn câu, buông bút rồi tịch.

Những cuộc vấn đáp giữa Huyền-Quang và Pháp-Loa cho ta thấy rằng chính Huyền-Quang có ý giúp Pháp-Loa trong những giờ phút cuối của cuộc đời. Câu trả lời «tùy xứ tát bà ha» và bài kệ thị tịch có lẽ đã là một khích lệ cho Huyền-Quang. Những câu hỏi đầu của Huyền-Quang bình như có mục đích để tìm xem Pháp-Loa đã sẵn sàng trước cái chết chưa. «Thức và ngủ đã là một chưa?» và «Bệnh với không bệnh đã là một chưa?» đã khiến cho Pháp-Loa giật mình thấy đạo nghiệp của mình chưa thực sự chín muồi, và mình chưa thực sự sẵn sàng để đón nhận giờ phút quan trọng. Phản ứng của Pháp-Loa biểu lộ một chút giận hờn có tính cách trẻ thơ. Tuy ông đưa chân đạp nhẹ Huyền-Quang một cái, nhưng ông đã nhờ các câu hỏi của Huyền-Quang mà nhận ra mình

phải sống thêm để hoàn thành cái mà mình tưởng đã chín muồi nhưng thật sự chưa chín ở nơi mình. Vì vậy mà sau cuộc viếng thăm đầu của Huyền-Quang, bệnh tình ông thuyên giảm rất mau chóng. Ông đã sống thêm tới 20 ngày nữa, và chắc chắn trong thời gian nằm tại phương trượng Quỳnh-Lâm Viện ấy ông đã đạt tới trình độ siêu việt sinh tử. Khi trở lại thăm ông, Huyền-Quang chưa biết tới sự thay đổi đó, nên đã nói một câu để thăm dò xem Pháp-Loa đã đạt tới chỗ liễu sinh thoát tử hay chưa. Ông nói : « Các bậc đạt ngộ xưa nay, khi giờ phút đến, muốn ở lại thì ở, muốn đi thì đi ». Đây thực là một câu hỏi để thăm dò, nhưng không đặt trong hình thức của một câu hỏi. Câu trả lời của Pháp-Loa có tính cách trêu đùa Huyền-Quang «Đi hay ở cũng không can hệ chi tới ai», nhưng câu trả lời thứ hai quả đã làm Huyền-Quang hả dạ : «tùy xứ tát bà ha». Tùy xứ tát bà ha là gì? Đó là tự do. Đó là giải thoát. Huyền-Quang quả đã giúp nhiều cho đạo-nghiệp của Pháp-Loa trong những giờ phút cuối cùng của đời Pháp-Loa. Liên hệ giữa Pháp-Loa và Huyền-Quang không phải là liên hệ thầy trò mà chỉ là liên hệ bạn hữu, dù Huyền-Quang là người thừa kế của Pháp-Loa.

Huyền-Quang hỏi đó đã không còn trụ trì Vân-Yên nữa mà đang tu ở chùa Côn Sơn. Ông không phải là một người thuộc mẫu hành động như Trúc-Lâm và Pháp-Loa, Ông là một nhà văn, một thi sĩ có

tài và cũng là một giáo-sư Phật-học giỏi. Ông ít đi giảng diễn trong quần chúng mà chỉ giảng dạy trong các tu viện cho giới tăng sĩ. Ông có mở mang các chùa Vân-Yên, Ninh-Phúc, Thanh-Mai và Côn-Sơn, nhưng ông không xây dựng hàng trăm chùa tháp như Pháp-Loa. Ông đề thì giờ dạy giáo lý, biên tập kinh điển và làm thơ. Ông ít giao du với những người trong triều, có lẽ vì ông đã làm quan trên 20 năm trong triều, đã chán ngán giới quyền quý nơi cửa khuyết. Chuyện Thị-Bích xảy ra hồi ông ở chùa Vân-Yên có thể là một sự bày đặt gây nên do sự ganh ghét. Vân-Yên là đầu não của môn phái, chức vụ trú trì ở đây có lẽ có người thêm muốn. Vì vậy ông về Thanh-Mai và Côn-Sơn để tìm chỗ thanh vắng thực sự. Đây là một bài thi ông làm trong những năm ở Côn-Sơn, lúc ông đã trên 77 tuổi :

*Đức bực then mình nổi tồ dăng
Học theo Hàn Thập(1) dứt đa đoan
Hãy đi với bạn về non vắng
Rừng núi bao quanh mấy vạn từng*

(Đức bực thường tâm kể tồ dăng
Không giao Hàn Thập khởi oan mạng

Tranh như trúc bạn quy sơn khứ
Điệp chương trùng loan vạn vạn tầng).

Chính năm 77 tuổi ông mới phải mang lấy tước hiệu «nổi tồ dăng» lãnh đạo Giáo-hội Yên-Tử thay Pháp-Loa. Nhưng ông không rời Côn-Sơn để trở về chốn đô hội, nơi trụ sở trung ương chùa Quỳnh-Lâm hay Báo-Ân. Ở nơi Côn-Sơn thật thanh vắng ông thấy khoẻ khoắn hơn, ít phiền não hơn. Côn-Sơn có nhiều hoa mai. Ông viết :

*Nửa mặt trời xanh, hỏi lý do
Hiên ngang trong núi mọc thanh hoa
Bẻ về, không để chùng vữa mắt
Chỉ mượn màu xuân đỡ bệnh già.*

(Dục hướng thương thương vẫn sở
Lẫm nhiên cô trị tuyết sơn trung
Chiết lai bất vị già thanh nhân
Nguyễn tá xuân tư ủy bệnh ông).

NGUYỄN - LANG

Kỳ tới: Tư tưởng của Huyền-Quang

(1) Hàn-Sơn và Thập-Đắc là 2 cao tăng ân-sĩ,

CHÚC MỪNG

Nhà thơ VÕ CHÂN CỬU (VĂN - HƯNG)
và Cô HUỲNH-THỊ HỮU HẠNH
trăm năm hạnh phúc

VÕ PHIẾN — LÊ NGỘ CHÂU

بنك

A votre service

tous les services de la

BANQUE

NATIONALE

DE PARIS

Lá thư nước ngoài

MINH-ĐỨC HOÀI-TRINH

Paris 16-2-74

Anh Ch.

Đêm nay thứ bảy, hai ba nơi gọi điện thoại mời đi ăn, đi nghe nhạc mà tôi cáo hết đề ở nhà viết thư gửi các anh. Ngoan không? Thật ra thì chỉ phải cái tội lười mặc quần áo, lười hạ sơn, tí khuya lại mất công thượng sơn, mỗi lười thứ ba là phải nói chuyện mà lắm khi mình không thích nói.

Đang chuẩn bị đề ngày mai hay ngày kia gì đó phải lên đường đi sang Bỉ viếng N.A.T.O., về sẽ kể cho anh nghe. Chiều nay đẹp trời tôi có mấy người bạn mời đi vào rừng Sénart, cách thành phố độ 20 cây số.

Một nơi khá đặc biệt ở chỗ khu rừng này không phải chỉ là một khu rừng của cây cỏ mà còn là nơi triển lãm quanh năm của ngành điêu khắc mới. Hiện nay trong rừng có độ trên một chục tác phẩm bằng đá, bằng gỗ, bằng sắt, bằng chất thụ chi, du chi v.v...

Có những tác phẩm thật đẹp, nhìn thấy sự cân đối, sự dụng công và tài năng của nghệ sĩ, trái lại có một vài tác phẩm thì quả là khó phê phán. Nói thật thì sợ buồn lòng tác giả, mà nói dối thì buồn lòng mình. Khoe với anh, là có một tác phẩm bằng đá mà theo ý một số đông, được chấm là hoa khôi. Tác phẩm của ông Marcel Petit, tác phẩm này tôi được chứng kiến từ khi khởi công. Lúc gần xong tôi có đến xin cầm búa đập thử vài cái. Bây giờ mới thấy là nó không nhẹ nhàng như mình đứng xa mà nhìn; mới được được độ bốn năm nhất gì đó là đã xin đầu hàng. Thế mà ông Marcel Petit làm từ tháng này qua tháng khác, và cả tác phẩm, cao 3 thước hơn có đến hàng chục nghìn nhất búa, như được thêu lên đá. Mỗi năm qua, tác phẩm già thêm một tuổi gió sương, mang một vẻ đẹp khác cũng

như mỗi mùa mang đến một thứ ánh sáng khác và tác phẩm cũng đẹp một cách khác. Lúc trời mưa nó mang cái màu mưa trông cũng có ro, lúc tuyết phủ lên mình, trông nó mơ mộng, trắng hơn sắc đá tự nhiên; trái lại lúc thu về màu lá rừng vàng thắm, trông rực rỡ hẳn lên cũng như khi nắng chói thật nhiều. Khu rừng này là một sáng kiến đầu tiên, bây giờ thì có nhiều nơi đã muốn bắt chước. Không phải ông nào cũng được mời vào, phải là một nghệ sĩ thứ thiệt và không phải chỉ có nghệ sĩ Pháp thôi đâu, có cả Nhật, Nam-Mỹ, Do-thái, Thụy-sĩ v...v.. Cả hai anh em nhà ông Petit, đều được mời vào, ông em, Jean Marie Petit làm cả một bức tường, mỗi viên gạch có thể là một bức tranh lập-thể để cho mọi người có thể đứng trước và muốn mơ gì thì mơ. Ông Jean Marie Petit chuyên về môn đào khí (céramica).

Các anh nào có dịp qua tôi sẽ làm người hướng dẫn đưa đi xem. Chỉ tiếc rằng ông Tổng trưởng Bộ Văn-hóa vừa ký nghị định không mời thêm nghệ sĩ góp tác phẩm vào nữa vì như thế là đủ rồi. Mỗi tác giả chỉ được độ một triệu bạc mà phải làm quần quật suốt mấy tháng trời có khi hàng năm, nhưng được trưng bày vào đấy là một điều vinh hạnh.

Anh thử tưởng tượng đi chơi vào rừng mà thỉnh thoảng dừng lại để ngắm nghía phê bình một tác phẩm nghệ thuật, thú vị biết mấy. Anh đưa cái ý kiến này ra thảo luận với anh em xem, ngày nào thanh bình, xừ ta rừng cũng không thiếu mà nghệ sĩ cũng thừa, tha hồ triển lãm. Chứ cứ bắt đưa nhau vào Sở thú xem khi hoải chán chết.

...Thư viết đến đây thì ngừng mất mấy hôm để phóng sang Bỉ mà viếng cái tổ chức quân sự của 14 quốc gia đồng minh ở Âu châu. Kể cho anh nghe nhé, sơ sơ thôi vì biết rằng các anh đều là bậc cao kiến, vả lại tôi không bao giờ muốn xé rào dành việc của các anh khác.

Tổ chức này tên gọi là SHAPE (Supreme Headquarters Allied Powers Europe). Kể tổ phụ của cái gọi là Shape này ra thì nó dài lê thê, người ta đưa tôi cả chục ký tài liệu ôm về không hết. Có thể là các anh biết cả rồi nhưng tôi cũng nói sơ qua cho một vài vị nào mãi bận rộn chuyện khác không có thì giờ nghiên cứu. Đây là một tổ chức nằm trong NATO (Bắc Đại tây dương Công ước tổ chức). Lý do thành lập là vì mọi

người đều lo sợ khi thấy sau Đệ nhị thế chiến, trong khi các nước đã giải giáp, anh nào anh nấy về nhà với vợ con, cả Âu châu cộng lại chỉ còn 15 sư đoàn trong lúc nước Nga không giải giáp mà vẫn giữ nguyên 210 sư đoàn, không cho người ta về với gia đình. Âu châu giật mình, vì thế mới họp nhau lại. Bắt đầu là cái Hiệp ước Dunkerque giữa Pháp và Anh năm 1947, liên minh trong sự phòng vệ đề đối phó lại với những cuộc tấn công của ngoại bang. Tiếp theo là bản Hiệp ước Bruxelles ký ngày 17.3.1948. Các nước khác thấy có lý nên cũng hòa theo, không phải chỉ có hai nước Anh—Pháp mà thêm Bỉ, Hòa-lan, Lục-xâm-bảo.

Nhưng mà vấn đề tài chánh quá eo hẹp trước cái họa Cộng sản. Gia-nã-đại đề nghị nới rộng thêm, làm thành một thứ hỗ tương phòng vệ cho tất cả vùng Bắc Đại-tây-dương, trong ấy bao luôn cả các quốc gia có chân trong Hiệp ước Bruxelles. Ý kiến được thêm các nước Đan-mạch, Băng-đảo, Ý-đại-lợi, Na-uy, Bồ-đào-nha và Hoa-kỳ tán thành. Năm 1949, Hiệp ước Bắc Đại tây dương được ký kết ở Hoa-thịnh-đốn. Năm 1952 thì Hy-lạp và Thổ-nhĩ-kỳ cũng xin gia nhập. Năm 1954 sau thỏa ước Luân-đôn và Ba-lê, Liên bang Tây-đức cũng được gia nhập vào tổ chức Đại tây dương này.

Nói vắn tắt sứ mệnh của SHAPE là phải bảo đảm cho một lực lượng quân sự cần thiết để áp dụng cái chiến lược của NATO (Hiệp ước Bắc Đại tây dương) tức là tổ chức,

thao luyện, trang bị và sẵn sàng đối phó cấp kỳ, lúc có biến.

Người ta dự liệu rằng các đơn vị hiện dịch được tuyến phái đến NATO phải là một thứ phòng trực (bouclier) đi từ hải giáp phía Bắc vùng Na-uy tới phía đông Thổ Nhĩ Kỳ.

Thôi nói chừng này vừa nhức đầu rồi, ai muốn biết thêm thì đi kiểm sách mà đọc hay là đi hỏi các anh Từ Minh, Từ Trì v.v... Phần tôi đề kể chuyện gì vui vui cho các anh nghe.

Sau khi phòng báo chí đã liên lạc với ông Đại tá Shultz coi về sự tiếp đón ký giả, người ta hẹn tôi ngày mai đến ga sẽ có người ra đón. Thế là hôm sau tôi cứ vậy mà mua vé tàu đến địa điểm chỉ định.

Vào ga thấy một nhân vật quân phục chỉnh tề tự giới thiệu bằng tiếng Pháp tôi là Đại tá K. đến để đón cô Ký.

Sau hai câu thì ngài yêu cầu, thôi chúng ta nói tiếng Anh đi, tiếng Pháp của tôi yếu lắm, thế là nhảy từ tiếng Pháp sang tiếng Anh, vì ngài là người Đức.

Trên xe Ông Đại tá kể cho tôi nghe rằng sáng nay trước khi đi đón, có một sĩ quan trực thuộc của ông ta ngày trước có ở Việt Nam, người sĩ quan ấy có dạy cho ông ta một câu tiếng Việt đề lúc gặp tôi thì nói ngay. Dự ký giả Việt Nam chơi, vì lần này là lần đầu tiên có Ký miền Nam đến vắng.

Ông ta bảo, học xong rồi nhưng nghĩ thế nào lại thôi không dám nói,

biết anh ta dạy tôi câu gì, ngộ nhờ nói bậy mang tiếng cả lũ thì sao. Ông sĩ quan kia cười bảo rằng sao ông khôn thế.

Đố anh biết ông ấy học được câu gì? Chẳng ai đoán được đâu.

— «Chiều nay em nấu ăn hay là anh nấu ăn?»

Kề ra ai nghe cũng buồn cười. Tôi bảo ông sĩ quan ấy dạy vậy là còn hiền. Có lần tôi đã dạy cho một cậu sinh viên đến trước mặt một cô gái Việt nói «Thưa cô tôi là con khi». Cô kia phá lên cười làm cậu này ngỡ ngác, vì cậu ta muốn nhờ tôi dạy cái câu thường thức nhất, «Tôi yêu cô», và đã bị tôi dạy cho câu khác.

Ông Đại Tá nghe tôi nói xong thề rằng từ nay không dại đi học những câu nói ấy với ai cả.

Anh biết trong một tổ chức đông đảo như thế mà họ chú trọng vấn đề thể thao nhiều nhất: có đủ thứ sân quần, hồ tắm, sân đá bóng và tất cả mọi sự, chỉ thiếu một ban nhạc. Tôi đưa ý kiến ra và hình như là rất được hoan nghênh. Ai lại ở cả mấy năm trời mà không tổ chức lấy một ban nhạc chơi với nhau, thảo nào mà có người phát khùng.

Trưa ăn cơm tại đây, nhưng trước khi ăn tôi phải gặp hai ba nhân vật nghe một buổi thuyết-trình có phim ảnh phụ họa. Nhờ vậy mà thông ra một cách dễ dàng, lúc xong tôi khoe ngay với ông Đại Tá K rằng bây giờ tôi thông thái lắm và mọi người đều có vẻ hài lòng (họ tưởng thật, chắc thế!)

Lúc ăn trưa tôi bị mọi người chất vấn nhiều quá đến nỗi tôi phải hỏi họ ai là «Ký» đây. Họ bảo lại lần đầu tiên gặp «Ký» mà lại là phái nữ nên phải hỏi cho bớt thắc mắc và cố nhiên là cái vấn đề Việt-Nam muốn thừa lại được đưa ra bàn cãi.

Người ta hẹn sẽ mời Ký của các anh đi dự một buổi diễn tập, thích không, họ chỉ có mỗi một vấn đề là Ký nhỏ bé quá, làm sao phát quần áo.

Cái khó khăn của khối Đại-tây-dương này là bất cứ một vấn đề gì cũng phải được cả 14 nước chấp thuận mới thì hành, nếu trong số có một nước li. nhất định không nghe là phải lui. Trong khi bên kia, cái Hoa-Sa hiệp-định (Warsaw Pact) thì chỉ cần có mỗi một ý kiến của đàn anh là đàn em phải nghe theo.

Kề cũng đáng ngại nếu nhìn kỹ ra, vì xét hai lực lượng thì bên phía Đại tây dương thật ít, kể từ quân số cho đến các thứ khí giới cả mấy ngành thủy lục không quân, và nhất là khí giới nguyên tử. Bắt đầu từ 1969 Nga đã đuổi theo kịp Hoa kỳ với thứ khí giới nguyên tử ICB-Ms (Intercontinental Ballistic Missiles dịch ra là «Châu tế đạn đạo đầu xạ vật»). Anh nghe sợ chưa. Và bây giờ thì coi bộ trong mấy bản thống kê toàn thấy những chữ viết tắt tên các thứ khí giới nguyên tử như vậy, nhưng tôi mà kê ra đây thì sẽ bị các anh ngáp.

Tôi gặp một cô gái Anh Quốc làm thư ký ở đây, cô ta hẹn bạn sau có sang Bỉ thì dừng ở phòng trọ tốn tiền, điện thoại gọi cô ta báo trước rồi đến nhà cô ta mà ở. Tôi cũng vội vàng mời trà, khoe nhà tôi có hai tấm ván kê làm sa lông nhưng lúc

cần thì có thể cho hai người ngủ. Cái đặc điểm của hai tấm ván ấy là khi mình ghét người kia thì mình ngủ quay chân vào nhau và quay đầu ra hai góc xa. Lúc mình thân coi bộ đàm đạo được thì có thể quay đầu với nhau, khi hai người thân hơn như đôi dục tử thì kê lại song song giống cái giường. Trái lại khi mình ghét người đối thoại thì mình dụ cho họ quay đầu, xong chờ họ ngủ mình quay chân lại tức thì họ sẽ bị chịu đựng mùi vớ nếu hai ngày mình không rửa chân.

Cả bọn cùng cho là ý kiến tuyệt diệu, cô gái hẹn sẽ nhất định đến viếng cái xa-lông đặc biệt ấy, có những bốn giải pháp, anh nghe có muốn bắt chước không.

Ngày trở về, trên ca-bin, chúng tôi có ba người một bà Pháp, một ông già Anh và tôi, hai người kia mỗi người chỉ biết nói độc mỗi thứ tiếng nhà mình thế là họ dùng tôi làm thông dịch. Lúc tôi ăn bánh đưa ra mời cả mọi người, ai cũng hoan hỉ, tôi còn phỏng vấn ông già về vụ bầu cử của nước ông sắp đến, nhưng ông ta cứ ngần ngại không dám trả lời dứt khoát.

Tàu đến Paris, bà người Pháp nói khẽ với tôi: Người ta làm chiến tranh thật vô duyên, chúng ta ba người ba xứ mà coi bộ thuận hòa với nhau quá.

Thôi nhé đến đây lại phải bắt chước cái câu cũ xi của ba chú chệt ra đe dọa anh: «Chỉ đoán tình trường», giấy ngán tình dài, thật ra thì không phải giấy ngán mà giấy dặt, như thế thì phải nói là «Chỉ quý tình trường!» vậy.

Thăm cả làng Bách Khoa.

MINH ĐỨC HOÀI TRINH

Sách giáo khoa Trí Đăng

Trân trọng cảm ơn Nhà xuất bản Trí Đăng đã gửi tặng Bách Khoa những sách giáo khoa sau đây :

— Giáo khoa và Trắc nghiệm :
Conic và Phép biến đổi điểm Lớp 12B của Phan Lưu Biên, Lê Văn Đăng và Trần Thành Minh. Sách dày 240 trang, gồm 10 chương, mỗi chương đều có các phần : giáo khoa, phương pháp giải toán, bài tập, phần trắc nghiệm và cuối sách là Trắc nghiệm ôn và Trắc nghiệm tổng hợp. Giá 600đ.

— Giáo khoa và trắc nghiệm :
Đạo Đức Học Lớp 12 ABCD của Trần Xuân Tiên và một nhóm giáo sư Triết, dày 110 trang, mỗi bài gồm 3 phần : Giáo khoa, Triết văn, Trắc

những sách giáo khoa sau đây :
nghiem kiểm soát. Giá 350đ.

— Giáo khoa và Trắc nghiệm :
Luận Lý Học Lớp 12 ABCD, dày 160 trang, mỗi bài đều có 3 phần : Giáo khoa, Triết văn, Trắc nghiệm kiểm soát. Giá 400đ.

Trắc nghiệm Công dân Giáo dục Lớp 12 ABCD của Nguyễn Bá Kim, dày 120 trang, gồm 10 bài mỗi bài đều có những câu hỏi trắc nghiệm tương ứng. Giá 320đ.

— Phương pháp giải Toán và bài giải trắc nghiệm Lớp 12A của Phan Lưu Biên, Lê Văn Đăng và Trần Thành Minh, dày 335 trang. Giá 650đ.

— Câu hỏi giáo khoa Triết ;
Luận lý học, Đạo đức học Lớp 12 ABCD của Nguyễn Xuân Hoàng, dày 150 trang. Giá 200đ.

BÁC SĨ hay **ÁC QUỶ**, cứu giúp nhân loại hay giết hại con người.

Con người bị bỏ vào nước giá lạnh chịu đựng được mấy giờ ?

Toàn thể các dân tộc Âu Châu, ngoại trừ giống dân có dòng máu thượng đẳng Aryen, và sau này cả các dân tộc trên thế giới, sẽ bị làm cho tuyệt diệt sinh sản như thế nào ?

Bí mật của sự sanh đôi sanh ba ?

Con người sẽ như thế nào trong trường hợp có một cuộc chiến tranh vi trùng ?

Các Phi công Thần Phong « Kamikazé » của Nhật trước khi mang bom lao mình vào chiến hạm Mỹ, có đã bị chích thuốc kích thích trước không ?

Và nhiều bí mật kinh thiên động địa. Nhiều tội ác thần sầu quỷ khốc nữa của bọn ĐỨC QUỐC XÃ được lột trần trong quyển sách độc đáo :

« Những tên **ÁC QUỶ** của **Y KHOA** dưới thời **Đệ Nhị Thế Chiến** »
quyển thứ 9 trong tủ sách : « **LỊCH SỬ ĐỆ NHỊ THẾ CHIẾN** »
của nhà **XUẤT BẢN SÔNG KIÊN**.

NGƯỜI SÔNG KIÊN và **LÊ THỊ DUYÊN** dịch

SÔNG KIÊN xuất bản và phát hành

tại số 98 Trần Nhân Tôn (Lầu 3) SAIGON 10

*Thăm chủ quán
Gió khơi Qui-nhơn*

3. Thơ LUÂN HOÁN (*)

tặng Trần-hán-Hải

*lũ ta đến sao biển này không gió
trời đã chiều sao nắng vẫn mênh mông
trên bãi cát vết chân người gọi mãi
lòng ai theo nhen cho gót tình hồng*

*tiếng sóng nhỏ giảng lời mời tha thiết
mặt biển xanh trái lòng thuở mười lăm
trời vẫn cao nên mây còn lạc lõng
giọng ta cười bỗng chốc cũng xa xăm*

*bạn cứ rót, ly này ly thứ mấy ?
mừng lũ ta hay mừng bạn không sao
chẳng trôi nổi nhưng cũng đành lưu lạc
bạn chúng mình ai không được lao đao ?*

*bạn cứ kể cho cái đời lặn đụn
không nhận chìm được hết nỗi chua cay
quá ba mươi chưa đủ già đề then
cái đời người vẫn đại đại ngày ngày*

*mừng cho bạn vẫn một mình một ngựa
vẫn đầy lưng những thơ rượu gió trăng
thân có mỗi xin lòng kia hãy gắng
nắng hoàng hôn sẽ vàng cánh chim bằng*

*còn bạn ta, lũ ong bờ bướm bụi
trót làm người nên mãi mãi ăn năn
chút bồn phận tâm thường như gông nặng
đời lao tù là hạnh phúc hay chẳng ?*

*bạn cứ rót, vâng rót đầy như vậy
dĩa chim chiên thơm mùi đất quê hương
nào hãy uống... hãy nhậu say say nữa
mừng chúng ta vẫn còn biết yêu thương*

(*) L.T.S. — Xin xem bài 1, 2 trên Bách-Khoa số trước (F: 407).

bạn cứ rót, vàng rót vào thêm nữa
màu bia vàng như màu nắng hoàng hôn
trên mặt sóng gió biển khơi vừa dậy
trên lòng ta leo lét nỗi cô đơn

nào hãy uống, uống cạn đi các bạn
mai chia tay còn biết gặp nhau không ?
còn được sống hãy còn giang hồ vật
nổi chân người qua khắp núi sông....

LUÂN-HOÁN

(Rượu hồng đã rót) tháng 7-1973

C A T U N G

T h o T A - T Y

Đừng hỏi anh, vì sao mà ngăn cách
Biết làm gì để gìn giữ đời nhau ?...
Anh chỉ có những dòng thơ trinh bạch
Với đôi tay nâng đỡ mái tình sâu

Hồn anh đó hãy ngã đầu buông mộng
Lòng anh đây, mật ngọt hãy kể môi
Chấp đôi cánh bay cao khung trời rộng
Nỗi buồn xưa, trí nhớ lãng quên rồi

Anh đâu rõ, ngày mai mưa hay nắng
Thì hôm nay sao nở bất tình xa
Nghiêng sóng tóc cho mắt nhìn say đắm
Lấy đam mê ngăn suốt lệ chan hòa

Buổi có em, hoa mặt trời rực lửa
Vòng luân hồi khép kín chuyện yêu thương
Thời gian hồi, xin đứng ngoài khuôn cửa
Đề chiêm bao mở lối tới thiên đường

Thơ MINH-ĐỨC
HOÀI TRINH

BUỒN

THÁI-SƠN

KHÔNG

GIEO

« Thái Sơn nhất tịch
Khinh hồng mao »

ĐẶNG TRẦN CÔN

Quen nhau từ kiếp trước
Hẹn gặp trong kiếp này
Uống chung một nguồn nước
Sao mình vẫn không hay

Muộn màng chẳng định mệnh
Tóc trắng nửa mái đầu
Mong hoài sao chẳng đến
Còn gì để cho nhau

Nợ quê hương chưa trả
Sự nghiệp vẫn bọt bèo
Lạc loài trên đất lạ
Buồn Thái-sơn không gieo !

Mùa đông vườn trắng xóa
Tâm tư mang cùng màu
Nhớ thương từng chiếc lá
Hoa tuyết rơi về đâu ?

Mỗi khi ngoài chớp bể
Là khi trong mưa nguồn
Xót xa nhiều thế hệ
Chết ôm niềm cô đơn

Tương lai đi về đâu ?
Mình có còn gặp nhau
Đề nghe hoa tuyết rụng
Nhìn nắng chói vườn cau

Hay không về đâu cả
Mỗi đũa rẽ một đường
Như hai người xa lạ
Lạnh lùng chia hai phương

Trong cơn thoát xác

Ra tới bến xe tôi hơi thất vọng. Tưởng đi chuyến sớm sẽ vắng, không ngờ một dọc người dài đứng xếp hàng lấy vé. Từ ngày có nạn khan hiếm nhiên liệu, và chín mươi phần trăm các tiệm xăng đóng cửa ngày chủ nhật, thiên hạ ít dám đi chơi bằng xe hơi như trước. Nên xe đồ và máy bay đông hẳn lên. Dân Hoa-kỳ kể ra thuộc loại chịu khó đi. Và đi ào ào như nước. Tôi nghĩ có lẽ ngoài tự do tư tưởng ra, tự do đi chuyến là một trong những hình thức tự do cần thiết và quý giá nhất của đời sống con người. Đi để tìm những chân trời mới cho trí óc mở ra, cho tâm hồn thanh lọc vươn lên với ước mong nhà tư động ngọc. Thật ra thì ít bao giờ con người sử dụng và tận hưởng hết tất cả những tự do được dành cho. Nhưng nếu biết là bị hạn chế, thu hẹp, con người có thể tức thở và muốn biến thành dã thú. Nên thấy dân Mỹ thật sướng về cái trò đi. Nước họ vừa rộng, mà phương tiện chuyên chở lại nhiều. Có tiền thì đi máy bay, ít tiền thì đi xe đồ, tàu hỏa. Cũng tới chỗ muốn xem, và cũng xem được ngần ấy thứ. Quan trọng là biết tìm và có mắt mà thưởng lãm.

Phải đợi mười lăm phút mới đến lượt mua vé. Tý nữa thì trể xe. Tôi leo lên, lách ngò vào chiếc ghế còn trống bên cạnh cửa sổ. Mảnh trời

mỏng dài giữa hai dãy phố bắt đầu hừng sáng, nhưng thành phố còn co tròn ngái ngủ. Lúc xe sắp chạy, tôi thấy ba người tất tả chạy vào bến xe. Cô con gái mới chừng 16, quay ôm hôn hai ông bà già chắc là bố mẹ, rồi chạy ào lên xe. Hai ông bà già đứng dưới bến, hai tay trong vòng ôm lưng nhau, hai tay ngoài giờ thảng vẩy vẩy. Miệng cười thanh thản. Chờ đến khi xe ra khỏi bến chạy trên đường, tôi hạ lưng ghé thấp xuống để tựa đầu. Nghĩ tới cuộc hành trình sáu tiếng đồng hồ từ Hoa-thịnh-đốn tới Pittsburgh, nơi Trọng học, tôi thấy mình cần phải ngủ. Chập chờn tôi gặp quay lại trong trí nhớ cảnh tiễn Trọng ở ngoài phi trường Tân-sơn-nhất hôm nào. Chú tôi mắt mờ sương nước và đục đỏ. Giơ tay vẫy tiễn con đi. Còn cô tôi đeo cặp kính đen thật to, tay bà giờ thấp thấp, vẩy vẩy. Nặng chiu và cứng nhắc.

oOo

Thăm thoát thế mà đã sáu năm. Trong suốt thời gian đó tôi không gặp Trọng chỉ thỉnh thoảng xem hình hay nghe cô tôi nói là Trọng đang làm luận án tiến sĩ, và nhờ học giỏi được cấp học bổng nên cô chú tôi cũng đỡ vất vả. Tháng trước, khi được phép xuất ngoại tôi tới chào và cô chú tôi cứ khần khoản nhờ thế nào cũng cố lên Pittsburgh thăm Trọng

xem tình trạng sức khỏe hẳn ra sao. Trọng mới bị tai nạn xe hơi nhưng không chịu viết về nhà nhiều, làm cô chú tôi lo lắng âm u.

Hôm xuống chào, tôi thấy cô tôi ngồi ngoài hàng hiên nói chuyện về lũ con ở xa. Bà nhắc tôi khi qua Nhật nhớ điện thoại cho Châu, tới Úc thì tới ở nhà Dũng, qua Pháp thì ghé thăm Phương, và tới Mỹ thì nhớ điện thoại ngay cho Trọng để hẹn ngày lên thăm. Thấy căn nhà rộng mênh mông vì lũ em họ tôi đã lớn hết, đứa lập gia đình đứa ở xa. Bà ngồi nói chuyện về lũ con khi ánh nắng buổi chiều nhập nhòa trên mái tóc trắng như cước chuốt và nét mặt phúc hậu như khuôn mặt Phật Bà. Còn chú tôi ngồi tụng kinh chiều trên gác. Giữa cái hiền hòa của tiếng kinh và mái tóc bạc của cô tôi, trong cái thanh thang của căn nhà đầy tiếng mõ tôi thấy buồn hoang vu. Về ý nghĩ cuộc đời và những chuyện ra đi.

Tới Pittsburgh, tôi gọi điện thoại cho Trọng về nhà nhưng người bạn chung nhà nói Trọng còn ở trường chưa về. Tôi gọi lại phòng thí nghiệm thì gặp Trọng :

— Em xin lỗi không có xe ra rước chị. Chị chịu khó lấy xe taxi về vậy nhé.

Tôi nói :

— Không sao. Chỉ phòng thí nghiệm của Trọng ở chỗ nào rồi chị ghé taxi rước luôn.

— Xin chị cứ lấy xe về trước, vì em có xe đạp rồi.

Tôi về chỗ Trọng ở. Ngồi đợi ở phòng khách mãi 15 phút sau mới thấy Trọng về. Hắn đi vào reo lên : «A chị Hạnh». Rồi nhảy tới ôm vai tôi. Thật chặt. Hai phút sau hẳn mới buông ra. Vừa hỏi : «Chị phải chờ em lâu không ?» vừa cởi áo lạnh và khập khểnh nhảy lò cò ra mặc treo áo. Tôi sửng sò. Trông hẳn thật trẻ so với thời gian 6 năm qua đi. Tóc dài chấm gáy làm nét mặt hẳn thật hồn nhiên. Hẳn là đứa đẹp nhất trong lũ con của cô chú tôi. Hẳn vẫn đẹp trai như trước. Nhưng bây giờ chân hẳn khập khểnh. Cô tôi chắc sẽ khóc chết thôi nếu bà trông thấy thằng con lúc này. Trong cái kỷ nguyên văn minh của kỹ thuật tân tiến này, có thiếu gì ba mẹ đã dờ diên dờ đại, chết ngắt và khóc cạn nước mắt vì cảnh dễ con ra lành lặn, nuôi con lên đẹp đẽ. Đề một ngày nào đó bất ngờ thấy tai nạn và chiến tranh làm con mình thành tàn phế. Mà chỉ biết ngồi xót xa. Không dám trách trời, không dám trách người, mà chỉ dằn vò mình là đã vụng tu.

Trọng quay lại nói : «Chị đừng lo, chân em không bị hụt nhiều lắm đâu. Có điều vì chân chưa mạnh hẳn nên em phải tập tĩnh nhiều vậy đó thôi ! Mà chị nhớ đừng có tả lại với mẹ em làm gì. Bà lại buồn tội nghiệp. Em nghĩ số em còn may chán chứ với tai nạn hôm đó đáng lẽ đeo chân giả rồi. Em thấy có thật nhiều cách nghĩ về những nỗi bất hạnh của mình, chị ạ. Mình chỉ khổ hơn một cách vô ích nếu nghĩ đó là cái tối đa mình phải chịu. Còn nếu nghĩ cái

xây đến là tối thiểu thì sẽ thấy mình còn may mắn chán, nên bớt khổ đi. Em nghĩ chuyện gì đã xảy đến rồi, mình không thể làm gì hơn, thì chẳng phải chấp nhận và nghĩ xuống để tìm thanh thản cho tâm hồn. Nên dành tâm trí vào những chuyện chưa xảy ra, mà mình có thể dự phần hay ngăn cản được. Còn bận tâm và dầy vò quần quanh vào những chuyện đang nào cũng như thế rồi, chả đi đến đâu cả. Chị đồng ý không ?”

Tôi ngạc nhiên. Sáu năm dài. Tôi bắt gặp vết tích thời gian trên tâm hồn hẳn. Nhưng còn những dấu tích nào khác nữa ?

Trọng nói tiếp : «Chị mệt không ? Nếu không em dẫn chị đi coi nhà. Ngoài Dale chị đã gặp ban nãy, còn năm thằng nữa cũng đều là sinh viên». Rồi hai chị em đi vòng vòng. Lầu một là phòng khách, phòng ăn và bếp. Đồ đạc vừa phải. Nhưng gọn ghẽ. Nhà toàn con trai mà thật sạch sẽ. Trên tường nhà bếp tôi thấy treo la liệt những bảng phân công. Mỗi người một phận sự lo chung cho việc dọn dẹp, ăn ở. Trọng giữ chức đầu bếp.

Trọng giải thích : «Mấy năm đầu em sống trong lưu xá, và mới ra ngoài hai năm nay. Em nghĩ mình đi học không phải chỉ học ở sách vở và nhà trường, mà phải học về đời sống và xã hội Hoa-kỳ nữa mới được. Học bằng cách sống với họ. Sống chung như vậy, mình cũng phải sửa đổi nhiều, nhưng mình học được của họ nhiều hơn và sâu hơn.»

— Thế Trọng không sợ bị Mỹ hóa à ?

— Không, chị ạ. Em biết cái hay của Việt-Nam cần giữ lại, và biết thanh lọc những gì của Mỹ. Đối với em, du học không phải chỉ là thu thập ba cái kiến thức chuyên môn ở trường, mà phải biết học cái hay về đời sống, xã hội của người để cải tạo những cái dở của mình. Chứ nếu chỉ học trong sách không thì học ở Việt Nam cũng được vậy, phải không chị ? »

Lên lầu hai, tôi vào thăm phòng Trọng. Thấy sách chất ngất ngư trên bàn, trên ghế. Mấy kệ sách đều đầy ních. Trọng cười : «Em sống tiện lắm chị ạ. Chường nào học thì tắt cả sách vở được chất lên giường. Tối giờ ngủ thì mọi thứ lại được chuyển sang bàn, lên ghế. Thật tiện lợi và đỡ mất thì giờ dọn dẹp.»

Tôi hỏi về chuyện học của Trọng :

— Thế Trọng sắp viết xong luận án ra trường chưa ?

— Chưa chị ạ. Mà em đang nản đây. Cái lý thuyết em nghĩ ra và đang nghiên cứu thấy sẽ áp dụng rất nhiều vào lãnh vực quốc phòng. Em chán vì không muốn dự phần, dù gián tiếp và rất nhỏ nhoi, vào những chuyện các quốc gia hại lẫn nhau. Em đang muốn bỏ quá chị ạ ! »

— Ấy chết. Chớ nghe ! Thì em cứ viết bừa đi cho xong chuyện, lấy bằng về làm ông nghề cho chị kế kế với chứ.

— Chị làm em sợ. Càng ngày em càng thấy cái bằng nó chả tương

xứng với kiến thức của mình chút nào. Tưởng đồ tiến sĩ là học xong, học hết chữ nhà trường rồi. Mà chính thực ra đó mới là lúc chỉ có thể và nên coi là mình tạm đủ căn bản để thực sự đi đào kiến thức, đi tìm biết.

— Khiếp ! Trọng nói toàn chuyện lý tưởng và tuyệt đối thế thì làm gì có đường thoát. Ở ngay trong xã hội này chứ nói gì là ở Việt-Nam. Đời sống mình nên nhẹ nhàng và tương đối thôi em !

— Lý do của đời sống là để dẫn thân đi tìm chân lý và tuyệt đối hay là để ăn nấu bằm hờ vào cuộc đời bằng cách luồn chạy từ bọc bong bóng này qua bọc bong bóng khác, hở chị ?

Sáu năm trời. Trọng quả là một bất ngờ đối với tôi. Một bất ngờ thích thú. Nhưng nhiều ngậm ngùi, vì thương hẳn. Tôi hỏi : « Chắc em suy tư nhiều và hay buồn lắm hả ? »

— Em có thể nói là em vừa lòng về cuộc sống hiện nay của em. Em cảm ơn thượng đế là em có cơ hội học hành, có cơm ăn và áo ấm. Nhưng làm sao em sung sướng cho nổi khi thấy đời sống tràn đầy những phi lý và bất công, thấy con người nhiều khi lam lũ khổ cực quá. Nội cái chuyện thấy bọn Mỹ nó tiêu hàng hai ba tỷ đô-la tiền thức ăn cho chó cho mèo, rồi nghĩ tới dân Việt-Nam mình, chuyện đất nước mình. Em muốn khóc mà không nổi !

Một thằng Mỹ cao lớn đi ngang qua, ghé đầu vào : « Này Trọng, mày

đi đâu mà hai ngày rồi không thấy mày về ăn cơm ? » Thấy tôi, hẳn giơ tay, cười nói « Hi ».

Trọng nói : « Tao ở ngoài phòng thí nghiệm chứ ở đâu. »

Thằng Mỹ quay nói với tôi : « Này cô phải bảo nó mới được. Nó có cái kiểu làm việc như điên, hai ba ngày liền một mạch. Thế nào cũng có ngày chết. »

— Mày nói láo. Không có ai chết vì làm việc bao giờ. Chỉ có chết vì không làm gì cả thôi. Mà tao học cái lỗi làm việc đó ở xứ mày chứ ở đâu. »

Tôi nói : « Dầu sao Trọng cũng phải giữ sức khỏe một chút, chứ đau ốm bên này không có ai trông nom. Khổ chết. »

— Thì chị thấy em vẫn khỏe mạnh đấy chứ. Tại nhiều lúc em thấy thời giờ chạy mau hơn những dự định em muốn làm. Em nghe người ta nói là từ lúc sinh ra tới ba mươi tuổi là thời gian để học, để sửa soạn. Ba mươi đến sáu mươi là để hành động và sản xuất. Để làm được một cái gì lưu lại cho thế-hệ sau trước khi mình về dưỡng già. Em chỉ còn có 5 năm nữa để học, mà thấy mình còn phải học nhiều quá, và thấy mình chưa sẵn sàng để làm một cái gì cả.

Thằng bạn Trọng khoa tay : « Thôi đi mày, tới giờ nấu cơm rồi, và hôm nay là phiên mày. Tao nói thật đấy chứ ở đời đừng có coi chuyện gì là quan trọng cả thì mới sống được. Còn không thì mày chỉ khổ và chết lúc nào không biết. »

— Mày sống có làm được cái gì

không mà sao mày sợ chết thế hở, thằng ranh con.»

Tôi theo Trọng xuống bếp. Trọng thổi cơm và làm thịt bò bỏ lò. Tôi làm món thịt dim tom là món tôi biết Trọng vẫn thích từ hồi ở Việt-Nam. Hồi còn ở trong gia đình, Trọng là đứa sành ăn và kén ăn nhất nhà. Tôi hỏi Trọng : «Trọng có hay nấu cơm Việt-Nam ăn không ? »

— Ít khi lắm chị ạ. Vì mất thì giờ. Em bây giờ dễ tính rồi, ăn gì cũng được và thấy ngon. Sống ở bên này rồi mình thành dễ tính đi nhiều chị ạ. Hơn nữa từ hơn năm nay mỗi tuần em nhịn ăn một ngày. Để biết thế nào là cơn đói. Để lúc ăn lại, cái gì mình ăn thấy cũng ngon hơn và biết quý bữa cơm mình có mà ăn. Biết quý hơn trước nhiều ! »

Tôi đi từ ngạc nhiên này qua ngạc nhiên khác. Vừa vui vừa buồn. Tôi mừng vì hẳn biết suy tư. Nhưng hơi nhiều. Nên tôi thương hẳn. Dầu sao thì hẳn mới có 25 tuổi.

Ăn cơm xong Trọng rủ tôi đi nghe hòa nhạc. Hẳn nói : « Em thích âm nhạc nên thường mua vé cho cả mùa hòa tấu. Sinh viên bọn em chỉ phải trả có 10 phần trăm giá vé. Ngồi nghe nhạc là lúc em thấy thoải mái và thanh thản nhất. Và đó là cái thú tiêu khiển duy nhất của em.»

Tôi hỏi : « Thế Trọng có hay gặp mấy người Việt ở đây không ? »

— Ở đây cũng có một số sinh viên và một vài cô có chồng Mỹ. Họ cũng tụ họp ăn uống luôn. Nhưng lâu lâu em mới tới một lần. Thứ nhất là vì em không có thì giờ nhiều. Thứ hai là vì em thấy cứ họp nhau lại nói chuyện bâng quơ về Việt-Nam, hoặc chỉ trích cái này, hoặc nà y

tiếc cái kia. Em thấy vô bổ ích. Em cho mình nên dùng thì giờ đó thu thập cho thật nhiều kiến thức chuyên môn về ngành mình theo đuổi, và đi tìm những cái hay về xứ người. Xong rồi về nước. Em thấy thế có lý hơn. Em biết có nhiều người ở Việt-Nam thì khăng khăng là phải du học. Làm bố mẹ và chính phủ tốn tiền. Sang đến bên này thì tụ họp lại sống với nhau. Bỏ rất nhiều thì giờ vào việc sống theo cái cách Việt-Nam như hồi ở nhà. Ăn cơm Việt-Nam, nói chuyện thương nhớ Việt-Nam. Bỏ vừa đủ thì giờ vào việc học để lấy xong mảnh bằng. Và bỏ rất ít thời giờ vào việc tìm hiểu cái hay cái dở của xã hội xứ người. Khi về, được tiếng là du học, được người ở nhà kỳ vọng, đợi chờ, nhưng chả đem lại được cái gì hay cho đồng bào, đất nước ở nhà, ngoài một mảnh bằng nhiều khi cũng không ăn nhập gì với hoàn cảnh và khung cảnh Việt-Nam.

Rồi nhìn đồng hồ, Trọng dặn : « Mình phải ra đón xe buýt xuống phố không có muộn giờ chị ạ. Ngày mai đến lượt chị kể chuyện đời và chuyện Việt-Nam cho em nghe. »

Ra ngoài, trời thật lạnh. Trọng kéo chiếc mũ dính liền ở áo lạnh lên che đầu. Diềm mũ đã sờn, sơ sác. Chiếc quần vải xanh của hẳn bạc phếch. Hẳn chống chiếc gậy, mỗi bước đi lại lệch hẳn cả người sang bên phải. Hẳn vừa đi vừa huýt sáo bài Gia tài Mẹ của Trịnh Công Sơn. Ánh sáng đèn đường trắng bệch. Và bóng hẳn đồ dài trên hè phố. Dài lêu nghêu. Chao lệch sang một bên.

Tôi bỗng ngẩn ngơ. Không biết sẽ nói gì với cô chú tôi khi về Saigon.

THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão — SAIGON

Điện thoại : 25.861

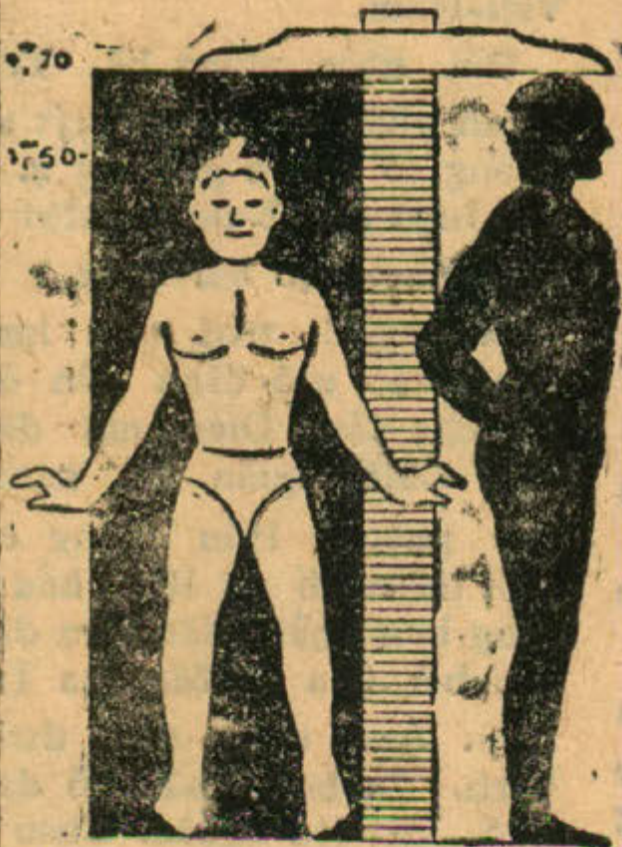
NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG
có xưởng cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cổ áo (étiquette)
màu đẹp, bền, không phai

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện SAIGON

Số : 2.701 THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C - D - PP - B2 - B6 - B12



- CON NÍT MAU BIẾT ĐI
- CŨNG XƯƠNG,
- MẠNH KHOẺ
- NGƯỜI LỚN CŨNG RĂNG
- ÍT ĐAU RĂNG,
- YẾU PHỔI,
- MỆT MỎI

LABOHADZER

VỪA THƠM NGON — VỪA BỔ

SINH HOẠT

Tiếp lời Ông Nguyễn Như Hoàng, thêm ý kiến về chợ Mỹ Lợi và xã Vinh Mỹ

Trong Bách Khoa số Tết Giáp-Dần, chúng tôi có viết một bài về «*Những phiên chợ đặc biệt trong dịp Tết*», trong đó có nói tới chợ Mỹ-Lợi, xã Vinh-Mỹ. Bài của chúng tôi đã được ông Nguyễn-Như-Hoàng nguyên quán làng Mỹ-Lợi sửa sai.

Chúng tôi, cũng như nhà báo, xin thành thật cảm ơn ông Nguyễn-Như-Hoàng về những điều trình bày của ông, tuy nhiên trong bài sửa sai của ông Hoàng, còn có nhiều điều cần phải nói lại cho thật đúng.

Vốn là con người phục-thiện, sau khi đọc bài của ông Hoàng, chúng tôi đã cố gắng trở lại Thừa-Thiên, tìm gặp những người chính quê ở Mỹ-Lợi để kiểm soát lại, và chúng tôi cũng đã tìm đọc trở lại những tài liệu chúng tôi đã căn cứ vào đó để viết bài cho Bách Khoa số Xuân Giáp-Dần.

Chúng tôi xin phép được nói rõ, chúng tôi đã căn cứ theo: a) Quyển Địa-phương-hí tỉnh Thừa-Thiên, do Ty Thông-Tin Thừa Thiên soạn cho Bộ Tâm-Lý-Chiến vào năm 1967.

b) Những lời chỉ dẫn của một số bạn hữu quê ở Tổng Phụng-Chánh, Huyện Phú-Lộc (Tổng Phụng-Chánh nay đổi là quận Vinh-Lộc).

Trước khi nói đến chợ Mỹ-Lợi, chúng tôi nghĩ cần xác định lại ở đây về danh từ Xã và Làng.

Làng và Xã trước đây cho đến tháng 8-1945 đều dùng để chỉ một đơn vị hành chính, dưới cấp Tổng-Nhiều làng hoặc xã họp lại thành một Tổng, nghĩa là Làng và Xã tương đương như nhau, đứng đầu có một Hội đồng kỳ mục với ông Tiên-chỉ ngoài ra lại có ông Lý-trưởng là nhân viên chấp hành. Nhỏ là làng, to là xã. Sau biến cố tháng 8-1945, chính quyền hồi đó, vì lý do chính trị, đã gộp nhiều làng hoặc xã thành một đại xã hoặc liên xã sau đó lại đổi đại xã hoặc liên xã thành xã và một xã gồm nhiều làng.

Chính sự tương đương giữa hai danh từ Làng Xã trước tháng 8-1945 nên trong bài *Những phiên chợ Tết đặc biệt*, chúng tôi đã dùng cả hai danh từ Làng và Xã theo nghĩa cổ truyền.

Chúng tôi xin trở lại làng Mỹ-Lợi và quận Vinh-Lộc.

Tổng Phụng-Chánh nay đổi thành quận Vinh-Lộc trước đây có tất cả 14 làng. Khi chính quyền đổi Tổng này thành quận Vinh-Lộc thì 14 làng cũ được gộp lại thành 7 xã: Vinh Thanh, Vinh An, Vinh Hưng v.v... trong đó xã Vinh Mỹ là làng Mỹ Lợi cũ.

Khi nhắc tới xã Vinh Mỹ tức là nhắc tới làng Mỹ-Lợi, điều này ông Hoàng nói đúng, xã Vinh-Mỹ hay làng Mỹ-Lợi chỉ là một, nhưng khi

nói chợ Thịt heo Xã Mỹ-Lợi và chợ Tết Xã Vinh-Mỹ chỉ là một thì tuy có đúng nhưng vẫn là sai, vì chợ thịt heo họp trước ngày Tết, còn chợ Tết thì họp trong 3 ngày Tết chứ không phải trong 2 ngày (điều này chính chúng tôi cũng lầm trong bài "Những phiên chợ Tết"; hơn nữa chợ Thịt heo nằm trên thôn 2, còn chợ Cồn nằm trên thôn 3.

Xã Vinh-Mỹ (làng Mỹ-Lợi trước đây) ngày nay có 2 ấp: ấp Mỹ-lợi I gồm thôn 1 và thôn 2; ấp Mỹ-Lợi 2 gồm thôn 3 và thôn 4.

Mỗi thôn còn chia làm nhiều xóm, xóm còn được gọi là Phường. Mỗi Phường có nhiều Phiên tương đương với một Ngõ ở miền Bắc. Phiên còn gọi là Bức.

oOo

Đề chấm dứt, chúng tôi xin xác định lại:

a) Xã Vinh-Mỹ và làng Mỹ-Lợi là một.

b) Chợ thịt heo và chợ Tết là hai.

c) Danh từ làng và xã, xưa và nay nghĩa khác nhau.

Chúng tôi, một lần nữa, xin cảm ơn ông Nguyễn-Như-Hoàng. Tuy bài của ông viết không đúng hẳn, chúng tôi ông là lớp người mới lớn lên, nhưng cũng đã giúp tôi rất nhiều, vì do bài của ông mà chúng tôi có dịp tra cứu lại những tài liệu tương tận hơn và đã được sự soi sáng của một số đồng bào địa phương. Chính những đồng bào này cũng đã nhắc lại điều huyền hoặc tôi đã nêu ra và đã được ông Hoàng cải chính. Chúng tôi tin lời ông Hoàng và chúng tôi cũng tin cả lời của những vị đã chỉ dẫn cho chúng tôi về chợ Cồn.

TOAN-ÁNH

Thuyết trình và triển lãm tưởng niệm nhà Cách-mạng Phan-Châu-Trinh tại Trung-tâm Văn hóa Liễu-Quán Huế

Nhân ngày Húy nhật Phan-Châu-Trinh (24-3-1926), nhóm Tìm Hiểu Văn Sử đã tổ chức thuyết trình và triển lãm tại TTVHPG Liễu Quán để tưởng niệm sự nghiệp xây dựng ý thức dân chủ của nhà cách mạng tiền bối này.

Thuyết trình

Những áp phích trên các bờ tường thành phố Huế đã thu hút một số

lượng đông đảo đồng bào đến dự buổi thuyết trình vào chiều thứ bảy 23-3-74. Đề tài: "Phan Chu Trinh và sự nghiệp xây dựng ý thức cách mạng". Diễn-giả là một giáo sư trẻ quen thuộc và được nhiều thiện cảm của Huế: Ô. Trần-Việt-Ngọc.

Hiện diện trong buổi thuyết trình, chúng tôi nhận thấy ngoài Thượng Tọa Giám-đốc TTVH Liễu-Quán, còn

có Ông Phó Viện trưởng Viện Đại-học Huế, Ông Chủ tịch Hội đồng Tỉnh, một số Khoa trưởng và Phụ tá Khoa trưởng, một số Giáo-sư Đại-học, Trung học, một số tu sĩ, nhân sĩ..... tham dự. Thành phần đông đảo nhất vẫn là thành phần sinh-viên học-sinh, như vẫn thường thấy ở những buổi thuyết trình hội thảo khác.

Mở đầu buổi nói chuyện, Thượng Tọa Thích Đức Tâm Giám đốc TTV-HPG Liễu Quán đã nói về ý nghĩa lễ tưởng niệm và giới thiệu diễn giả. Người ta được biết có « một nhóm anh em giáo chức, sinh viên đã họp lại và làm việc trong Ban Nghiên cứu và Học tập của Trung tâm », được mệnh danh là Nhóm Tìm Hiểu Văn Sử.

Tiếp đến, trong không khí hâm hấp nóng của phòng hội, suốt hai giờ liền, bằng một giọng chững chạc và rõ ràng, Giáo sư Ngạc đã đưa thính giả đi vào hành trình cách mạng của chí sĩ Phan Tây Hồ.

Qua bài thuyết trình, chúng ta cũng nhận rõ được lập luận của diễn giả về sự « Xây dựng ý thức dân chủ » của Phan-Chu-Trình :

— Sự thoái trào của chế độ quân chủ ở Việt-Nam kể từ thời Lê Trung Hưng đến sự vong thân của quân chủ nhà Nguyễn sau khi kinh thành Huế thất thủ.

— Phan Chu Trinh là người có công xây dựng ý thức dân chủ tại Việt-Nam, đập phá chế độ quân chủ bù nhìn tay sai thực dân.

Triển lãm

Sáng chủ nhật 24.3.74, cũng tại phòng hội của Trung Tâm Liễu-Quán, từng đợt sóng người tràn vào xem triển lãm tài liệu về nhà chí sĩ cách mạng.

Trên nền nâu đậm dán vào tường chính cuối phòng, đối diện với cửa vào, ba hàng chữ vàng lớn đập mạnh vào mắt người xem : « *Tưởng niệm Nhà Cách mạng Phan Chu Trinh* ».

Trên các cột trụ, người xem đọc được nhiều câu đối của « Các người buôn bán », của « Nam học sinh Trường Quốc-Học », của « Cử nhân Mai Xuân Viên » và đặc biệt là câu đối của nhà cách mạng đồng thời là Phan Bội Châu :

*« Thương Hải vị điền, Tinh Vệ hàm thạch
Chung Kỳ ký tử, Bá Nha đoạn cầm »*

Trên bục gỗ phía trước tấm phong ghi mấy dòng tưởng niệm, có một tủ kính trong đó đặt bộ âu phục của nhà cách mạng (mượn tại nhà thờ của cụ Phan ở Đà Nẵng). Người xem triển lãm có cảm giác rất gần gũi cụ. Cũng trong tủ kính đó, một số tác phẩm của Phan Chu Trinh đã được trưng bày, như Thư Thất Điều, Giai Nhân Kỳ Ngộ...

Quanh mấy phía tường của phòng triển lãm, gần 100 tấm ảnh và sao ảnh tài liệu về Phan Chu Trinh được phóng lớn, trưng bày, có chú thích chi tiết và tổng quát.

Người ta nhận thấy có những hình ảnh về đám tang và những lễ truy

điều, hình ảnh các đồng chí và những nhà cách mạng đồng thời với cụ Phan, (Lương Văn Can, Phan Bội Châu, Huỳnh Thúc Kháng, Ngô Đức Kế v.v.) hình ảnh về tài liệu (các thư và thủ bút của cụ Phan và những người liên hệ với cụ).

Trong một hoàn cảnh như hiện tại,

không kể một vài khiếm khuyết nhỏ về kỹ thuật không thể nào tránh khỏi việc làm của Nhóm Tim hiệu Văn Sử quả là một việc đáng được khích lệ và tiếp tay, nhất là tại một thành phố vốn được coi là văn hóa như Huế.

THIÊN HUY

Những phản ứng về Kế hoạch gia đình và thuốc ngừa thai

Trên số trước, trong mục Sinh hoạt, Bách Khoa có nhắc đến Tuyên ngôn về «Hạn chế sinh sản» của Phong trào Hưng Giáo Văn Đông do L. M. Hoàng sĩ Quý làm Chủ tịch. L. M. Hoàng sĩ Quý cũng là Chủ nhiệm nguyệt san Phương-Đông, nên ông đã dành riêng số tháng 4 và số tháng 5-74 làm những số đặc biệt về «Gia đình và Dân số.»

Trong Phương Đông số tháng 4 đã xuất bản nói trên đây, bác sĩ Nguyễn Tấn Chức, Chủ tịch Hội Bác sĩ Công giáo V.N., có viết một bài về: «*Thử tìm hiểu bộ mặt thật của Kế-hoạch gia-đình*». đề chứng minh vấn-đề kế-hoạch gia-đình «*đã bị lợi dụng, lạm dụng và bóp méo*» như thế nào và tác giả đã trình bày tỉ mỉ cùng dẫn chứng rõ ràng (bằng các con số) về 10 sai lầm căn bản của các chuyên viên kế hoạch gia đình.

Ngoài ra Bác sĩ Chức cũng còn viết một bài về «*Những phản ứng tai hại của việc sử dụng thuốc viên ngừa thai*».

Trong bài này tác giả căn cứ vào rất nhiều tài liệu về thử nghiệm các

thứ thuốc ngừa thai được dùng từ trước đến nay ở nước ngoài để trình bày về: Phản ứng thứ phát (Side effects) của thuốc ngừa thai, các điều kiện cần phải kiểm soát trước khi và trong khi dùng thuốc, thị trường thuốc, và mối lợi về ai? Có đến 11 phản ứng thứ-phát của những loại thuốc viên uống mỗi ngày trong cả chu-kỳ và thuốc chích dùng từ giai đoạn 1-3 tháng.

Độc giả có thể tìm đọc những bài trên đây trong Nguyệt san Minh-Đức số 9 (tháng 4 và 5-1974) chủ đề «*Phát triển và điều hòa sinh sản*», của Viện Đại học Minh-Đức xuất bản.

Cũng trong nguyệt san này còn có «*Tuyên ngôn Bảo vệ sinh mạng và Tinh thần truyền thống*» của: Hội y sĩ Công giáo V.N., Trung tâm nghiên cứu phát triển Minh-Đức, Hội nghiên cứu Văn hóa dân tộc, Phong trào Bảo vệ sinh mạng và truyền thống V.N., Phong trào Hưng Giáo Văn Đông, yêu cầu hoãn ban hành luật kế-hoạch gia-đình tại Việt-Nam cho đến khi có hòa bình thật sự.

THU THUY

CAPSTAN điều dài đầu lọc
Hiệu thuốc QUỐC TẾ



Nếu Quý vị thích
hương-vị hảo-hạng
của

CAPSTAN

Quý vị sẽ rất hài-lòng khi hút

CAPSTAN điều dài đầu lọc

Công dụng mới
Thước mới

hemocalcium
B12

BỊ SUY YẾU - CHẬM LỚN
KÉM ĂN - THIẾU MÁU



hemocalcium B12

Có chất Sorbitol để giúp cho
sự hấp thu sinh tố B12
qua màng ruột mà không bị
biến hao.



BRAPP SINGAPORE

Công thức môn
thuốc mới :

HÉMOCALCIUM B 12

BỊ : SUY YẾU — CHẬM LỚN
KÉM ĂN — THIẾU MÁU

Có chất Sorbitol để giúp cho sự tiêu
hấp sinh tố B 12 qua màng ruột mà
không bị tiêu hao.

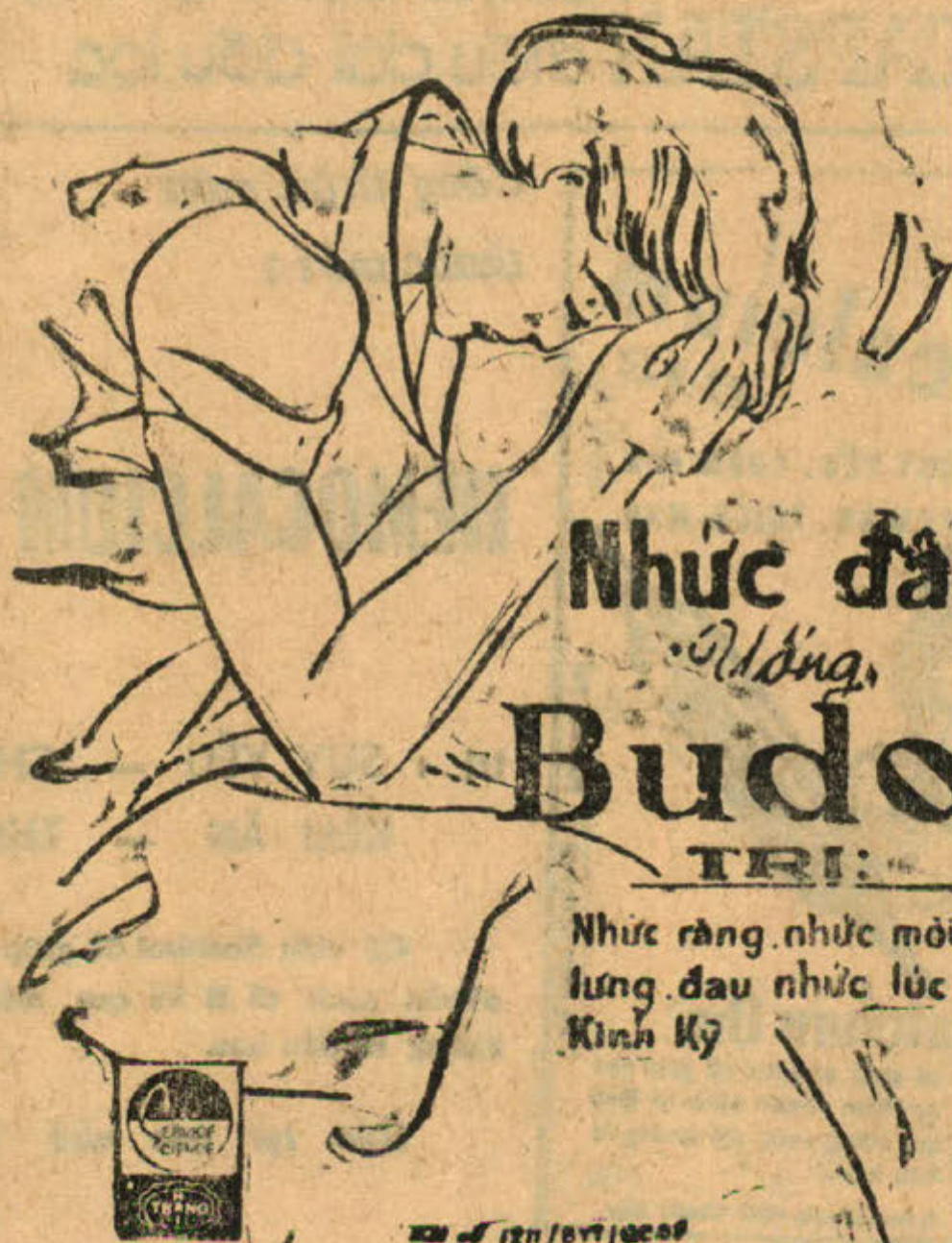
Bán tại các nhà thuốc tây.

Tăng cường sinh lực bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

439-YTDP.D.



Nhức đầu

Đông

Budon

TRI:

Nhức răng, nhức môi, đau
lưng, đau nhức lúc có
Kính Kỳ

12/10/1959

Georges Pompidou...

(Tiếp theo trang 16)

bước xuống. Trong dịp này ông đã nói với ông Kissinger rằng: «Mỗi lần người ta bắt tay tôi, tôi có cảm tưởng như người ta muốn bắt mạch để xem tôi ốm đau ra sao».

Với các nhà báo, Pompidou còn tỏ ra thẳng thắn hơn. Ông nói: «Quý vị làm việc trong những điều kiện khó khăn. Tôi cũng vậy mà tôi đâu có cần nhân». Lần khác ông lại còn tuyên bố với báo chí là: «Mỗi người có một mối ưu tư riêng. Nixon sắp bị bắt buộc từ chức. Còn tôi thì sắp chết?»

Tuy tình trạng sức khỏe của ông càng ngày càng suy sụp, Georges Pompidou vẫn cố gắng giữ mức hoạt động bình thường. Tháng 9-1973 ông lại sang thăm Trung Cộng. Trong cuộc công du này ông quá mệt mỏi nên đã không thể đi thăm được Vạn-lý Trường-thành.

Vậy mà đến tháng 2-1974 ông cũng còn cố sang Nga một lần nữa để gặp Brejnev tại Pitsanda.

Tuy bệnh tình của ông được giữ mặt nhưng dân chúng đã bắt đầu lo ngại khi vào tháng 3-1974 ông không còn đủ sức để chủ tọa hai bữa tiệc lớn nhất trong năm để khoản đãi ngoại-giao-đoàn.

Biết là sắp chết nên ông đã cho áp dụng một số biện-pháp để bảo đảm cho ứng-cử-viên thuộc đảng De Gaulle được đắc cử. Vì vậy mà ông đã cử ông Roger Frey, một cộng sự viên đắc lực của De Gaulle ngày trước,

làm Chủ tịch Hội-đồng Bảo-Hiến để kiểm soát việc bầu cử và đồng thời cử một số quận trưởng thân chính để làm chủ tình thế tại các đơn vị đông cử-tri.

Ngày 2-4-74 Georges Pompidou đột ngột qua đời trước khi hoàn tất được nhiệm vụ. Theo đúng ý muốn của ông, tang lễ được cử hành một cách hết sức đơn giản. Chỉ có các cộng sự viên gần gũi nhất của ông và các Tổng Bộ trưởng trong Nội các được quyền đưa đám ông mà thôi. Các vị Quốc trưởng Quốc vương, Tổng thống các quốc gia trên thế giới tới Paris chỉ dự lễ cầu hồn tại Nhà thờ Notre Dame ở Paris mà thôi. Cuộc đời giản dị của ông cũng đã kết thúc một cách hết sức đơn sơ khi bà Claude Pompidou và người con trai duy nhất là Alain đưa ông về chôn tại một nghĩa địa nhỏ thuộc làng Orvilliers, cách Paris 5 cây số.

oOo

Georges Pompidou đã vĩnh viễn ra đi để lại một nước Pháp bàng hoàng và rối loạn. Khi ra tranh cử Tổng Thống ông muốn tạo cho đời sống chính trị Pháp những phong tục, tập quán mới, cho chính quyền được vững chắc và hữu hiệu, để tránh cho người dân Pháp khỏi tình trạng chia rẽ nội bộ. Định-mệnh đã không cho phép ông được hoàn tất sứ mạng. Ông vừa nằm xuống các cộng-sự-viên cũng như các chính-trị-gia đối lập đã tranh nhau nhẩy ra nắm lấy cái di sản nặng nề ông để lại. Riêng đảng cầm-

quyền của phe De Gaulle đã có tới 3 ứng cử viên Tổng Thống là các ông Chaban-Delmas, Giscard d'Estaing và Edgar Faure. Các đảng đối lập tả phái, xã hội và cộng sản cũng đưa ông François Mitterand ra tranh cử. Cùng với các ứng-cử-viên khác trong đó có 1 phụ nữ và một người thợ gốc

Tunisie, tổng số ứng cử viên Tổng Thống Pháp hiện thời lên tới trên 30 người. Cảnh phân hóa này, làm cho người ta nghĩ rằng với cái chết của Pompidou chính sách De Gaulle lại chết thêm lần nữa.

TỪ MINH

**hãy
hút...**



BASTOS **trời**



ĐẦU LỌC
truyện hảo

Vụ án Nguyễn-An-Ninh

(tiếp theo trang 22)

sướng thấy ông Đô trưởng tham gia vào đám chúng tôi.

« Ông Rouelle đòi sắc mặt từ nghiêm khắc đến hòa dịu :

— Tôi cảm ơn và trong trường hợp này, xin lỗi phải làm phiền ông trong cuộc đi của các ông

« Ông Rouelle ra lệnh cho nhân viên công lực tránh đường.

« Người ta đi vào sân nhà luật-sư Monin.

Leo lên sân thượng, luật-sư Monin nói một vài câu với những người bạn của ông.

— Đồng bào thân mến của tôi, tôi mời đồng bào đến đây dùng cơm. Vì sợ thấy tôi bị kết tội là đã gọi cho đồng bào một thiệp mời, tôi nhắc lại cho đồng bào nhớ là con người chẳng những nuôi sống bằng bánh mì và rượu chát mà còn bằng những lời lẽ tốt đẹp. Bởi vì vị luật-gia đầu tiên của thành phố được bầu lên lấy làm khổ nhục yêu cầu đồng bào chấm dứt cuộc biểu tình này mà tầm quan trọng có ý nghĩa chi nhiều đối với ngày hôm nay, vì thế chúng ta nên tuân lệnh ông.

« Luật sư Monin tiếp :

— Chúng ta vẫn tiếp tục hành động trong chiều hướng các điện-tín sẽ do tôi gửi đến ông Toàn-quyền và Hội Nhân-quần đề đòi hỏi công lý cho chánh nghĩa mà chúng ta đã bênh vực sáng nay. Ước mong mỗi người trở lại nhà được yên lành và

chúng ta chia tay với tiếng hô to :
Hoan hô tự do ! Hoan hô tự do !
Hoan hô nước An-nam !

« Có người thêm :

«— Hoan hô ông Monin !

Và người ta ra về trước cặp mắt chăm chú của mấy anh cảnh sát.»

Tác giả bài báo trên là Đỗ Biết, một cây bút ít xuất hiện trên tờ «La Cloche fêlée». Cho tới nay, chúng ta chưa biết rõ Đỗ Biết là bút hiệu của ai trong tờ báo. Tuy nhiên, một điều cần ghi nhận là giọng văn của Đỗ Biết thường cay cú đối với chế độ thực dân.

Chúng ta đề ý là trong bài tường thuật không thấy có ghi tên nhà chí sĩ Nguyễn-An-Ninh trong đám biểu tình đòi hủy bỏ lệnh trục xuất Trương-Cao-Động ra khỏi Nam kỳ.

Trong tờ «La Cloche fêlée» số 43 ra ngày 22-2-1926, cụ Phan-văn-Trường với bài «Tự do cá nhân» đã cực lực lên án chế độ hà khắc của thực-dân Pháp. Cụ nhắc lại những nguyên-tắc căn bản của bản Tuyên-ngôn Nhân quyền và Dân quyền và hiến-pháp năm 1791 của chế độ Cộng-hòa Pháp. Kế đó, tác giả so sánh luật của Pháp và bộ luật Gia-long để cho thấy, ở đâu cũng công nhận quyền tự do cá nhân. Nhưng theo nhận xét của tác giả, kể từ khi người Pháp đến cai trị, người An-nam không còn một chút chi gọi là tự do. Trong phần kết-luận, cụ Phan-văn-Trường viết : «Chánh phủ Pháp

không mang lại cho chúng ta một thay đổi nào khả quan. Trái lại, sự can thiệp của Pháp chỉ làm tăng thêm những tệ trạng đủ loại... Ở tỉnh nhiều quan Pháp tỏ ra không ưa thích mọi sự hợp-pháp và công-lý. Họ đe dọa bỏ tù người dân bị trị da vàng thích sống yên lành..."

Mặc dầu bài báo không đề cập đến trường hợp Trương-Cao-Động nhưng chúng ta đều thấy rõ cụ Phan tích cực bênh vực cho những người «sống ở đất nước họ nhưng không có quyền tự do, dù đó là tự do cá nhân.»

Như trên đã ghi, đầu năm 1926 tại Sài Gòn xảy ra hai vụ đã tạo ra cái có đề nhà cầm quyền Pháp dựa vào đó bắt nhốt Nguyễn-An-Ninh. Vụ thứ nhất đã tường thuật. Giờ nói qua vụ thứ hai tức vụ biểu tình ngày 21-3-1926 trong vườn bà Đốc-phủ Tài.

Đề kêu gọi dân chúng tích cực tham gia vào cuộc biểu tình, ngày hôm trước tức ngày 20-3-1926 Nguyễn Anh Ninh rải truyền đơn khắp các đường Sài Gòn. Tờ truyền đơn có nội dung như sau (1) :

«Đồng bào ! Đồng bào !

«Đã bảy mươi năm mắc vòng nô lệ. Nay lại được nghe cái chánh phủ ép chế ta bảy chục năm nay (2), nói yêu thương ta, đem văn minh qua cho ta, giúp cho dân ta mau tiến hóa, bảo kẻ thắng trận với kẻ thất trận nay phải hòa hợp với nhau làm một nhà.

«Chánh phủ ép chế nay lại nói ra

mấy câu ấy thì là rộng rãi, cao thượng vô cùng. Dầu ông cha ta trước vì ái quốc mà bỏ mình nơi chiến trường, dầu trong bảy mươi năm ta bị sự ép chế là như hăng hạ sa số, ta cũng phải quên chuyện cũ mà điều hòa với chánh phủ, yêu thương chánh phủ.

«Nhưng mà muốn có điều hòa tương ái, ít nữa chánh phủ phải không được muốn bỏ tù ai thì bỏ tù, phải để cho ta làm báo quốc ngữ tự do. Đã lập ra có luật, có quan toà thì sao lại còn phải làm ngang? Đã bảo điều hòa tương ái sao lại không cho ta cải đổi lại? Còn muốn bỏ tù ai thì bỏ thì là còn ép chế. Không được ngôn luận tự do thì không thể điều hòa tấn hóa được.

«Nay Trương-Cao-Động bị chánh phủ bắt ngang một lần nữa, ta phải thừa dịp này mà gỡ cái mặt nạ của kẻ nói láo. Kẻ này biết rằng nay dùng cường lực mà ép chế ta, rút rĩa của non sông dân sự trong xứ ta thì khó mà làm chủ ta lâu dài nữa. An-nam ta làm trâu ngựa cho người hơn bảy mươi năm nay, đã có ý chán rồi.

«Ta đã thấy rõ ràng rằng ta không thể làm cho cảm tình được kẻ mạnh quyền. Ta đã thấy rõ ràng nếu ta không lo cho ta thì không có ai lo cho ta. Ta sống nhằm trong một đời không thể dùng giọng cảm tình, lời ngon nghĩa mà đối với người được. Và lại, ông Tagore có nói: «Á đông ta

(1) Xem Jeune Annam, số 1 ra ngày 23-3-1926 in lại nguyên văn bằng tiếng Việt.

(2) Nguyễn văn.

không phải người ăn mày theo xin Âu-Tây».

«Nay dân ta còn yếu nhất, làm chi không nổi chánh phủ thì ta hội nhau lại mà cho chánh phủ biết rằng dân ta không chịu chánh phủ ép chế ta nữa, không bằng cho chánh phủ muốn bắt ai thì bắt. Bao nhiêu người chí khí, nhiệt thành của dân ta phải bị chánh phủ giết trối tình thần hết; như vậy thì còn gì dân Nam-Việt. Đã bảy mươi năm nay nào là giết, nào là đày, nào là cấm cố, nào là phá khuấy biết bao nhiêu anh hùng của nòi giống ta. Bao nhiêu đấng không đủ hay sao ?

«Ồ đồng bào !Ồ đồng bào ! Gục đầu mãi mà làm trâu ngựa hay sao ?

«Ai đâu là người biết thương, biết giận, biết tức, còn giữ một chút đứng đấng (1) làm người.

«Xin ngày chúa nhật 21 Mars này đây, tám giờ sớm mai, đến tại miếng đất của bà Đốc-Phủ Nguyễn-Tấn Tài đường Lanzarotte (2), chỗ đãi tiệc tiền (3) chơn ông Monin hôm trước.

E. Dejean de la Bâtie

Nguyễn An Ninh

etc. etc. etc.

« Ông Phan Văn Trường, Nguyễn Phan Long, Trương Văn Bền, Nguyễn Tấn Văn có hứa sẽ đến mà đồng sức với ta. »

Trên đây là toàn thể tờ truyền đơn. Lời văn thật bình dị, giọng văn nhẹ nhàng, không có một chữ Hán Việt nào. Nhưng đó là ngọn lửa âm ỉ cháy trong lòng người dân bị trị kể từ khi chủ quyền dân tộc đã lọt trọn vào

tay ngoại bang. Với tờ truyền đơn này, ông Ninh đã tập hợp được 3.000 người trong cuộc biểu tình đòi công lý, thực thi nhân quyền và dân quyền.

Tờ «La Cloche fêlée» số 51 ra ngày 22-3-1926 có thuật lại vụ biểu tình trong vườn bà Đốc phủ Tài. Tưởng cũng nên dịch lại để bạn đọc hiểu rõ nội vụ và để thấy tài huy động quần chúng của Nguyễn-An-Ninh.

Dựa vào bài báo, cuộc biểu tình với 3.000 người tham dự, được tổ chức trong miếng vườn rộng lớn của bà Đốc phủ Tài chật ních người. Ở một vài nơi, người ta chen chúc nhau đứng sát nhau, thậm chí không còn cựa quậy được nữa. Nhiều người vì muốn nhìn thấy được diễn giả, phải leo lên cây.

Học-sinh trường Chasseloup - Laubat (nay là Trung-tâm giáo-dục Lê Quý Đôn), trường Sư-phạm (nay ở số 7 Nguyễn-Bình-Khiêm với hai Trường Trung-học Trưng Vương và Võ Trường Toản) và các tư thực đều có mặt với con số khoảng 600. Người ta cũng ước lượng số đông xấp xỉ của các đại biểu thợ thuyền,

Ban tổ chức đến lúc 8 giờ sáng ngày 21-3-1926. Họ khó khăn vạch một lối đi giữa rừng người chen chúc.

Chủ tọa đoàn được thành lập ngay trước sự tán thưởng nồng nhiệt của mọi người. Chủ tọa là ông

(1) Ghi theo nguyên tác.

(2) Xóm Lách.

(3) Ghi theo nguyên tác

Lê Quang Liêm tự Bảy với hai phụ tá là ông Nguyễn Tấn Văn, cố vấn Hội đồng thành-phố Sài Gòn và Giáo sư Nguyễn-văn-Bá.

Các ông Trương-văn-Bền, cố vấn Hội đồng thuộc-địa Chợ-lớn và Luật sư Phan-văn-Trường, lúc ấy làm Giám đốc tờ «La Cloche fêlée», có mặt, làm tăng thêm giá trị cho cuộc biểu tình vĩ đại ngày hôm đó.

Mở đầu, chủ tọa yêu cầu mọi người yên lặng và trật tự. Lời yêu cầu này hầu như vô ích : Không bao giờ có cuộc họp công cộng nào được diễn ra trong một trật tự tuyệt hảo.

Với tư cách người chủ xướng đứng ra tổ chức, Dejean de la Bâtie lên diễn đàn. Ông cảm ơn những người có mặt đã đáp lại lời kêu gọi của ông nên đến tham dự thật đông đảo. Như vậy đủ cho thấy quyền lợi mà những người đến tham dự dành cho việc công cộng. Ông vẽ lại trò cười vừa qua mà chánh-phủ dành cho Trương-Cao-Động. Ông xác nhận thêm một lần nữa là cá nhân Trương Cao-Động trong vụ án không quan hệ nhưng người ta phải chống lại quyền độc đoán của Thống-đốc Nam-kỳ cho trục xuất những người An-nam gốc Bắc và Trung kỳ. Theo nhận định của Dejean de la Bâtie, quyết định của Thống đốc Nam-Kỳ không vững và quyết định này cũng không thông-báo cho một ai biết. Người An-nam có quyền ở trên đất nước của họ suốt ba kỳ. Đuổi họ tức đuổi người chủ nhà ra khỏi nhà của hân. Hơn nữa người ta không có quyền đuổi một

người An-nam nào ra khỏi nước Pháp, chẳng thế mà rất lâu rồi Nguyễn-Ái-Quốc có bị đuổi ra khỏi nước Pháp hay không ? Tại Đông-dương, người An-nam có ít quyền hơn tại mẫu quốc ?

Kế đến là Nguyễn Pho lên diễn đàn. Ông đọc nhiều điều khoản trong bản Tuyên-ngôn nhân-quyền và dân-quyền, ông bình luận cẩn thận và dài dòng về những điều khoản này. Ông đòi hỏi nhà cầm quyền Pháp phải thi hành nghiêm chỉnh những điều khoản này cho người An-nam tại Đông-dương. Ông nhấn mạnh đến quyền chống lại áp bức. Khi thì hoà dịu, khi thì cay cú chỉ trích, nhiều lần ông Pho được vỗ tay nồng nhiệt.

Trong số ba diễn giả lên diễn đàn, Nguyễn An Ninh là người nói sau cùng. Vừa thấy ông Ninh, mọi người đều hoan hô nhiệt liệt. Ông người nhỏ thó mà cái bực lại quá thấp cho nên theo lời yêu cầu của mọi người, ông đứng lên trên một chiếc ghế để mọi người đều nhìn thấy. Ông nói làm cho mọi người đều cười ồ lên :

— Chánh phủ bắt chúng ta sống trong nhà tù chật hẹp của những ý nghĩ ngông cuồng. Đồng bào có muốn bắt chước chánh phủ hay không khi bắt tôi đứng trên ghế này ở cái thế cân bằng không bền ? Tôi yêu cầu đồng bào cho tôi được thoải mái hơn.»

Nói xong, ông Ninh bước xuống ghế, đứng trên bực.

Ông nhắc lại lời hứa của chánh phủ là mang lại cho người An-nam

những cải cách tự do, nhưng tới nay, chánh phủ không giữ lời hứa. Ông nhấn mạnh ở điểm là nhà cầm quyền muốn bắt ai thì bắt, muốn bỏ tù ai thì bỏ, trục xuất khỏi Nam-kỳ người gốc ở Bắc và Trung-kỳ là những người không được hân hạnh làm vừa lòng chánh phủ.

Theo nhận xét của ông Ninh người ta đã giáng bên tai sự hợp tác, trong khi đó người Pháp đóng vai anh nhà nông và chủ nhà còn dân bản xứ thì làm thân trâu ngựa. Đề đền bù lại, dân bản xứ nhận tiền lương là lúa gạo và các cú roi vọt. Ông Ninh hô hào đồng bào phải có quyền tự do báo chí viết bằng quốc ngữ, quyền tự do giáo dục, tự do hội họp, tự do đi lại, tự do lập hội tóm lại là các quyền tự do gắn liền với thân phận con người. Ông than phiền số phận của những người An-nam làm công bị đày qua Nouvelle-Calédonie và Nouvelles Hébrides cũng như số phận của hạng người cu-li làm việc tại các đồn điền cao su ở Nam-kỳ. Về điểm này, ông Dương Tam Huê đưa ra nhiều điều chính xác nghiêm trọng về sự ngược đãi dành cho người Bắc-kỳ vô phúc phải phục dịch cho người Âu-châu.

Hai hội viên của đảng Jeune Annam tiếp lời. Họ mong mỏi những người trẻ tham gia vào đảng này vừa mới thành lập.

Sau khi cảm ơn, chủ tọa đoàn đã khéo léo điều khiển phiên họp, Dejean de la Bâtie đọc lá thư của ông Nguyễn-Phan-Long :

Ông Dejean mến,

Như đã nói với ông, chiều nay tôi đi Tây-ninh và sẽ về tối mai.

Trong trường hợp về trễ hoặc đi đường mệt, tôi không thể tới dự cuộc meet-tinh, ông nói lại giùm là tôi một lòng với những người đối kháng và đồng ý với những thỉnh nguyện chánh đáng của họ, ngoại trừ điều liên hệ đến một cuộc biểu tình bất thần.

Thân.

Nguyễn-Phan-Long

Dejean de la Bâtie tuyên bố có thể xem ông Long có mặt trong buổi họp dù ông phải vắng mặt đề đi xa được trừ liệu từ hai tháng nay.

Nhân danh ban tổ-chức, Dejean de la Bâtie nhiệt liệt ca ngợi ông Nguyễn-Phan-Long với lòng can đảm và sự yểm trợ tinh thần mà ông Long mong mỏi đóng góp vào cuộc tụ họp ngày hôm ấy.

Bài tường thuật không ghi tên tác giả, đăng trong số 51 của báo «La Cloche fêlée» tới đây chấm dứt với bản nghị quyết của đại-hội mà chúng tôi sẽ trích đăng sau. Bài tường thuật đính chánh một sai lầm trong sách «Hội-kín Nguyễn-An-Ninh» của Việt-tha Lê-văn-Thử và «Nhà cách-mạng Nguyễn-An-Ninh» của bà Phương-Lan Bùi-Thế-Mỹ. Hai tác giả này đều cho rằng ông Ninh không có mặt trong cuộc họp ở vườn bà Đốc phủ Tài.

Bài báo nói trên đã ghi rõ sự tham gia tích cực của ông Ninh trước những lần vỗ tay hoan hô nhiệt liệt

của đồng bào. Ngoài ra tờ «La Cloche fêlée» số 59 ra ngày 22-4-1926 có đăng ở trang tư hai bức hình: một bức chụp Nguyễn-Pho đang diễn thuyết, một bức chụp Nguyễn-An-Ninh đội nón cát-kết đang chờ nói trước sự hoan nghinh nồng nhiệt của đám biểu tình. Phía dưới hai bức hình có ghi bạn đọc nào muốn có hình, xin liên lạc với nhiếp-ảnh-gia Khánh-Ký, đại lộ Bonnard (nay là Lê-Lợi) Sài Gòn.

Sau đây là bản nghị quyết nguyên văn bằng tiếng Việt, được in dưới hình thức truyền đơn và được dịch sang tiếng Pháp đăng vào cuối bài tường thuật ở số 51 «La Cloche fêlée» :

«Cho chánh phủ biết,

«Ngày 21 Mars 1926, chúng tôi là ba ngàn người An-nam hội tại đất của bà Đốc-phủ Nguyễn-Tấn-Tài, đường Lanzarotte Saigon, mà đồng ý quyết định như sau này :

«Nếu chánh phủ thật muốn Pháp Việt đề huề, thật muốn cho dân An-nam tấn hóa thì ít nữa phải ra luật vãng vàng mà :

«1) Bỏ các luật định về tội riêng của người bần thổ (indigénat); bỏ cái luật cho phép người mướn công được xin bỏ tù người làm công; bỏ cái luật cho phép người bần thổ và người ngoại quốc được xin giam thâu những người bần thổ thiếu nợ; buộc

chánh phủ, ngoài cái tội mà luật đã định, không được động đến sự tự do của người An-nam và định phạt cho thật nặng những kẻ làm trái phép. Chánh phủ phải trả ngay Trương-Cao-Động cho đất Nam-kỳ đặng Trương-Cao-Động chống án về việc bị bắt ngang và đặng làm bằng rằng chánh phủ không còn ép chế như xưa nữa.

«2) cho dân An nam làm báo tự do như làm báo Tây.

«3) cho dân An-nam hội hiệp tự do như bên Pháp.

«4) cho dân An-nam lập trường dạy học tự do như khi trước.

«5) Cho dân An-nam đi du học và đi làm ăn tự do ở ngoại quốc.

«Bằng chánh phủ cứ không chịu cho dân An-nam các điều (1) cần nhứt này thì chúng tôi xin không tin lòng tốt của chánh phủ và cùng nhau thề nguyện đồng tâm hiệp lực mà giải thoát cho dân Nam Việt.

«Ba ngàn người An nam»

Theo lời tường thuật trong báo «La Cloche fêlée» số 51, bản nghị quyết này đã gây xúc động mạnh trong dân chúng. Tên tuổi của ông Ninh từ đó vang vọng mãi và cũng từ đó, ông Ninh bước chân vào con đường lao lý của chế độ thực dân.

LONG-ĐIỂN

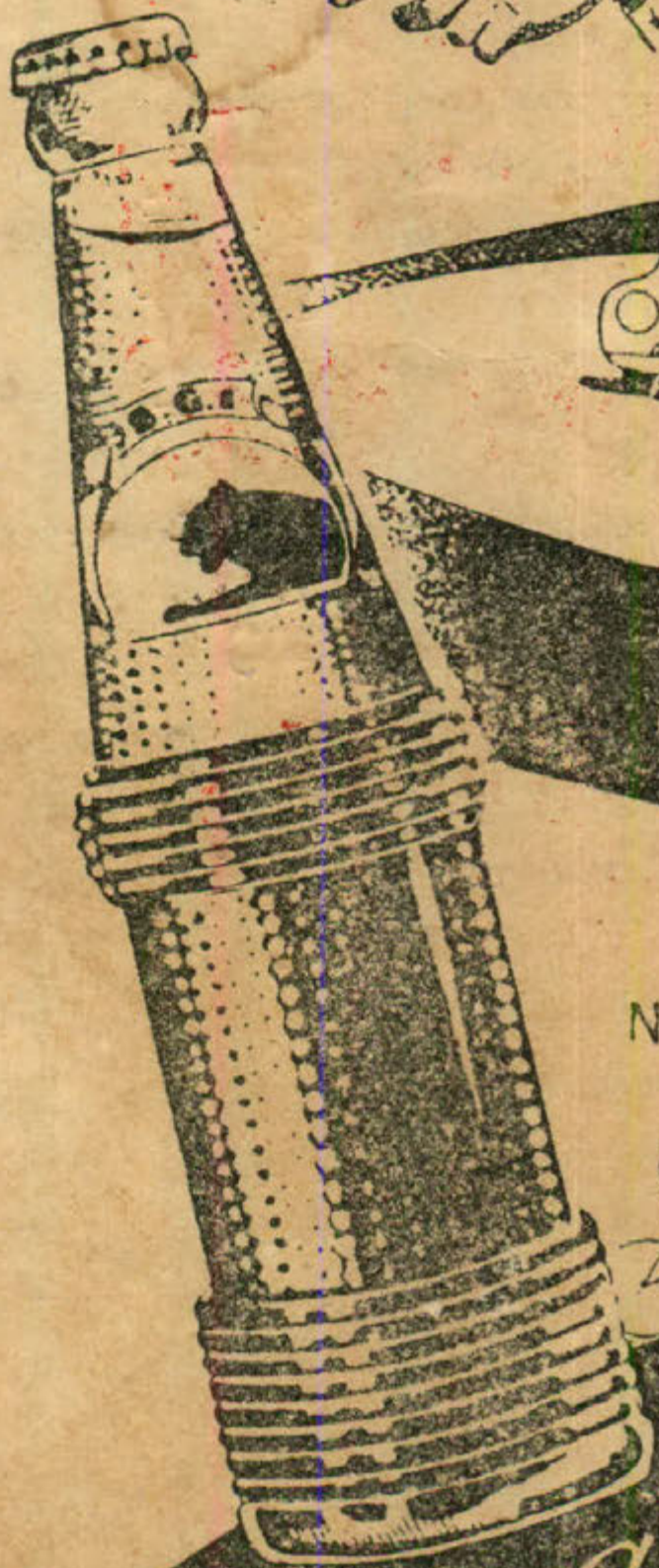
Kỳ sau: Nguyễn-An-Ninh ra tòa

(1) Ghi nguyên văn.

Trong Gia-đình êm-ấm
Hay trên đường xa
khát mệt



Chị có



NUỐC-NGỌT "CON-CỌP"



Chai "HÒA TIÊN"!

CAPSTAN điều dài đầu lọc
Hiệu thuốc QUỐC TẾ



Nếu Quý vị thích
hương vị hảo hạng
CỦA
CAPSTAN

Quý vị sẽ rất hài lòng khi hút

CAPSTAN điều dài đầu lọc



Đôi hàng cảm ơn:

Gom góp được đủ 426 số báo *Bách Khoa* thu vào một DVD là công sức của nhà văn/nhà báo Phạm Phú Minh và Quản thủ Thư viện Phạm Lệ Hương, với sự tiếp tay của chuyên viên Nguyễn Vũ. Nghĩ tới độc giả của *Quán Ven Đường* và đưa tặng là nhã ý của Gs. Trần Huy Bích. *Quán Ven Đường* xin thành thật cảm ơn các vị.